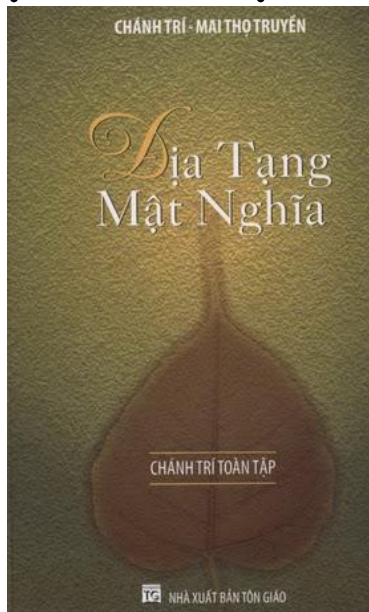


ĐỊA TẠNG MẬT NGHĨA



Chánh Trí Mai Thọ Truyền

--- oOo ---

Nguồn

www.quangduc.com

Chuyển sang ebook 18 - 8 - 2009

Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com

Link Audio Tại Website <http://www.phatphaponline.org>

Mục Lục

Thay Lời Tựa

Lời Dẫn

1. Giáo-Chủ cõi U-minh là gì?
2. Bốn-Tôn nghĩa là gì?
3. Địa-Tạng nghĩa là gì?
4. Dựa vào đâu mà dám giải như thế?

Quyển Thượng

Phẩm I: Đạo-Lợi Thiên-Cung Thành-Thông

Phẩm II: Phân-Thân Tập Hội

Phẩm III: Quán Chúng-Sanh Nghiệp Duyên

Phẩm IV: Diêm-Phù Chúng-Sanh Nghiệp-Cảm

Quyển Trung

Phẩm V: Danh-Hiệu Địa-Ngục

Phẩm VI: Như-Lai Tán Thán

Phẩm VII: Lợi Ích Tồn Vong

Phẩm VIII: Diêm-La Vương Chúng Tán Thán

Phẩm IX: Xưng Phật Danh Hiệu

Quyển Hạ

Phẩm X: Hiệu Lượng Bồ-Thí Công-Đức Duyên

Phẩm XI: Địa-Thần Hộ-Pháp

Phẩm XII: Kiến Văn Lợi Ích

Phẩm XIII: Chúc Lũy Nhân Thiên

Bài Tán

Kết Luận

---o0o---

Thay Lời Tựa

Tôi Đi Nghe Giảng Kinh Địa-Tạng

Thê theo sự đòi hỏi của một số đồng giáo-hữu, Hội Phật-Học Nam-Việt tổ chức, vào mỗi buổi chiều thứ bảy, từ 8g30 tối, một khóa giảng Kinh.

Thứ bảy tuần rồi, 9-11-1957, Đạo-hữu Chánh-Trí đã mở đầu khóa giảng với bộ Kinh Địa-Tạng, trước trên ba trăm thính giả, phần đông là học thức, của đủ các hạng tuổi.

Dưới đây, xin ghi lại những điều nghe thấy và cảm tưởng của chúng tôi đối với buổi giảng đầu tiên.

Viên-Pháp

Trước hết, xin nói ngay là buổi giảng rất hào hứng và linh động, làm cho đa số trí-thức thính giả mắt sáng lên, lòng đầy hoan hỷ, ngồi nghe trót hai giờ đồng hồ mà không biết chán mỏi, vì sung sướng thấy bao thắc mắc, nghi ngờ của mình về vấn đề địa ngục, Địa-Tạng, được giải thích rành mạch.

Về Địa ngục, thường chúng tôi thấy có hai thái độ khác nhau trong hàng Phật-tử:

- Một đảng thì tin có địa ngục, nhưng tin một cách mù mờ, sai lạc, vì thế không dứt đặng nhân địa ngục, để khỏi cái quả địa ngục, cho nên không bao giờ thoát ly đặng cái khổ địa ngục.

- Một đảng thì phân vân bất quyết, không biết phải tin hay không, vì vậy trong trí-quán không có gì dứt khoát và trong hạnh tu không có gì nhưt định.

Đối với Địa-Tạng Bồ-Tát cũng có hai luận tư tưởng khác nhau:

- Một hạng tin rằng đã có ngài Địa-Tạng phát nguyện cứu độ tội vong ra khỏi U-minh địa-ngục, thì ta cứ "làm ăn" như ai, rủi ro có bề nào sẽ có ngài đùm bọc. Ngài lại còn nguyện "Địa ngục chưa trống không, ta quyết không thành Phật", thì dầu ta còn phải đọa địa-ngục lâu xa thế mấy đi nữa, cũng còn có ngài cứu thoát, không đến nỗi nào mà sợ.

Hạng này còn tin đức Địa-Tạng có quyền lực dẫn vong vào cảnh Tây-phương tự tại, vô ngại. Hễ có ngài dẫn, thì không có một quỷ sứ nào dám bắt đem nạp cho Diêm-vương phán xét. Hơn nữa, ngài lại còn có quyền lực phá ngục thả tội mà chẳng có ông Diêm-vương nào dám cản trở. Do những tin tưởng này, mới có việc mượn làm chay với cảnh thầy cả đội lột Địa-Tạng phá ngục giải phóng tội vong. Ôi thôi! Kể sao cho xiết những quan niệm sai lầm như thế về Bồ-tát Địa-Tạng và về quyền năng của ngài! Rõ ràng là những sự tin tưởng thần quyền, ý lại tha lực, làm hoen ố Phật giáo nước nhà!

- Một hạng khác lại suy nghĩ: không lẽ lại có một ông Bồ-tát "cải Trời" cho đến bỏ luật nhưn quả, dảm vì cảm tình với người sống mà làm việc bất công là thả tội hộ vong. Vì suy nghĩ như thế, họ mất lòng chánh tín đối với vị Bổn-tôn Bồ-tát và thôi bộ, không bước được vào cửa Phật tu hành, để mưu hoạch lợi ích cho mình. Thật đáng phàn nàn cho hạng này, vì họ là bậc có trí, biết suy nghĩ và có đạo tâm, chỉ vì không ai chỉ bảo thành ra hiểu lầm, nghi sái.

Nay đạo-hữu Chánh-Trí đem kinh Địa-Tạng ra giảng, lại dám trình bày bạo dạn và vạch rõ phân minh những chỗ bí ẩn trong kinh, để phô bày cái bí nghĩa chân thực, hiển phát cái chân lý Đại thừa, thật đạo hữu đã giúp ích rất nhiều cho những ai chưa thấu triệt. Có vạch rõ như thế những ẩn ý của Phật, mời lia đặng ngón tay mà thấy đặng mặt trăng, không thì cứ ôm dính ba cái chữ, rồi tối vẫn hoàn tối.

Diễn-giả đã theo đường lối nào để đưa thính giả tới chỗ diễn-giả muốn dắt đến?

Vô đầu, đạo-hữu Chánh-Trí thanh minh rằng kinh Địa-Tạng thuộc về quyền giáo, khác với những bộ kinh thuộc về Thực-giáo, trực chỉ Chơn-lý. Có thể xem kinh Địa-Tạng như một bài ngụ-ngôn trường thiên, trong đó Phật dùng ngụ-ý (paraboles) để ám chỉ một chơn-lý đáng phát minh, như những bài ngụ ngôn của các hiền-triết Đông Tây mà cốt yếu là để dạy những nguyên tắc luân lý, hoặc những truyện đời xưa, những truyện giải buồn, do văn-nhơn, hiền-sĩ đặt ra vì thiết tha với thế sự, muốn hoán cải nhơn tâm.

Kể đó, dựa theo những đoạn kinh văn, diễn-giả giải rằng đức Địa-Tạng không phải là một nhơn vật lịch sử (personnage historique), có một đời sống ở thế gian như đức Phật Thích-Ca, mà là một nhơn-vật tượng trưng (personnage symbolique), đặt ra để tiêu biểu cho những đoạn-đức cương quyết, nguyện-lực dồi dào và hành-động linh tiệp. Địa-Tạng cũng chỉ cái gì cực tôn cực quý trong người (Bổn tôn), đủ năng lực đả phá vô-minh, trực tiếp cứu vớt con người ra khỏi cảnh ngục-thất tối đen dày bịt (đại thiết vi), thoát vòng tội lỗi khổ đau, và dẫn con người trở về sùng bái cái cực tôn cực quý ấy là Chơn Tâm của mỗi chúng ta vậy.

Để chứng minh điều mình quả quyết, diễn-giả dẫn câu "Địa ngôn: kiên, hậu, quảng hàm tàng" và nói: Tại sao dùng hai chữ Địa-Tạng để ám chỉ Chơn Tâm? Cứ xem câu vừa trích trong bài tán ở đầu quyển kinh đủ thấy. Địa là chỉ cái gì kiên cố bất diệt, sâu dày không thể đo lường (hậu), và rộng chứa không gì bỏ ra ngoài (quảng hàm tàng). Thế có phải chỉ Chơn Tâm hay Như-Lai-Tạng không? Vì ai đập vỡ Tâm được mà không bảo là kiên cố, ai đo được cái vô cùng tận của Tâm mà không bảo nó sâu dày không thể đo lường, và có gì ngoài Tâm được mà không bảo nó ngậm chứa tất cả?

"Lại nữa, diễn-giả nói tiếp, nếu không ám chỉ Chơn Tâm, thì làm sao cắt nghĩa được câu":

Tam thế Như-Lai đồng tán ngưỡng

Thập phương Bồ-tát cộng quy-y?

"Không lẽ ba đời chư Phật (quá khứ, hiện tại, vị lai) lại đi khen ngợi, ngưỡng mộ một vị Bồ-tát, còn mười phương Bồ-tát lại quy-y với một người đồng đẳng với mình? Thật rõ là ám chỉ cái Chơn-lý bất diệt là Chơn Tâm, mà không ai (kể luôn chư Phật, Bồ-tát) được phủ nhận, vì phủ nhận là còn sống trong vô-minh mà hễ còn sống trong vô-minh thì làm sao có Phật và Bồ-tát? Nói một cách khác, nhờ thể nhận được Chơn Tâm, tán thán ngưỡng

mộ Chơn Tâm, nên Phật mới thành Phật, và cũng nhờ biết quay về an trú nơi Chơn Tâm, sống theo tiếng gọi của Chơn Tâm, nên Bồ-tát mới thành hạnh Bồ-tát."

Đến hai câu:

Thủ trung kim tích, chấn khai địa-ngục chi môn.

Chưởng thượng minh châu, quang nhiếp Đại-thiên chi giới.

Diễn-giả giải thích:

"Đó là một lối dùng biểu tượng (symbole) để diễn tả những công năng của Chơn Tâm. Tích trượng (gậy sắt), tượng trưng cho cái ý-chí cương quyết (volonté de fer) bẻ xiềng xích, phá ngục tù của những người thức tỉnh, tức là đã trở về với Chơn Tâm. Đó cũng là sức mạnh vô song của Chơn Tâm, biết diệu dụng thì không việc thiện nào là không làm được, còn không biết diệu dụng thì nó cũng có thể đưa con người đến chỗ tội lỗi không bờ bến. Vì sao? Vì cái cương quyết làm phải ở người tốt và cái cương quyết làm sai ở người xấu, đồng một mãnh lực như nhau. Tuy hai mà trên căn bản vẫn một, tại chỗ dùng có khác mà một xem tuồng như hai, thí như con dao bén có thể dùng giúp ta xắt cải xắt rau, mà cũng có thể trợ cái giận của ta trong việc chém người hại vật. Còn viên ngọc (minh châu) sức sáng rọi khắp ba ngàn thế giới kia cũng là một lối nói để ám chỉ cái Đại trí huệ, hay Trí Bát-nhã sẵn có ở mỗi người, linh tiệp vô cùng, không đâu chẳng thấy, không gì chẳng biết, bao xa cũng soi tới, bao sâu cũng chiếu suốt. Mà Trí và Tâm không phải sai khác, cho nên nói Đại trí minh châu cũng là nói Chơn Tâm vậy."

Còn mấy câu:

Diêm vương điện thượng

Nghiệp cảnh đài tiền

Vị Nam-phù-đề chúng-sanh

Tác đại chứng-minh công-đức chủ

thì theo đạo-hữu Chánh-Trí, là tả những cái dụng khác của Chơn Tâm, cái dụng hồi quang phản chiếu, quay cái sáng, rọi trở lại đời sống hằng ngày, từ

ngoài cho đến trong, như người Pháp nói "xét lòng" (examen de conscience). "Thật vậy, diễn-giả nói, ai xét ta và luận ta cho bằng lương-tâm ta, vì biết bao nhiêu tội lỗi ta đã tạo mà Công-lý nào biết được! Do đây, bài tán mới vì Địa-Tạng (Chơn Tâm) là ông vua cõi Diêm-la, ngồi trên điện cao để phán xét tội trạng của ta. Còn tự ta muốn biết nghiệp lành, nghiệp ác của ta ư? Thì cứ ngó trở lại vào lòng, cái "guơng lòng" sẽ phản chiếu cho ta thấy tất cả. Guơng ấy là Chơn Tâm Địa-Tạng đó, nên gọi là Nghiệp cảnh (cái kiếng soi nghiệp). Chơn Tâm ta đã là ông Tòa, ông Diêm vương xét tội, thì Chơn Tâm ấy cũng là người chứng kiến và ghi chép những công đức của ta. Thế nên nói Địa-Tạng làm người chứng minh các công đức (mérites) của chúng sanh cõi Nam-diêm phù-đề, tức là cõi thế-gian này vậy."

Tóm lại, diễn-giả chỉ rằng: Địa-Tạng là Chơn Tâm hay Như-Lai Tạng-tâm, đủ cả Tánh-thể, Tánh-cụ và Tánh-dụng. Tánh-thể là Bản tôn, nên "Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng, thập phương Bồ tát cộng quy y". Về Tánh-cụ (có sẵn) thì "kiên, hậu, quảng hàm tàng, từ nhơn, tích thiện, thế cứu chúng sanh" sẵn đủ cả Đại-nguyện (grande volonté), Đại-hạnh (grande activité), Đại-thệ (grande détermination). Vì vậy Kinh chia ra ba phần hay ba quyển: Địa-tạng bốn nguyện, Địa-tạng bốn hạnh, Địa-tạng bốn thế. Rốt hết là Tánh-dụng. Hai Tánh trước đã lớn lao và đầu đủ vô cùng thì cái Dụng của Chơn Tâm cũng vô cùng, do đó mà chúng-sanh trong quá khứ, hiện tại, vị lai, nếu biết quy-y Tâm thì được ra khỏi địa-ngục vô-minh, tức là được cứu độ như Kinh nói.

Đạo-hữu Chánh-Trí giảng đúng với giáo nghĩa của Đại-thừa. Theo lý tuyệt-đối (đệ-nhất nghĩa đệ), ngoài Tâm không pháp, cho nên sự sự đều là Tâm, vật vật đều là Tâm. Tâm tác Thiên đường, Tâm tạo địa ngục, ba cõi chỉ đều do Tâm, mười cõi chỉ đều do Tâm, tất cả đều do Một Tâm (duy Nhất Tâm), không gì ngoài Nó. Cho nên, có chúng sanh thọ khổ địa-ngục nơi Tự Tâm (en Soi), thì Địa-Tạng Bồ-tát cũng cứu độ trong Tự Tâm. Ngoài Tâm, không có địa ngục, chúng sanh nào khác; ngoài Tâm, không có Địa-Tạng phá ngục dẫn vong nào khác. Đây là cái lý bí ẩn của kinh Đại-thừa mà chúng ta cần khám phá và khai thác để tự lợi, lợi tha. Dùng ông Bồ-tát Tự-Tánh mà cứu độ chúng sanh của Tự Tâm, lửa đó, nước đó, thật là muôn phần linh tiệp và diệu dụng.

Đạo-hữu Chánh-Trí đã đem lại cho thánh giả một niềm tin tưởng vững chãi, phấn tấn, vì mình có tự tin ở mình có ông Bồ-tát biết dùng hột minh-châu Đại-trí-huệ chiếu phá vô-minh, tiêu trừ những nỗi lòng đen tối, cõi mở những quan niệm sai lầm, đập phá ngục tham, sân, si, ái... thì mình mới khỏi

cầu ai xa lạ, viễn vọng, vừa khó khăn, vừa không chắc, khỏi mắc phải cái tánh ỷ lại thần quyền, mơ hồ và tai hại.

Lại nữa, nếu tự hay nơi mình có Chơn Tâm linh minh sáng suốt làm quan Tòa, thường ngồi tại bàn án, chiếu gương soi nghiệp, xét nét vô tư những điều ẩn khuất nơi cõi lòng, thì chắc chắn đời người sẽ có sự hoán cải, dứt ác làm lành, đổi đen ra trắng.

Dù rằng, từ trước đến đây, diễn-giả đã dẫn kinh để chứng tỏ rằng Địa-Tạng chỉ là một lối tượng trưng để chỉ Chơn Tâm, trong hàng thánh- giả hình như còn có người chưa tin. Đạo-hữu Chánh-Trí nói thêm: "Tìm hiểu Địa-Tạng Bồ-tát có thật hay không, không quan hệ bằng tìm biết kinh Địa-Tạng có ích gì cho chúng ta trong việc tu hành." Đạo-hữu nói rất có lý, nếu chúng ta nhớ lại Phật thuở xưa kia cũng có lần bác những kẻ đến hỏi Ngài thế giới có hay không có, hữu hạn hay vô biên, v.v.. Phật bảo: Nên hỏi ngay làm sao đăng hiện tiền giải thoát, vì hỏi như vậy mới thiết thực hơn, còn hỏi như trên thì phải sa lầy trong cái đầm lý thuyết.

Có lẽ nhờ lời dạy của Phật vừa nhắc lại, nên diễn-giả hay moi tìm trong kinh điển để khám phá, lượm lặt, những gì có ích lợi cho đời sống thực tế và khai thác những phát minh thực dụng, hầu giúp nhiều bạn đồng đạo cũng hưởng. "Đọc kinh phải cầu lý, đạo-hữu Chánh-Trí nói. Cầu lý là tìm coi Phật muốn nói gì, chỉ gì, chớ không nên thấy chữ đâu hiểu nghĩa đó mà cho là đủ. Nếu nhận nghĩa do nơi chữ, chúng ta sẽ gặp nhiều mâu thuẫn có khi buồn cười, làm cho chúng ta sẽ hoang mang, không làm sao có lòng tin tưởng sắt đá." Thật là một lời khuyên có giá trị đối với thế-hệ hiện nay của trí óc khoa học (esprit scientifique), luôn luôn bất phục trước những cái gì mù mờ.

Tuy đạo-hữu Chánh-Trí đã đem hết sức mình ra giải thích rành mạch, vẫn còn có người thắc mắc, cho rằng nếu theo diễn-giả mà phủ nhận vị Bồ-tát hiện đang hành sự ở cõi U-minh, cứu-độ vong linh thọ tội mà nhiều người đang tin tưởng, thì sẽ làm mất chỗ trông cậy của họ. Chúng tôi nghĩ, nếu tin mà lầm lạc, thì thà đừng tin còn hơn, vì lầm lạc còn khổ hơn không tin. Nếu có kẻ không giữ vệ sinh, không biết ngừa bệnh độc, ăn càn ở bậy, ý y có thầy hay thuốc giỏi, thử hỏi tin tưởng như thế có lợi hay có hại?

Lại có người cho diễn-giả quá thiên về lý mà bỏ sự. Sao lại nghĩ thế? Sự, lý nào phải hai cái khác nhau mà tưởng có thể bỏ sự theo lý. Đã nói kinh Địa-Tạng thuộc về quyền giáo, mà lẽ quyền giáo thì toàn là sự, như nói nào là có ông Bồ-tát danh Địa-Tạng ở cõi U-minh, làm việc độ vong, nào là có ba

ngục lớn chúng sanh trong đó bị các quỷ sứ đầu trâu mặt ngựa đánh khảo đủ điều, v.v.. Nhưng sự, lý, không thể chia hai, thì cố nhiên trong những sự vừa kể phải có cái lý, những cái lý mà rất tiếc chưa ai từng vạch, nên nay đạo-hữu Chánh-Trí mới vạch, để thức tỉnh những ai cho kinh Đại-thừa thiếu căn bản Phật giáo, nói truyện hoang đường.

Để khỏi thiếu sót, chúng tôi xin thêm lời diễn-giả giải về ý ẩn của đoạn sau đây trong bài tán, bắt đầu từ câu: "Nam phương thế giới đồng hương vân... chí câu: Phật ngôn: Địa-Tạng Bồ-tát chí." (xin xem Kinh).

Đạo-hữu Chánh-Trí nói: "Hễ Chơn Tâm phát hiện nơi ai (Bồ-tát Địa-Tạng đến), thì từ nơi thân tâm người ấy phát tiết ra ngoài một cái gì mà trông đến gương mặt là ta cảm thấy một ánh sáng diệu hiền, khiến ta phải kính phục, nghe đến lời nói là ta cảm nhận một cái gì đẹp đẽ, thơm tho, khiến ta ngây ngất, chẳng khác ta tắm mình trong một đám mưa thơm, một đám mưa hoa, v.v.. Cứ trông gương mặt, ngắm xem cử chỉ, lắng nghe lời nói của những bậc chân tu thạc đức, ta sẽ thấy và sẽ cảm như vừa nói. Các nhà tâm-lý-học Âu Tây đều công nhận cái sáng hiện lộ ra ngoài như thế này của những tâm hồn trong sạch, hiền hòa, mà họ gọi là "irradiation".

Nói một cách khác, diễn-giả đã đề cập đến ảnh hưởng hết sức thơm tho lành diệu, sáng sủa êm đềm, của những tâm hồn đã trở về với đời sống giải thoát.

Buổi giảng đầu tiên đã chứng tỏ nơi diễn-giả, không phải một sức học uyên thâm, mà một thực nghiệm tu học khá công phu, chúng tôi tin rằng đạo-hữu Hội-trưởng sẽ không phụ lòng thính giả ở những buổi giảng tiếp.

Viên-Pháp

(Trích Tạp-chí TỪ-QUANG số 70, tháng 11 năm 1957)

Cước chú: Tác-giả viết bài này lúc còn là một cư-sĩ. Mấy năm sau, tác-giả đã xuất gia, giữ nguyên pháp hiệu và đã viên tịch.

---o0o---

Lời Dẫn

Kinh Diệu-Pháp Liên-Hoa, phẩm Phương-tiện, có câu: Xá-Lợi-Phất! Chư Phật tùy nghi thuyết pháp, ý thú nan giải. Sở dĩ giả hà? Ngã dĩ vô số phương tiện, chủng chủng nhân-duyên, thí-dụ, ngôn-từ, diễn thuyết chư pháp. Thị pháp, phi tư-lương, phân-biệt chi sở năng giải, duy hữu chư Phật nãi năng tri chi... Nghĩa: Xá-Lợi-Phất! Các đức Phật tùy sự tiện lợi của mỗi trường-hợp mà nói pháp, với những ý-tứ và ý-hướng khó giải một cách rõ ràng. Tại sao vậy? Ta dùng vô số phương-tiện, như mọi thứ nhân-duyên, thí-dụ, lời nói, mà trình bày các pháp. Không phải lấy trí óc suy lường, phân-biệt mà giải thích được các pháp ấy, chỉ có chư Phật mới năng biết rõ...

Thuyết Pháp là trình bày Pháp (Dharma) hay Chân-lý (Vérité). Gồm các lời trình bày của Phật thành nên Giáo-lý của Phật (la Doctrine du Bouddha). Giáo-lý của Đức Phật rất là uyển-chuyển, hay nói một cách khác, đức Phật có nhiều phương pháp dạy dỗ. Tùy trình-độ của người nghe - trình-độ trí-thức, trình-độ sáng-suốt, trình-độ đạo-đức - mà đại, khái, đức Phật áp-dụng hoặc phương-pháp nhân-duyên, hoặc phương-pháp thí-dụ, hoặc phương-pháp giải-thích bằng lời nói. Tất cả những phương-pháp ấy, Phật gọi dưới một tên chung là phương-tiện (moyens). Phương-tiện rất nhiều, lại biến hóa, thay đổi tùy trường-hợp, còn Chân-lý Phật muốn chỉ dạy có một. Có thể lấy ngón tay hay cây gậy mà chỉ mặt trăng.

Vậy phương-tiện dùng trong bài pháp gọi là "Địa-Tạng Bồ-tát Bồn-Nguyên" này là gì? - Là Thí-dụ, một trong ba phương-tiện nói trong câu Kinh dẫn chứng ở trên.

Thí dụ hay tỷ-dụ là đưa ra một câu chuyện ngụ-ngôn, trong đó hàm chứa nhiều ý-nghĩa, nhiều chân-lý rất hay, rất đúng, mà người nghe, người đọc, cần phải công phu đào sâu để hiểu, chớ không nên hiểu theo mặt chữ. Để chứng minh phương-tiện thí-dụ dùng ở đây, chúng ta hãy nghe bài Tựa xưng tán Bồ-tát Địa-Tạng:

Chí tâm quy mạng lễ

U-Minh Giáo-Chủ, Bồn-Tôn Địa-Tạng Bồ-tát Ma-ha tát:

Khê thủ Từ-Bi Đại Giáo-chủ:

Địa ngôn: kiên, hậu, quang hàm tàng.

Nam-phương thế-giới đồng hương-vân,

Hương-võ, hoa-vân cập hoa-võ,
Bảo võ, bảo vân, vô số chủng,
Vi tường, vi thụ, biến trang-nghiêm,
Thiên, Nhân, vấn Phật thị hà nhân,
Phật ngôn: Địa-Tạng Bồ-tát chí!
Tam thế Như-Lai đồng tán ngưỡng,
Thập phương Bồ-tát cộng quy y.
Ngã kim túc thực thiện nhân duyên,
Tán dương Địa-Tạng chân công đức:
Từ nhân, tích thiện,
Thệ cứu chúng sanh.
Thủ trung kim tích, chấn khai địa ngục chi môn,
Chưởng thượng minh châu, quang nhiếp đại-thiên chi giới.
Diêm-vương điện thượng,
Nghiep-kính đài tiền,
Vị Nam Diêm-phù-đề chúng sanh
Tác đại chứng minh công đức chủ.
Đại-Bi, Đại-Nguyện,
Đại-Thánh, Đại-từ,
Bồn-Tôn Địa-Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát!

Sau đây là bản dịch ra Việt-văn của Ban Hộ-niệm Hội Việt-Nam Phật-Giáo
(Chùa Quán-Sứ Hà-Nội):

Dốc lòng quy mệnh lễ Đức Giáo-Chủ

cõi U-Minh, Địa-Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát!

Dập đầu kính lễ đức Giáo-Chủ

Đại từ-bi: đức độ của Ngài

Như đất dày bao hàm rộng khắp.

Thế-giới phương Nam tỏa mây hương.

Mưa hương, mây hoa cùng mưa hoa,

Mây báu, mưa báu vô số lớp,

Biển hiện diêm lành khắp trang-nghiêm.

Trời, Người hỏi Phật nhân gì vậy,

Phật rằng: Địa-Tạng Bồ-tát hiện,

Chư Phật ba đời đều tán ngưỡng,

Mười phương Bồ-tát thầy quy-y.

Nhân xưa bồi đắp chút duyên lành,

Nay con tán dương chân công-đức ;

Địa-Tạng Bồ-tát đại từ bi

Góp tập thân lành độ chúng sanh:

Rung tích trượng mở toang địa-ngục,

Nắng minh châu soi khắp đại-thiên.

Trước đài "nghiệp kính", điện Diêm-vương,

Vì chúng-sanh ở cõi Nam-Diêm,

Làm Giáo-chủ chứng minh công-đức.

Nam-mô đại-bi, đại-nguyện, đại-thánh, đại-từ

Bản tôn Địa-Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát.

Đây là một bài tán đề ca ngợi (glorifier, rendre hommage) công-đức Bồ-tát Địa-Tạng. Vậy trong văn-từ, phải làm thế nào để cho người ta nhận thấy rõ là lời của người xưng tán nói. Vì vậy, xin đề-nghị bản dịch sau đây:

Tôi hết lòng kính lạy

Đức Giáo-Chủ cõi U-minh Đại Bồ-tát Địa-Tạng Bản-tôn.

Tôi cúi đầu trước Ngài

Là vị Đại Giáo-chủ của Từ-Bi mà chữ Địa (trong danh hiệu) có nghĩa là cứng rắn, sâu dày và ngậm chứa tất cả.

Từ thế giới phương Nam, không biết

bao thứ mây thom, mưa thom, mây hoa,

mưa hoa, mây báu, mưa báu nổi lên,

mang điềm lành làm đẹp khắp nơi.

Trời, Người hỏi Phật do nguyên nhân

nào mà có những điềm lành ấy.

Phật đáp vì có Bồ-tát Địa-tạng đến.

Bạch Bồ-tát:

Ngài là bậc mà chư Phật trong quá khứ, hiện
tại và vị lai đều khen ngợi và kính mến,
Ngài là chỗ mà chư Bồ-tát trong mười phương
đều quay về và nương tựa.

Con nhờ trước có gieo trồng duyên lành
cho nên nay mới được xưng tụng và đề cao
công đức chân thật của Ngài.

Ngài là hột giống Từ,

Ngài là Thiện đôn chứa,

Ngài là Lời Thệ cứu chúng sanh.

Ngài là chiếc gậy trong tay, đập phá cửa ngục
đùng đùng như tiếng sét,

Ngài là viên ngọc sáng trong lòng bàn tay, ánh soi
ba ngàn đại thiên thế giới.

Ngài là Vua Diêm ngồi trên ngai,

Ngài là Gương nghiệp đặt trước đài,

Ngài là chúa các bằng chứng rõ rệt về
công đức của chúng sanh cõi Nam Diêm Phù đề

Ngài là Lòng-Thương-Xót bao la,

Ngài là Lời Nguyện lớn,

Ngài là đấng Thánh Cao

Ngài là Lòng-Thương-Yêu tuyệt đối.

Ngài là Đại Bồ-tát Địa-Tạng, là cái Sẵn-Có đáng tôn đáng trọng nơi tôi.

Chắc quý vị đã nhận thấy sự sai biệt giữa hai bài dịch trước và sau. Xin đương cử một vài sai khác.

a) Theo bản trước thì công-đức của Bồ-tát Địa-Tạng sâu dày như đất. Theo bản sau thì Bồ-tát là cái gì cứng rắn, sâu dày và hàm chứa tất cả như đất.

b) Theo bản trước, Bồ-tát là đấng có lòng đại từ bi, đã góp tập nhân lành. Theo bản sau, Bồ-tát chính là cái Đại Từ-Bi, chính là cái Thiện được tích tụ.

c) Theo bản trước Bồ-tát "rung tích trượng mở toang địa-ngục" và "nâng minh châu soi khắp đại-thiên". Theo bản sau, thì Bồ-tát chính là tích trượng, chính là minh châu.

d) Theo bản dịch trước, Bồ-tát là nhân-chứng những công đức của chúng-sanh, trước đài "Nghiệp kính" và trước điện Diêm-vương. Bản dịch sau quả quyết Bồ-tát là Diêm-vương, là Nghiệp-Kính, là nhân-chứng cao cả nhất của công-đức chúng-sanh.

e) Không phải Bồ-tát là đấng có lòng đại từ, đại bi... mà chính Ngài là Lòng Đại-từ, Đại-bi...

Dịch hiểu theo lối sau, ắt phải làm phát sanh nhiều nghi-vấn. Phật dạy: Tiểu nghi, tiểu ngộ; đại nghi, đại ngộ (nghi ít, tỉnh thức ít; nghi nhiều, tỉnh thức nhiều). Cái nghi này là cái nghi của nhà triết-học (doute philosophique), của hàng trí thức không chịu tin càng tin bướng. Vậy những nghi-vấn ấy như thế nào?

---o0o---

1. Giáo-Chủ cõi U-minh là gì?

Dem ánh-sáng đạo-lý ra soi đường cho thế-nhân, gọi là Giáo-chủ.

U-minh là nơi sâu kín tối tăm (ténèbres), cũng có nghĩa là địa-ngục (enfer).
Tối tăm hay địa-ngục ám chỉ ngu-dốt vô-minh.

Vậy Bồ-tát Địa-tạng là người đem ánh sáng vào chỗ tối tăm, là tâm vô-minh của chúng sanh.

---o0o---

2. Bồn-Tôn nghĩa là gì?

Bồn là gốc (trái với ngọn), là vốn, là cái sẵn có, như vốn của nhà buôn là phần tiền của nhà buôn sẵn có, khi thiếu mới vay thêm. Cái gốc, cái vốn của chúng-sanh là cái mà Pháp-văn gọi là "le Soi" hay bản-thể, nếu muốn nói theo Hán-văn.

Tôn là kính trọng.

Vậy Bồn Tôn là Có Sẵn-Có đáng kính trọng nơi ta.

---o0o---

3. Địa-Tạng nghĩa là gì?

Bài Tựa đã trả lời câu hỏi này. Địa là ý nói cứng rắn, sâu dày, còn Tạng (cũng đọc là tàng, như nói tàng trữ) là ý nói ngậm chứa tất cả.

Vậy vị Bồ-tát nói trong Kinh không phải là một nhân-vật lịch-sử như đức Phật Thích-Ca, mà là một nhân-vật tượng trưng (personnage symbolique) một tỷ-dụ (parabole, allégorie) để chỉ cái Bản-thể, cái "Soi" của chúng sanh. Bản-thể ấy thường được biết dưới cái tên là Tâm.

Tâm vô hình, vô tướng, không ai đập phá được, do đó nói là cứng rắn.

Tâm không thể dò lóng, đo lường được, cho nên nói sâu dày.

Ngoài Tâm là cái vô cùng cực (l'illimité), không có một vật gì hết, hay không một vật nào có được ngoài cái vô-cùng, vô cực, cho nên nói ngậm chứa tất cả.

---o0o---

4. Dựa vào đâu mà dám giải như thế?

Xin thưa: dựa vào toàn bài Tựa chúng ta đang học và trọn bộ Kinh mà chúng ta sẽ học.

Chúng ta hãy trở lại bài Tựa và tìm hiểu nghĩa ẩn của từng đoạn.

I. U-minh Giáo-chủ Bồn Tôn Địa-Tạng Bồ-tát Ma-ha-tát ám chỉ Tâm mà ai cũng có, cho nên nói là sẵn có. Biết tôn trọng Tâm là người đã "minh tâm kiến tánh" và Tâm, trong trường-hợp này, là Giáo-chủ soi đường hắc ám (u-minh) cho mình. Các vị Thiên-sư đẹp qua một bên kinh sách và để hết thời giờ vào chỗ tiếp xúc với Tâm (tham thiền) hầu học hỏi với vị Giáo-chủ này. Lầm lẫn vì tâm, mà giác ngộ cũng nhờ Tâm. Trong khi bị u-minh che ám, muốn thấy đâu chân, đâu giả, đâu thiện đâu ác, hãy lắng lòng trong sạch sẽ thấy. Như thế Tâm không phải là vị Giáo-chủ trong cõi U-minh sao?

II. Địa là đất, mà đất thì cứng rắn, sâu dày và dung chứa muôn loài muôn vật. Bất luận hạt giống nào bỏ xuống đất là mọc. Vì vậy lấy đất mà thí-dụ cho Tâm (có chỗ Kinh dùng danh từ "tâm địa")¹. Tâm vô hình, vô tướng làm sao đập vỡ được, cho nên nói là kiên (cứng rắn); cũng không thể dò lóng Tâm được. Tâm là một cái giếng không đáy, ai muốn đi sâu vào nội tâm đến đâu cũng được, vì vậy nói hậu (sâu dày); ngoài Tâm không có vật cho nên nói quảng hàm tàng (ngậm chứa rộng lớn, tất cả).

III. Nam phương: chỉ Nam Diêm-phù-đề hay Ta-bà Thế-giới là thế-giới chúng ta đang ở đây. Nói Nam phương là chỉ chúng-sanh ta đây. Ở chúng-sanh nào mà có những đám mây thơm, mây đẹp, mây báu là những nhân Thiện-Mỹ-Chân, là có những đám mưa thơm, mưa đẹp, mưa báu tức là những quả Thiện-Chân-Mỹ. Nhân-quả ấy chỉ có được ở những người đã thức-tỉnh, đã trở về với Tâm, hay nói một cách khác, ở những người mà Chân-Tâm đã hiện, đã tới (Địa-Tạng Bồ-tát chí).

IV. Tâm là Phật, Phật là Tâm, tại sao lại nói Địa-Tạng Bồ-tát - Đúng như thế, Tâm là Phật, Phật là Tâm, nhưng Tâm ở chúng-sanh chưa hoàn toàn thanh-tịnh như ở Phật, cho nên chưa gọi là Phật thật được. Tâm ở chúng-sanh thức-tỉnh là Tâm đang tu sửa như Bồ-tát đang tu sửa, cho nên ví Tâm này như Bồ-tát.

V. Vì Bồ-tát Địa-Tạng tượng trưng cho Tâm, mà Tâm một khi hoàn toàn thanh-tịnh thì sanh Trí Bát-Nhã (sáng suốt tuyệt vời) cho nên chư Phật ba

đòi đều phải khen ngợi và kính mến (Tam thế Như-Lai đồng tán ngưỡng) - Trong Kinh Đại Bát-Nhã, Phật dạy: "Này Kiều-thi-Ca, ta nay đã thành Phật mà còn tuân theo Bát-nhã ba-la-mật-đa, ăn náu và đứng vững nơi đây, hà huống những kẻ muốn cầu vô-thượng bồ-đề mà không hết lòng quay về và nương tựa vào đó để tinh cần tu học? (Kiều-thi-Ca, ngã dĩ thành Phật, thượng tuân như thị thậm thâm bát nhã ba-la-mật-đa y chỉ nhi trụ, huống thiện-nam-tử đẳng dục cầu vô-thượng chánh đẳng bồ-đề, như bất ư thử chí tâm quy y, tinh cần tu học?).

VI. Tại sao cũng đồng Bồ-tát như nhau, mà chư Bồ-tát trong mười phương lại cùng quy-y Bồ-tát Địa-Tạng? Chỉ vì Địa-Tạng là Tâm. Muốn thành Bồ-tát phải quy-y Tâm, Bồ-tát rồi mà muốn thành Phật, cần phải quy-y Tâm nhiều hơn, vì Tâm là Đại-Từ, Đại-Bi, Đại-Hỷ, Đại-Xả.

VII. Phải là người đã trông nhiều duyên lành trong tiền kiếp đời này mới chứng ngộ được Chân-tâm, mới thấy hiểu được thế nào là Đại-Từ, Đại-Bi... Có thấy hiểu như thế mới tán dương những công đức ấy của Tâm; bằng không thì theo thế nhân mà "tán dương" những mê lầm của tâm tham vọng.

VIII. Chân-Tâm là Tâm Đại-từ, Đại-bi, cho nên nói Bồ-tát Địa-Tạng là nguyên-nhân, là hạt giống của Lòng Từ (Từ nhân), là nơi tích tụ của những điều thiện (Tích thiện). Có từ, có thiện, tự-nhiên phải nghĩ thương đến người khác, đến chúng-sanh, như đức Phật lúc còn là hoàng-tử. Vì có nghĩ thương, nên mới "thệ cứu chúng-sanh", một lời thệ hết sức dũng mãnh đến thành một ý-chí cương nghị vô song. Sức mạnh đó là "dụng" (effet) của Tâm Từ-bi.

IX. Lòng Từ của Phật quả đúng như vậy, nhưng Ngài phải nói lên một sự thật. Sự thật ấy là Phật chỉ đường mà thôi, còn việc phá cửa ngục vô-minh để giải thoát; mỗi chúng sanh phải tự làm lấy. Phá bằng cách nào? Bằng cách dùng Tâm cương quyết đá phá mê mờ. Vậy Tâm là chiếc gậy sắt có khả năng đập phá cửa ngục, và phải đập đùng đùng như tiếng sét mới phá được. Nói một cách khác, phải có một ý-chí sắt đá (une volonté de fer).

X. Nhưng ý-chí không, chưa đủ, phải có sáng-suốt phụ lực. Sáng suốt ấy là Trí Bát-nhã hay Trí-tuệ tuyệt vời (Intelligence supranormale), và Trí ấy do Tâm thanh tịnh làm phát sanh. Vậy Trí cũng là Tâm; vì vậy nên nói Bồ-tát Địa-Tạng là viên ngọc minh-châu sáng soi tam thiên đại thiên thế giới. Minh châu là thứ ngọc có khả năng chiếu sáng trong đêm tối thí dụ cho Trí-tuệ sáng soi lòng dạ vô-minh hắc ám của chúng-sanh.

XI. Tâm chân-chánh là vị Diêm vương ngồi trên ngai xử tội. Ai biết tội lỗi của ta bằng ta, ai biết lòng ta bằng ta? Lòng ta là Tâm vậy.

XII. Tâm ta cũng là đài gương để soi sáng những hành động thiện ác của ta. Tự vấn lương tâm (examen de conscience) là gì, há không phải ngó vào tấm gương lòng của ta để nhận thấy mọi "nghiệp" của ta?

XIII. Ai làm chứng cho ta bằng ta. Biết bao công-đức âm thầm của những tâm-hồn cao cả mà thế-nhân không thấy, không biết? Thế nhân không biết mà lòng ta, Tâm ta biết. Do đây nói Bồ-tát Địa-Tạng là vị chúa chứng minh công-đức của chúng-sanh.

XIV. Tâm chân chánh, là lòng Từ (Đại-Từ) lòng Bi (Đại-Bi), là nguyên nhân của lời thệ nguyện giải thoát giác ngộ (Đại-Nguyện), của sự thanh-tịnh (Đại-Thánh).

Xin nói lại: không có Bồ-tát Địa-Tạng như một nhân-vật lịch-sử. Bồ-tát Địa-Tạng ở đây, tượng trưng cho Tâm quyết thoát ly địa-ngục tham, sân, si và những thống khổ, là Tâm thanh tịnh, sáng suốt, từ bi; là Tâm biết tự xét.

Nếu tin có Bồ-tát Địa-Tạng thật và tin luôn rằng Bồ-tát có khả năng đập phá cửa ngục để giải thoát chúng sanh đọa tội, vậy luật nhân-quả, nghiệp-báo của Phật còn có giá trị nào? Và con người đâu cần "tự thấp đuốc lên mà đi" như đức Phật dạy, mà cứ tha hồ làm ác, miễn đừng quên kêu cầu với Ngài Địa-Tạng là Ngài sẽ cứu vớt cho...

Chánh-Trí

--- oOo ---

Quyển Thượng

Phẩm I: Đạo-Lợi Thiên-Cung Thần-Thông

Tôi đã nghe như vậy: Một lúc nọ, Phật nói Pháp cho mẹ nghe trên cõi trời Đạo-lợi.

Lúc ấy, tất cả chư Phật cùng chư Đại Bồ-tát trong vô lượng thế-giới không thể nói hết của mười phương, đều nhóm họp và tỏ lời ca ngợi: "Trong đời

ác-độc bị năm dơ-đục làm nhiễm ô, Phật Thích-Ca Mâu-ni lại làm được việc hiện sức mạnh thần thông của Đại Trí-tuệ không thể nghĩ bàn mà điều-phục bọn chúng sanh "cứng đầu", khiến chúng biết thế nào là vui-sướng, thế nào là khổ não".

Ngay lúc ấy, Thế-Tôn mỉm cười, phóng ra trăm, ngàn, muôn, ức đám mây sáng to lớn, gọi là: Đại Viên-Mãn, Đại Từ-Bi, Đại Trí-tuệ, Đại Bát-nhã, Đại Tam-muội, Đại Cát-Tường, Đại Phước-Đức, Đại Công-Dức, Đại Quy-Y, Đại Tán-Thán, v.v..

Xong, Thế-Tôn lại phát ra các thứ tiếng vi-diệu, gọi là: Đàn-na ba-la-mật (Bồ-thí), Thi-la-ba-mật (Trì-giới), Sần-đề ba-la-mật (Nhẫn-nhục), Tỳ-la-da ba-la-mật (Tinh-tán), Thiên-na ba-la-mật (Thiền-định), Bát-nhã ba-la-mật (Trí-tuệ), Từ-bi, Hỷ-xả, Giải-thoát, Vô-lậu, Trí-tuệ, Đại Trí-tuệ, Sư tử-hống, Đại Sư-tử-hống, Vân-lôi, Đại Vân-lôi, v.v..

Các tiếng ấy được phát ra rồi, vô lượng ức Thiên, Long, Quỷ, Thần của thế-giới Ta-bà và các nước phương khác, cũng họp nhau đến trời Đạo-lợi. Đó là Tứ Thiên-Vương, Đạo-lợi-Thiên, Tu-diễm-ma-Thiên, v.v..

Các Thần biển, Thần sông lớn, Thần rạch, Thần cây, Thần núi, Thần đất, v.v.. cùng các Đại Quỷ-vương như Ác-mục Quỷ-vương, Đạm-huyết Quỷ-vương, Đạm Tinh-khí Quỷ-vương, Đạm Thai-nõan Quỷ-vương, Hành bệnh Quỷ-vương, Nhiếp-độc Quỷ-vương, Từ-tâm Quỷ-vương, Phước-lợi Quỷ-vương, v.v.. cũng đều tựu hội về.

Lúc bấy giờ, Phật hỏi Đại Bồ-tát Văn-Thù Sư-lợi: "Ông thấy tất cả chư Phật, Bồ-tát, Thiên, Long, Quỷ, Thần hiện tại cõi trời Đạo-Lợi đây. Vậy ông biết tất cả đông là bao nhiêu không?" - Văn-Thù bạch: "Dù có dùng thần lực mà đếm trong ngàn kiếp, tôi cũng không biết rõ con số".

Phật bảo Văn-Thù: "Ta lấy mắt Phật mà xem, cũng không biết đúng con số. Nhưng đó là tất cả những ai trong những kiếp xa xưa, được Bồ-tát Địa-Tạng đã hóa độ rồi, đang hóa độ, hoặc sẽ hóa độ, và Bồ-tát đã thành công, đang thành công hoặc sẽ thành công trong việc hóa độ".

Văn-Thù Sư-Lợi nói: "Bạch Thế-Tôn, là người trong quá khứ đã lâu tu thiện-căn và đã chứng trí vô-ngại, tôi nghe Phật nói, tất phải tin lãnh. Còn hàng kết-quả nhỏ như Thanh-văn, Thiên, Long, Quỷ, Thần và chúng-sanh trong đời vị-lai, tuy nghe lời thành thật của Như-lai, bụng vẫn ngờ vực, cho

nên dù có lạy lãnh những lời Như-Lai đi nữa, chưa chắc khỏi dèm chê. Cúi mong Thế-Tôn nói rõ căn nguyên: "Bồ-tát Địa-Tạng làm hạnh gì, lập nguyện gì, mà thành công một cách không thể nghĩ bàn như thế?"

Đức Phật bảo Văn-Thù: "Thí dụ trong ba ngàn đại thiên thế-giới, có bao nhiêu cỏ cây, lùm rừng, lúa mè, tre lau, đá núi, bụi bặm, cứ lấy một trong các vật ấy kể như một sông Hằng, rồi cứ một hột trong số cát của mỗi sông Hằng ấy, kể như một thế-giới, mỗi hột bụi trong mỗi thế-giới ấy kể là một kiếp², và bao nhiêu số bụi chứa trong một kiếp đều dồn chứa lại thành kiếp (thì số kiếp này không biết bao nhiêu mà nói). Thế mà từ Bồ-tát Địa-Tạng chứng quả "Thập địa" đến nay, một khoảng thời-gian đã trôi qua, lâu hơn ngàn lần số kiếp thí dụ ấy, đó là chưa nói tới lúc Bồ-tát còn ở bậc Thanh-văn và Bích-chi Phật. - Nay Văn-Thù, oai-thần và thệ-nguyện của Bồ-tát Địa-Tạng không thể nghĩ bàn được. Trong đời vị-lai, nếu có trai lành gái tín nào nghe được tên Bồ-tát rồi mà chiêm-ngưỡng lễ bái hoặc xưng tụng danh hiệu, hoặc cúng dường, dẫn đến vẽ, khắc, đắp, sơn hình tượng Bồ-tát, thì những nam nữ ấy sẽ được trăm lần sanh lên trời Đao-Lợi³, vĩnh viễn không còn rơi vào ba đường ác (địa-ngục, nga-qui, súc-sanh).

"Văn-thù, trong thời xưa cách nay không biết bao nhiêu kiếp, tiền thân của Địa-Tạng Bồ-tát là con trai một nhà giàu. Thời ấy có Phật là Sư Tử Phần Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh Như Lai. Người con nhà giàu thấy Phật tướng tốt, trang nghiêm bằng ngàn phước, bèn bạch hỏi Phật đã có những hạnh nguyện gì mà được tướng ấy. - Phật Sư Tử đáp: Muốn chứng được thân ấy, cần nên cứu độ tất cả chúng-sanh thọ khổ trong một thời-gian lâu xa.

"Người con nhà giàu nghe xong bèn phát nguyện: Từ nay cho đến không biết bao nhiêu kiếp trong vị-lai, tôi nguyện vì chúng-sanh tội lỗi và đau khổ trong sáu nẻo luân hồi, rộng bày phương-tiện, khiến cho tất cả đều được giải thoát hết, chừng ấy tôi mới thành Phật. Vì đã lập nguyện lớn đó trước Phật Sư-Tử cho nên đến nay, không biết bao nhiêu trăm ngàn muôn ức na-do-tha đã qua rồi, người con nhà giàu ấy vẫn còn làm Bồ-tát.

"Lại trong quá khứ xa xưa không biết bao nhiêu a-tăng-kỳ kiếp, có Phật ra đời, hiệu Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai, thọ bốn trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ kiếp. Trong thời "tượng pháp"⁴ của đức Phật này, có một người con gái dòng Bà-la-môn, phúc đức sâu dày, thiên hạ đều tôn kính, đi đứng nằm ngồi, đều được chư Thiên che chở. Bà mẹ của cô tin xằng, thường khinh dễ Tam-Bảo⁵. Cô gái đạo-đức ấy đã dùng nhiều phương-tiện khuyên dụ mẫu thân, để bà sanh chánh kiến⁶. Nhưng mẹ cô vẫn chưa có lòng

tin chân chánh, kể không bao lâu, bà chết, thần-hồn rơi vào địa-ngục "vô gián".

"Biết mẹ lúc tại thế không tin nhân-quả, ắt theo nghiệp quấy mà sanh vào nẻo ác, cô bèn bán nhà cửa, mua nhiều hương hoa cùng những lễ phẩm khác, đem đến cúng dường các chùa tháp thờ Phật. Tại một chùa nọ, cô thấy tượng Như Lai Giác Hoa Định Tự Tại Vương, dung mạo uy-nghi, đoạn trang nghiêm nghị. Cúi lễ tượng Phật, lòng thêm kính mộ, cô nghĩ thầm, "Phật tên Đại Giác, nghĩa là đầy đủ mọi trí. Nếu mẹ mất lúc Phật còn tại thế và mình đến hỏi Phật, ắt mình biết được mẹ ở đâu". Nghĩ xong, cô khóc nức-nở rất lâu, mắt không rời tượng Phật. Bỗng trong không-trung có tiếng nói: "Người con gái đang khóc kia, chớ nên bi ai như thế, để ta chỉ cho chỗ mẹ ngươi đến".

"Cô gái Bà-la-môn chấp tay hướng lên trên không nói: "Bạch Ngài, Ngài là Thần nào mà làm voi sợ lo rầu của tôi như thế? Tôi từ mất mẹ đến nay, ngày đêm nhớ mến, nhưng không biết hỏi đâu cho ra chỗ mẹ tôi thác sanh".

"Trong không trung lại có tiếng: "Ta là đấng mà ngươi đang chiêm ngưỡng lễ-bái: Phật Giác Hoa Định Tự Tại Như Lai của thời quá khứ. Vì thấy ngươi nhớ mẹ hơn thường tình chúng sanh, cho nên ta đến nói cho ngươi biết".

"Cô gái nghe xong té quỵ, tay chân rũ-rượi. Kẻ tùy tùng đỡ dậy, dây lâu mới tỉnh, cô bèn bạch trong không: "Xin Phật thương xót nói ngay cho con biết coi mẹ con thác sanh về đâu, kéo thân tâm con sắp chết mất".

"Phật Giác-Hoa nói: "Cúng dường xong, ngươi nên sớm về nhà, ngồi ngay thẳng suy gẫm về danh hiệu của ta, sẽ biết chỗ thác sanh của thân mẫu ngươi".

"Cô gái làm y lời Phật dạy. Trải qua một ngày một đêm, cô bỗng thấy tự thân đi đến một bãi biển nước sôi sùng-sục. Trên mặt biển, nhiều thú dữ, thân toàn bằng sắt, đang sũa đuổi nhau, chạy qua chạy lại. Dưới biển, trời hụp trăm ngàn muôn chúng-sanh, đang bị những thú dữ ấy tranh nhau ăn thịt uống huyết. Cô lại thấy nhiều quỷ Dạ-xoa, hình tướng khác nhau, con thì nhiều tay nhiều mắt, con nhiều chân nhiều đầu, nanh lòi khỏi miệng, bén nhọn như gươm, lừa các tội nhân lại gần ác thú cho chúng chụp bắt, thân tội-nhân phải quặp lại, đầu chân đụng nhau. Còn nhiều tình trạng khác, chẳng dám nhìn lâu.

"Nhưng nhờ niệm Phật, cô gái Bà-la-môn không sợ. Một Quỷ-vương tên là Vô-Độc, cúi đầu tiếp cô và thưa: "Lành thay Bồ-tát! Ngài có việc gì đến đây?" Cô gái nói:

"- Đây là xứ nào?

"- Đây là Biển thứ nhất, phía Tây núi Đại Thiết-Vi. Quỷ-vương đáp.

"- Tôi nghe trong núi Thiết-Vi có địa-ngục, việc ấy thật không?

"- Thật có địa-ngục.

"- Làm sao đến địa-ngục được?

"- Nếu không nhờ oai-thần thì phải vì nghiệp-lực, ngoài hai điều ấy không đến địa-ngục được.

"- Tại sao nước sôi sùng-sục và trong nước có nhiều tội-nhân và thú dữ như vậy?

"- Những tội-nhân đó là những chúng-sanh làm ác ở Diêm-phù-đề mới chết và đã trải qua 49 ngày rồi. Nhưng vì không người hương lửa lo làm công đức cứu nạn cho, lại lúc sống họ không có trông nhân lành, cho nên nay phải theo nghiệp địa-ngục của họ mà tự nhiên lộn qua biển này. Cách biển này mười muôn do-tuần⁷, về phía Đông, còn một biển khác, khổ gấp mấy lần ở đây. Phía Đông biển thứ hai này, còn một biển khác nữa, khổ hơn rất nhiều. Ba biển này gọi chung là "Biển Nghiệp", nơi "chiêu cảm"⁸ của ba nghiệp ác.

"- Địa-ngục ở đâu?

"- Phía trong ba biển ấy, và số địa-ngục nhiều đến trăm, ngàn, mỗi mỗi khác nhau. Ngục to thì có 18 cái⁹, kể có 300, khổ sở khôn lường; kể nữa có ngàn trăm, cũng khổ sở khôn lường.

" Cô gái lại hỏi:

"- Mẹ tôi chết đến nay chưa bao lâu, không biết hồn-thần đi về đâu?

" Quỷ-Vương hỏi lại: "Thân mẫu của Bồ-tát, lúc sanh tiền làm những hạnh nghiệp gì?

"- Mẹ tôi tà kiến, dèm chê Tam-Bảo, hoặc có tạm tin đi nữa, rồi cũng trở lại không kính. Tuy chết chưa mấy ngày nhưng không biết đi về đâu.

"- Thân mẫu Bồ-tát tên họ gì?

"- Cha mẹ tôi đều là người dòng Bà-la-môn; cha tôi tên Thi-La Thiện-Kiến, mẹ tôi tên Duyệt-đế-lợi.

" Qui-Vương Vô-Độc chấp tay nói: "Xin Thánh-nữ trở về, khỏi lo nhớ sầu thương. Nữ tội Duyệt-đế-lợi đã sanh lên trời đến nay là ba hôm rồi, ấy vì nhờ con hiếu thuận đã vì mẹ mà cúng dường, tu phước, bố thí chùa tháp của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai. Chẳng phải chỉ có thân mẫu của Bồ-tát được thoát địa-ngục, mà ngày ấy, bao nhiêu tội nhân trong ngục Vô-gián cũng nhờ sự bố-thí cúng dường ấy mà được vui sướng và đồng sanh về cõi thiên.

" Quý-vương nói xong, chấp tay lui bước.

"Người con gái bà-la-môn trở về tỉnh mộng, nhớ việc đã nghe thấy, liền đến trước tháp tượng của Giác Hoa Định Tự Tại Vương Như Lai lập nguyện lớn rằng:

"Tôi nguyện cho đến hết các kiếp trong vị-lai, hễ có chúng sanh tội khổ là tôi rộng mở phương-tiện, làm cho họ được giải-thoát".

"Phật bảo Văn-thù: "Quý-Vương Vô-Độc lúc ấy là Bồ-tát Tài-Thủ bây giờ đây, còn cô gái Bà-la-môn là Bồ-tát Địa-Tạng vậy.

---o0o---

Mật nghĩa:

Điểm đặc biệt ở đây là Phật không thuyết pháp ở thế-gian, cho người thế-gian nghe, mà trên trời Đao-lợi, cho mẹ đã chết nghe và trước vô số chư Phật, Bồ-tát, Thiên, Long, Quỷ, Thần. Vậy phải "không là phàm" mới nghe được lời Phật dạy trong kinh này.

Vào đoạn đầu đã thấy ý hướng của Kinh, trong lời khen đức Thế-Tôn. Ở thế-gian, chúng sanh cứng đầu (cang cường) rất nhiều, ngoài Phật là bậc đại trí-huệ có nhiều phương-tiện chế phục họ, thì không ai làm được. Dem đạo

lý nhân-quả ra nói họ không nghe, thì nay Phật dùng phương "Bồ-tát Địa-Tạng".

Mật nghĩa "Địa-Tạng là Tâm" được chứng minh trong đoạn Kinh nói chư Phật, Bồ-tát, Thiên, Long, Qui, Thần, đông vô số kể, đều hoặc đã, hoặc đang, hoặc sẽ chịu ơn hóa độ của Địa-Tạng. Chư Phật đã, chư Bồ-tát đang, còn Thiên, Long..., sẽ chịu ơn ấy. Và nhất định Địa-Tạng thành công, vì tất cả là Phật sẽ thành, thì tự nhiên tất cả phải quay về với Tâm và nghe Tâm dạy dỗ.

Nói oai thần thế nguyện của Địa-Tạng, là nói oai thần thế nguyện của Tâm. Tâm mà cương quyết thì có đủ quyền năng, thần-thông (pouvoirs surnaturels).

Ai biết quay về với Tâm, chiêm ngưỡng Tâm, kính trọng Tâm, hy-sinh (cúng dường) cho Tâm, thì người ấy sống trong đường thiện (sinh thiên).

Đến đây, Thế-Tôn đưa ra hai sự tích:

1. - Địa-Tạng là con một nhà giàu, như câu truyện anh cùng tử trong Kinh Pháp-Hoa. Tâm Phật và Tâm chúng sanh không khác. Mà Tâm Phật đầy đủ muôn đức, giàu có như thế, thì Tâm chúng-sanh cũng giàu như thế. Nhưng cái giàu của chúng-sanh là cái giàu chưa khai thác, cho nên phải khai thác bằng sự phát lòng từ-bi và nếu "tinh tấn để đầy đủ muôn hạnh lành" thì sẽ được như Phật Sư Tử Phấn Tấn Cụ Túc Vạn Hạnh.

Ý Phật dạy: Muốn thành Phật phải phát lòng Từ-bi và mạnh dạn (su-tử) ra sức (phấn tấn) trên đường lập đây (cụ túc) muôn hạnh lành (vạn hạnh)

2. - Địa-Tạng là một cô gái Bà-la-môn đạo đức. Trong câu truyện này, Phật dạy:

- Muốn biết hướng dắt dẫn của tội nghiệp thì nên nhập định, tư duy. Cô gái hỏi Phật Giác-Hoa, Phật không chỉ mà bảo về nhập định tư duy, là nghĩa này.

- Tin xằng, không Chánh-kiến, không Chánh-tín, không biết quy-y Tam-bảo, nghĩa là không biết kính quý Ánh-sáng nơi Tâm (Phật), Luật-pháp trong trời đất (Pháp) và niềm Hòa lạc của muôn loài (Tăng), lại không tin Nhân-

quả, thì phải vào ngục "Vô-gián" nghĩa là sống mãi trong Vô-minh triền-miên.

- Ba biển thí dụ những nghiệp của thân, khẩu và ý. Chúng-sanh trôi hụp trong ba biển ấy, nóng bức như bị nước sôi nung nấu, đau khổ như bị thú dữ cắn xé.

- Thiết vi là rào sắt. Con người bị giam trong nghiệp chông chát như núi, khó thoát nên ví như núi có rào sắt bao quanh.

- Ai vào địa-ngục? Hạng oai thân và hạng bị nghiệp ác dắt dẫn. Hạng oai thân là những bậc đã giải thoát nhưng vì lòng từ muốn cứu độ nên vào địa ngục để hóa độ.

- Địa-ngục ở đâu? Ở ngay trong những biển nghiệp ấy nghĩa là ai còn nghiệp ác là ở trong địa-ngục.

Ý của đoạn này là: Muốn đầy đủ muôn hạnh phải biết hễ còn nghiệp là còn trong địa-ngục đau khổ, vậy phải tự giác (Giác-Hoa) bằng cách thiên-định (Định Tự-tại).

---o0o---

Phẩm II: Phân-Thân Tập Hội

Lúc đó, những phân-thân của Bồ-tát Địa-Tạng, từ các địa-ngục của trăm ngàn muôn ức thế-giới, nhiều không thể nghĩ bàn, không thể ước lượng, không thể kể nói, đều đến tập hợp tại cung trời Đao-Lợi.

Nhờ thân lực Như-Lai, các phân-thân ấy, từ phương-hướng của mình, họp cùng những người đã được giải-thoát ra khỏi đường Nghiệp, đông đến ngàn muôn ức na-do-tha, đồng cầm hương hoa đến cúng-dường Phật. Tất cả những người cùng đến ấy đều đã nhờ Bồ-tát Địa-Tạng giáo-hóa, vĩnh-viễn không lui bước trên đường Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Tất cả đều đã, từ nhiều kiếp xa xưa, trôi giạt trong sanh-tử, chịu khổ trong sáu đường, không một lúc tạm dừng. Nhờ từ-bi rộng lớn, thế nguyện thâm sâu của Bồ-tát Địa-Tạng, mỗi mỗi chúng được đạo-quả. Khi đã đến cung Đao-Lợi rồi lòng họ vui mừng hơn hờ, chiêm ngưỡng Như-Lai, mắt không tạm rời.

Bấy giờ Thế-Tôn duỗi cánh tay sắc vàng ra, xoa đầu trăm ngàn muôn ức hóa-thân Bồ-tát Địa-Tạng đông không thể nghĩ bàn, ước lượng, nói kể, của vô số thế-giới, và nói rằng:

"Ở thế-giới ác-độc, nhiễm năm thứ dơ-bẩn, ta dạy dỗ chúng sanh cứng đầu như thế, điều phục tâm chúng và khiến cho bỏ ta về chánh. Nhưng vì trong mười phần, có đôi ba còn quen theo thói ác, ta phải phân thân ra trăm ngàn ức để rộng dùng phương-tiện giáo-hóa. Có hạng nhanh nhẹn (lợi căn), nghe rồi là tin lãnh lời ta; có hạng trồng được quả lành (thiện quả), thì ta khuyến khích cho đến chỗ thành-tựu; có hạng tối tăm, phải giáo-hóa lâu ngày mới quay về; có hạng nghiệp chướng nặng nề, (dầu có dạy gì) vẫn không sanh lòng kính mộ. Vì các hạng chúng-sanh sai khác nhau đó, ta phải chia thân ra mới độ thoát hết được, như hiện ra thân đàn-ông, đàn-bà, hoặc hiện ra thân Thiên, Long, hoặc hiện ra thân thần quỷ, hoặc hiện làm núi, rừng, sông, ngòi, ao, rạch, suối, giếng làm lợi cho người, mới độ thoát được. Hoặc hiện thân Thiên-đế, thân Phạm-vương, thân Chuyển-luân-vương, thân nhà giàu, thân quốc-vương, thân Tể-tướng, thân Phụ-thần, thân quan thuộc, thân Tỳ-khưu, Tỳ-khưu-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, cho đến thân Thanh-văn, La-hán, Bích-chi-Phật, Bồ-tát mà hóa độ, chớ chẳng phải chỉ hiện có một thân Phật như ngay đây đâu.

"Chúng ngươi coi, ta đã trải qua nhiều kiếp nhọc-nhằn độ thoát bao nhiêu chúng-sanh tội khổ, cứng đầu, khó dạy như thế. Còn phần chúng-sanh chưa điều phục được, họ theo nghiệp mà chịu sự báo ứng. Nếu họ bị sa vào nẻo dữ, chịu khổ não to, thì lúc ấy, chúng ngươi nên nhớ tưởng đến lời ân cần nhắc nhở của ta ở cung Đạo-Lợi hôm nay mà làm cho, ở thế-giới Ta-bà, cho tới ngày đức Phật Di-Lặc ra đời, tất cả chúng sanh đều được giải thoát, xa lìa vĩnh viễn mọi khổ não và gặp Phật thọ-ký".

Bấy giờ, những hóa-thân Bồ-tát Địa-Tạng của các thế-giới hợp trở lại thành một hình, rơi lệ thương cảm, bạch Phật: "Tôi từ số kiếp lâu xa đến nay, nhờ Phật dìu dắt, được những thần-lực không thể nghĩ bàn và đầy đủ trí-huệ lớn. Những phân-thân của tôi đây khắp trăm ngàn muôn ức Hằng-sa thế-giới; ở mỗi thế-giới, hóa ra trăm ngàn muôn ức thân, mỗi thân độ trăm ngàn muôn ức người, khiến họ qui kính Tam-Bảo, vĩnh viễn xa lìa sanh-tử, đến Niết-bàn an lạc. Ở trong Phật Pháp mà chỉ làm một việc lành nhỏ như sợi lông, giọt nước, hạt cát, hạt bụi, hoặc hứa một việc lành mỏng-manh như sợi lông, sợi tóc, tôi cũng độ thoát lần lần, làm cho thu hoạch được nhiều lợi ích lớn. Kính xin Thế-Tôn chớ vì chúng-sanh nghiệp ác đời sau mà lo nghĩ".

Bồ-tát Địa-Tạng ba lần bạch Phật câu: "Cúi xin Thế-Tôn chớ vì chúng- sanh nghiệp ác đời sau mà lo nghĩ".

Bấy giờ, Phật khen Bồ-tát Địa-Tạng: "Tốt lắm! Tốt lắm! Ta sẽ giúp người vui lòng. Người sẽ thành tựu thế-nguyện lớn đã phát ra từ số kiếp lâu xa, là rộng độ chúng sanh, xong rồi người mới chứng quả Bồ-đề".

---o0o---

Mặt nghĩa:

Phân-thân nghĩa là một thân mà chia ra làm trăm, làm ngàn, v.v.. Mỗi phần gọi là một phân-thân. Đã nói Địa-Tạng tiêu biểu cho Tâm, vậy phân-thân Địa-Tạng là một phần của Tâm.

Tâm chỉ có một như mặt trời chỉ có một.

Những giọt sương đọng trên ngọn cỏ buổi sáng đều phản chiếu toàn ánh mặt trời. Mỗi ánh sáng lóng lánh trên mỗi ngọn cỏ là một phân-thân của mặt trời, và mỗi phân-thân ấy có đầy đủ những đặc tánh của mặt trời.

Mỗi chúng sanh là mỗi giọt sương và tâm của mỗi chúng sanh là phản chiếu toàn ánh sáng của mặt trời Tâm duy nhất.

Lúc còn giọt sương thì thấy có một Mặt trời to trên cao và vô số mặt trời nhỏ dưới đất, nhưng khi sương tan rồi, những mặt trời nhỏ đó đi đâu? Không đi đâu hết. Sương hình-tướng không còn nhưng ánh sáng giác của mỗi giọt thì nguyên vẹn đầy đủ ở Mặt trời bất di bất dịch, bất sinh bất diệt.

Vậy ra, vô số mặt trời sương kia thật chỉ có một mà thôi. Do đây Kinh nói các phân-thân Địa-Tạng hợp trở lại thành một hình.

Cứ như trên thì Tâm Phật và vô số tâm chúng sanh là một. Mỗi phân-thân Địa-Tạng là mỗi tâm chúng sanh, hay để cụ-thể-hóa, là mỗi chúng-sanh.

Phân-thân Địa-Tạng từ các địa-ngục ở vô-số thế-giới đến cung trời Đao-lợi, có nghĩa là những chúng-sanh mà tâm-địa, tuy còn kẹt trong địa-ngục tham, sân, si, vẫn có những lúc thoát ly về chỗ thiện. Đao-lợi ở về cõi Thiên, và cõi này dành cho những người thiện cho nên phải hành nhiều thiện nghiệp mới về được, mới đến hội hợp được ở Đao-lợi. Kinh A-Di-Đà có câu "Bất dĩ thiểu thiện căn phúc đức nhân-duyên đắc sanh bỉ quốc": Không phải ít

căn lành phúc đức mà sanh về nước Cực-Lạc được đâu. Trả lời theo câu hỏi: Sanh về đó để làm gì? Kinh đáp: "Đắc dữ như thị chư thượng thiện nhân cư hội nhất xứ" - Được về đó, để cùng những người lành bậc cao cùng hội một chỗ.

Trong Kinh Địa-Tạng, chúng ta thấy rõ điểm này.

Trước tiên Kinh nói các phân-thân Địa-Tạng tụ họp về cung trời Đao-lợi. Kế đó Kinh bảo còn có những người "đã được giải thoát ra khỏi ba nghiệp" cùng đến. Những người này là "chư thượng thiện nhân" nhắc lại ở trên. Và đó còn là những bậc đã nhờ Địa-Tạng giáo hóa (nhờ tâm khai mở, giác ngộ) mà trở thành hạng "vĩnh viễn không lui bước trên đường Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác". Hạng này là ai? Là những bậc mà Kinh A-Di-Đà gọi là "Bồ-tát bất thối chuyển".

Nhờ đâu các vị này được vào hàng Bồ-tát bất-thối? Kinh Địa-Tạng bảo là nhờ "Từ-bi rộng lớn và thệ nguyện thâm sâu của Bồ-tát Địa-Tạng". Phải hiểu là nhờ các vị ấy đã phát đại-bi tâm và cương quyết tự thệ giải thoát.

* * *

Câu Thê-Tôn nói: "... điều phục tâm chúng và khiến cho bỏ tà về chánh" tóm hết giáo-pháp của Phật. Thật vậy, cốt yếu của các phương pháp tu hành theo Phật-giáo không gì khác hơn là làm chủ tự tâm (linh tâm điều phục) và bỏ tà về chánh (xả tà qui chánh). Do đây mà con đường dẫn đến giải-thoát là con đường Tám Chánh, mà ai điều phục được tâm mình? Chỉ có tâm làm chủ được tâm mà thôi. Do đây nói Địa-Tạng giáo hóa.

Trong tâm ác thực là muôn tội,

Biết lấy gì mà cõi tội đi?

Nghĩ ra cũng chẳng khó gì,

Lại đem tâm ấy, cõi thì dễ không.

Nhưng đó là trên nguyên tắc, còn trong thực-tế, chúng-sanh đâu có đồng đều như nhau, và đâu phải bất cứ ai cũng làm được cái việc đem tâm cõi mở cho tâm. Đại-khái, Kinh Địa-Tạng chia có bốn hạng:

1. Hạng lợi-căn (căn cơ nhanh nhẹn), trí sáng tâm khai, đã có tu hành nhiều đời rồi, nghe được lời Phật hay tiếng quở la của Tâm là tin lãnh ngay.
2. Hạng tâm trí chưa khai mở, nhưng biết làm thiện nghiệp, có thiện quả, thì Phật (hay tâm) khuyến khích tiến tới chỗ thành tựu hoàn toàn. Đây là hạng tu phước, khác với hạng tu huệ phía trên.
3. Hạng tối tăm, căn cơ không bén. Đối với hạng này phải dạy dỗ lâu ngày (cửu hóa) mới bỏ tà về chánh. Nghĩa là phải để cho họ chịu nhiều thử thách gian truân, đau khổ ê chề nhiều đời nhiều kiếp rồi sau họ mới ăn năn cải hối, theo tiếng trách móc của tâm.
4. Hạng chót là hạng nghiệp chướng nặng nề tham, giận, si-mê giải không nổi. Đối với hạng này là hạng không tin không kính một ai cả, thì không làm sao giáo hóa họ được. Có bao giờ họ nghe được tiếng của Phật, của tâm, vì họ mãi nghe tiếng của tham, sân, si!

Nhưng đừng tưởng phải có Phật ra đời mới giáo hóa chúng sanh được. Phật hằng ở một bên ta, trong mỗi chúng ta. Đó là tâm ta vậy và mỗi tâm là mỗi phân-thân của Phật, của Địa-Tạng.

Ai cũng có tâm, thì tâm mình chẳng những là Phật giáo hóa mình, mà còn giáo hóa những người xung quanh mình. Tuy nhiên phải người cùng cảnh ngộ, sự giáo hóa hay dạy bảo lẫn nhau mới có hiệu quả. Vì vậy, đối với hạng tầm thường phải nam, nữ nói mới nghe. Bằng hạng thượng lưu, hạng lành sạch, hạng giàu có, hạng tu hành, thì phải là bậc vua chúa (chuyên luân-vương, quốc-vương, Tể-tướng, phụ-thần, quan thuộc), bậc Đại Hiền Thánh (Thiên-đế, phạm vương), bậc phú gia (cư-sĩ), bậc Tỳ-khưu, Ưu bà tắc... là những người cùng giai cấp, cảnh ngộ với họ, nói họ mới nghe. Thậm chí hạng Thiên Long, quỷ thần, tượng trưng cho những người hiền tầm thường hay người không quá ác cũng có thể giúp người khác tỉnh ngộ.

Nhưng con người không chỉ học với con người, mà còn có thể học với vạn vật trong ngoại cảnh. Núi sông, ngòi rạch... thuộc "vạn pháp" mà trong pháp có Phật (tức sự sống) cho nên nói Phật phân-thân hiện ra trong những vật ấy. Và con người, nếu để tâm suy gẫm có thể học rất nhiều với ngoại cảnh. Những câu ca-dao như "Cây có cội, nước có nguồn", "trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa", "thu tàn xuân thanh"... đều là những bài học về bản-thể, về nhân-quả, về vô thường... rút ra từ vạn vật.

Tu theo Phật-giáo có nhiều phương tiện, có nhiều đường lối. Tuy nhiên, điều kiện cốt yếu là phải mở tâm từ-bi. Do đây Kinh nói: phải ở trong Phật-pháp mà làm việc thiện, dầu nhỏ nhít đến đâu, cũng có lợi ích. Làm thiện mà không ở trong Phật-pháp, là làm với tâm mê-muội, tham lam, mong cầu.

---o0o---

Phẩm III: Quán Chúng-Sanh Nghiệp Duyên

Lúc bấy giờ, thân mẫu của Phật là Ma-Da phu-nhân, chắp tay cung kính hỏi Bồ-tát Địa-Tạng: "Thưa Bồ-tát, chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề có những nghiệp sai khác, vậy sự báo ứng họ nhận lãnh như thế nào?"

Bồ-tát Địa-Tạng đáp: "Thế-giới nhiều đến muôn ngàn, "quốc-độ" cũng nhiều đến muôn ngàn, nơi thời có địa-ngục, nơi không địa ngục, nơi có nữ-nân, nơi không có nữ-nân, nơi có Phật-Pháp, nơi không có Phật-Pháp, nơi có Thanh-văn, Bích-chi-phật, nơi không có Thanh-văn, Bích-chi-Phật, tất cả quốc-độ đều sai khác nhau như thế, chẳng phải riêng tội báo ở địa ngục sai khác mà thôi".

Ma-Da phu-nhân lại bạch: "Xin Bồ-Tát cho nghe những cảm-thọ trong nẻo ác của những tội báo tại thế-giới Diêm-phù-đề".

Địa-Tạng đáp: "Thánh-mẫu, xin Ngài nghe lãnh, tôi sẽ lược nói".

Phật-mẫu bạch: "Xin Bồ-tát cứ nói".

Bấy giờ, Bồ-tát Địa-Tạng bạch với Thánh-mẫu rằng: Sự báo ứng của các tội-nghiệp ở Nam-diêm phù-đề có những danh hiệu như vậy:

- Chúng-sanh nào chẳng hiếu thảo với cha mẹ, thậm chí đến giết hại cha mẹ, sẽ rơi vào địa-ngục Vô-gián, ngàn muôn ức kiếp, không có lúc nào ra khỏi.

- Chúng sanh nào làm cho thân Phật chảy máu, nói xấu Tam-Bảo, chẳng kính kinh điển, cũng sẽ rơi vào địa-ngục Vô-gián ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra khỏi được.

- Chúng-sanh nào xâm lấn và làm tổn hại chùa chiền, làm ô uế hàng Tăng Ni, hoặc ở trong vòng nhà Chùa, để tâm phóng túng, làm điều dâm dục, hoặc

giết, hoặc hại, những bọn như vậy sẽ rơi vào địa-ngục Vô-gián ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra khỏi.

- Chúng-sanh nào giả làm thầy tu mà chẳng có tâm thầy tu, phá tán và lạm dụng nhà chùa, khinh dễ và dối lừa hàng tại-gia, làm trái giới luật, tạo ác đủ thứ, những bọn như vậy sẽ rơi vào địa-ngục Vô-gián, ngàn muôn ức kiếp, không có lúc ra.

- Chúng-sanh nào trộm cắp tiền của, đồ vật thức ăn thức uống, quần áo của nhà chùa, cho đến một vật không ai cho mà cũng cứ lấy, sẽ rơi vào địa-ngục Vô-gián ngàn muôn ức kiếp không có lúc ra.

Địa-Tạng thưa tiếp: "Thưa Thánh-mẫu, chúng sanh nào tạo ra những tội như vậy, sẽ rơi vào năm thứ địa-ngục Vô-gián, mong khổ sở tạm ngừng trong phút chút cũng không được".

Ma-Da phu-nhân lại bạch Bồ-tát: "Tại sao gọi là địa-ngục Vô-gián?"

Địa-Tạng đáp: "Thưa Thánh-mẫu, các nơi có địa-ngục đều ở tại núi lớn Thiết-vi. Địa-ngục lớn có 18 sở, kể là thứ địa-ngục có năm trăm sở, danh hiệu khác nhau; kể là thứ địa-ngục có ngàn trăm sở, danh hiệu khác nhau. Về địa-ngục Vô-gián thì vách thành bao vây tám muôn dư dặm, vách thành này toàn bằng sắt, cao một muôn dặm, trên đầu thành lửa cháy không để một chỗ hở. Những ngục trong vòng thành này liên tiếp với nhau và có những tên khác biệt. Riêng có một ngục tên là Vô-gián, châu-vi một muôn tám ngàn dặm, tường cao một ngàn dặm, toàn bằng sắt cả. Lửa trên cháy xuống, lửa dưới bốc lên; rắn sắt chó sắt, miệng phun lửa, chạy đuổi nhau lại qua trên đầu giường của ngục. Trong ngục, có một cái giường choán cả mười dặm. Một người bị tội, tự thấy thân mình nằm choán cả giường; ngàn muôn người thọ tội, mỗi người cũng tự thấy thân mình nằm choán cả giường. Đó là vì sự cảm xúc của các nghiệp mà chịu sự báo ứng như vậy.

Lại nữa, còn biết bao đau khổ dành cho những tội nhân trong ngục ấy: trăm ngàn quỷ Dạ-xoa cùng các quỷ dữ khác, răng bén như gươm, mắt sáng như điện, móng tay cứng như đồng, móc ruột, xé đứt. Lại có những quỷ Dạ-xoa khác, cầm chia sắt to, đâm vào thân tội nhân, hoặc trúng miệng mũi, hoặc trúng bụng lưng, rồi tung lên trên không và lấy chia hứng lấy, đặt lại trên giường. Lại có điều sắt, mổ mắt người tội; lại có rắn sắt, cắn đầu người tội; trăm đốt xương tay chân đều bị đóng đinh dài; lưỡi kẻ có tội, bị kéo ra cày bừa, nước đồng đổ miệng, sắt nóng vắn mình, chết đi sống lại muôn lần,

nghiệp cảm như vậy, trải qua ức kiếp, muốn ra không biết lúc nào thoát được. Đến lúc thế-giới này hoại rồi, sanh về thế-giới khác; thế-giới khác hoại rồi, lại chuyển sang phương khác; lúc phương này hoại rồi thời xoay vần sanh vào cõi khác. Khi những thế-giới hoại trở lại thành xong, thời tội-nhân lại trở về đó (mà thọ tội nữa). Sự báo ứng của tội lỗi tại địa-ngục Vô-gián là như vậy.

Lại vì năm thứ nghiệp cảm ở địa-ngục ấy nên gọi là Vô-gián. Năm thứ nghiệp-cảm đó là gì?

Một là tội nhân ngày đêm chịu khổ, trải qua nhiều kiếp không lúc nào ngừng dứt, cho nên gọi là Vô-gián.

Hai là, một tội nhân choán đầy cả ngục, mà nhiều người cũng đầy cả ngục, vì vậy mà gọi là Vô-gián.

Ba là, những khí cụ để hành hình, như chia ba, gậy, điều hâu, rắn, sói, chó, cối giã, cối xay, cưa, đục, dao, mác, chảo dầu sôi, lưới sắt, dây sắt, lửa sắt, ngựa sắt, da sống niền đầu, nước sắt nóng dội thân, đói thời ăn hòn sắt nóng, khát thời uống nước sắt sôi. Cùng năm trọn kiếp, đến vô số kiếp, khổ sở nối nhau tới cùng không dứt đoạn, vì vậy nên gọi là Vô-gián.

Bốn là, không luận trai gái, Mùong, Mán, mọi rợ, già trẻ, sang hèn, hoặc Rồng, hoặc Trời, hoặc Thần, hoặc Quỷ, hễ gây tội ác thời có cảm, tất cả đồng chịu như nhau, nên gọi là Vô-gián.

Năm là hễ rơi vào địa-ngục ấy, thời từ khi mới vào cho đến trăm ngàn kiếp, mỗi ngày mỗi đêm, muôn lần chết muôn lần sanh, cầu tạm ngừng trong khoảng một tư-tưởng cũng không đặng, trừ khi tội nghiệp tiêu hết, chừng ấy mới được đầu thai. Vì cái lẽ liên-miên đó nên gọi là Vô-gián.

Bồ-tát Địa-Tạng bạch Thánh-mẫu: "Sơ lược về địa-ngục Vô-gián là như thế. Nếu nói rộng ra thời dầu suốt một kiếp, cũng không thể nào nói cho hết tên của những khí-cụ để hành tội cũng như những sự thống khổ trong địa-ngục đó".

Ma-Da phu-nhân nghe xong, không xiết lo rầu, bà chấp tay đánh lễ Bồ-tát mà lui ra.

Mật nghĩa:

Trước tiên, chúng ta nên xác định nghĩa danh-từ "địa-ngục". Theo Phật-Học Đại-Từ-điển, địa-ngục là dịch nghĩa chữ Phạn Naraka hay Niraya, có nghĩa là: chẳng vui (bất lạc), đáng ghét chán (khả yếm), đủ mọi thứ khổ (khổ cụ), đủ mọi thứ khí-cụ để hành tội (khổ khí), là chỗ Có với Không tranh nhau. Nơi những cái vừa kể nương tựa nằm ở dưới đất (địa hạ), vì đó gọi là địa-ngục.

Vậy thì khi nào trong lòng ta, trong tâm ta (địa) có những điều chẳng vui, đáng ghét, có những khổ đau đủ thứ, có những điều làm cho mình khổ đau như bị hình phạt, còn có sự phân vân, tranh chấp giữa Có và Không thì ta đang ở trong địa-ngục.

Bây giờ chúng ta hãy trở lại bài Kinh.

Câu hỏi đầu của Ma-Da phu-nhân có nghĩa: nghiệp tội lỗi chúng-sanh sai khác nhau, vậy sự báo ứng có sai khác không và sai khác thế nào?

Trong câu đáp, Bồ-tát cho biết: sự báo ứng cũng sai biệt như nghiệp, tùy nghiệp nặng nhẹ. Có những báo ứng ở địa-ngục, có những báo ứng khác, ở những thế-giới và quốc-độ không có địa-ngục, ở những thế-giới có nữ nhâ, ở những thế-giới không có nữ nhân, v.v..

- Ở địa-ngục là ở những quốc-độ (tâm-hồn) hoàn toàn đen tối, đen tối cho đến phạm những tội hết sức nặng nề, gọi là ngũ nghịch (năm tội nghịch hẳn với cương thường, đạo-đức, Chân-lý) có kể trong Kinh:

1. Không hiếu thảo với cha mẹ, hay giết hại cha mẹ
2. Phạm tội sát sanh (làm chảy máu thân Phật) hoặc chê bai Chân-lý (hủy báng Tam

Bảo)

3. Tà dâm làm mất sự trong sạch (xâm lấn chùa chiền, làm ô uế Tăng ni, làm điều dâm dục)

4. Giả dối: giả làm thầy tu, phá tán và lạm dụng nhà chùa (tội vọng ngữ); khinh dễ và dối lừa hàng tại gia (tội khi mạn)

5. Trộm cắp (trộm cắp đồ vật nhà chùa, lấy những đồ vật của kẻ khác khi người ta không cho).

Phạm những tội vừa kể, hay tạo những nghiệp như thế ấy là những con người mà lòng dạ hoàn toàn và luôn luôn đen tối cho nên gọi là vô-gián (không lúc nào dừng). Cái "nhân" bất thiện đã liên miên như thế, thì cái "quả" vô-minh cũng triền miên, cho nên gọi là địa-ngục vô gián. Gọi như thế vì trong tâm những kẻ ấy chẳng vui, có điều chán ghét, luôn luôn sầu khổ (xem lại ở trên)

Ngoài 5 tội trọng trên, do thân tạo ra, còn những nghiệp nhẹ hơn, tạo bởi:

a) những tâm hồn không hoàn toàn đen tối (nơi không có địa-ngục)

b) những ý nghĩ mà thôi (nơi không có nữ nhân)

c) những tâm hồn chưa hứng ánh sáng hay đã hứng được một ít ánh sáng Chân-lý (có hay không có Phật-Pháp)

d) bởi những tâm-hồn đã được thanh tịnh, tinh ngộ phần nào (nơi có Thanh văn, Bích-chi-Phật) hoặc chưa tinh ngộ.

Tất cả tội lỗi ấy đều gây trong ba giới (dục, sắc và vô sắc).

Dục giới thuộc đời sống vật chất của thân.

Sắc giới thuộc đời sống tình cảm.

Vô sắc giới thuộc đời sống tư tưởng, ý nghĩ.

Đoạn sau của Kinh giải hai chữ vô-gián. Tâm con người mà hoàn toàn đen tối, thì mọi nghiệp đều đen tối. Nghiệp đã đen tối thì báo cũng hoàn toàn đen tối (đau khổ vô cùng cực). Trăm người đen tối, thì trăm người như ở chung trong một ngục và tâm ai cũng bị đen tối xâm chiếm hoàn toàn (nằm choán hết giường). Những đoạn nói về cực hình là tượng trưng những đau khổ trong tâm hồn vô-minh hoàn toàn của những người phạm năm trọng tội.

---o0o---

Phẩm IV: Diêm-Phù Chúng-Sanh Nghiệp-Cảm

Lúc bấy giờ Bồ-tát Địa-Tạng bạch Phật: "Thế-Tôn nhờ sức thần của Như-Lai mới phân chia thân hình này khắp trăm ngàn muôn ức thế-giới, nhờ tận gốc rễ nghiệp báo chúng-sanh. Nếu không có sức đại-từ của Như-Lai thì không thể biến hóa như vậy được. Nay tôi lại được Phật căn dặn, từ nay cho đến ngày A-Dật-Đa thành Phật, tôi phải làm cho chúng-sanh trong sáu nẻo luân hồi đều được độ thoát, tôi xin vâng, nguyện Thế-Tôn chớ lo".

Bấy giờ Phật nói với Địa-Tạng Bồ-tát: "Tất cả chúng-sanh nào chưa được giải-thoát thì tánh thức không định, cho nên hễ tụ tập nhiều việc ác thì kết thành nghiệp ác, tụ tập nhiều điều thiện thì kết thành quả thiện. Nhưng dù làm lành, làm dữ đều theo cảnh mà tái-sanh, lăn lộn trong năm đường, không lúc nào ngừng nghỉ, bị mê hoặc làm chướng ngại, kiếp này sang kiếp khác nhiều như bụi bặm, ví như cá lội trong lưới, theo giòng nước chảy, giá có tạm ra khỏi, rồi cũng trở vào. Vì vậy mà ta phải lo nghĩ đến những chúng sanh ấy. Ông đã trót lập nguyện, nhiều kiếp thề nặng rộng độ chúng sanh tội lỗi, thời ta còn lo gì".

Lúc Phật nói mấy lời này, trong hội có một Bồ-tát tên là Định-Tự-Tại-Vương bạch Phật: "Thế-Tôn! Từ nhiều kiếp đến nay, Bồ-tát Địa-Tạng đã phát nguyện gì mà nay được Thế-Tôn ân cần khen ngợi như vậy? Cúi xin Thế-Tôn sơ nói cho nghe". Phật đáp: "Hãy nghe cho kỹ! Hãy nghe cho kỹ! Hãy khéo suy gẫm! Ta sẽ vì ông mà giải bày rõ ràng.

"Trong quá khứ cách nay vô số kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Nhất-Thế-Trí-Thành-Tự..., sống lâu sáu muôn kiếp. Lúc chưa xuất gia, Ngài làm vua một nước nhỏ và kết bạn với một tiểu vương lân cận. Hai vua đều hành mười hạnh lành, làm lợi ích cho nhân-dân.

"Dân chúng trong nước láng giềng ấy phần nhiều hay làm việc ác. Hai vua cùng nhau nghị kế, tìm phương rộng cứu. Một vua phát nguyện sớm thành Phật để độ những người tội lỗi, không sót một ai. Một vua lại nguyện nếu trước chẳng độ được người tội lỗi, khiến họ được an vui cho đến đắc quả Bồ-đề, thì cho đến cùng¹⁰, chưa nguyện thành Phật.

Đức Phật nói tiếp: "Nhà vua phát nguyện sớm thành Phật là Nhất-Thế-Trí-Thành-Tự Như-Lai, còn nhà vua nguyện độ mãi chúng sanh tội lỗi, chưa nguyện thành Phật, là Bồ-tát Địa-Tạng vậy."

"Lại trong vô lượng vô số kiếp về trước, có một đức Phật ra đời, hiệu là Liên-Hoa-Mục Như-Lai, Ngài thọ bốn mươi kiếp. Trong thời "tượng pháp" của Ngài, có một vị La-hán dùng phước cứu độ chúng-sanh. Nhân lúc đi giáo-hóa, La-hán gặp một người nữ tên là Quang-Nục. Nàng sắm thức ăn, cúng dường La-hán. La-hán hỏi: "Nàng ý muốn gì?"

"Quang Mục thưa: "Ngày mẹ tôi mất, tôi đã làm phước để cứu vớt mẹ tôi; chẳng biết mẹ tôi đã thác sanh vào đường nào (trong lục đạo)?"

"Nghe nói cảm thương, La-hán nhập định quán sát thì thấy thân mẫu Quang Mục đọa vào địa ngục, rất là khổ sở. La-hán hỏi Quang Mục: "Thân mẫu nàng, lúc sanh tiền, đã làm những nghiệp gì mà nay phải rơi vào địa-ngục, chịu nhiều khổ não lớn lao tội bực như thế?"

"Quang Mục thưa: "Mẹ tôi có thói quen thích ăn cá, thịt rùa¹¹, mà lại hay ăn cá con, rùa con, hoặc chiên, hoặc nấu. Nếu kể ra thì có hàng ngàn, hàng muôn. Tôn-giả có lòng thương xót, xin chỉ coi phải làm thế nào để cứu mẹ tôi".

"La-hán xót thương, nghĩ ra một phương, bèn dạy Quang Mục: "Nàng nên chí thành niệm nhớ Thanh-Tịnh Liên-Hoa-Mục Như-Lai và vẽ đắp hình tượng Ngài mà thờ, được như vậy thì kẻ còn, người mất, đều có phước báo".

"Quang-Mục nghe xong, liền bỏ mọi điều mền chuộng, tìm người họa tượng Phật thờ cúng. Nàng lại cung kính, khóc than, chiêm ngưỡng và đánh lễ tượng Phật. Bỗng lúc đêm gần tàn, nàng chiêm bao thấy Phật, thân sắc vàng sáng chói như núi Tu-di. Phật phóng ánh sáng, bảo Quang-Mục: "Chẳng bao lâu nữa mẹ ngươi sẽ thác sanh vào nhà ngươi, và khi vừa biết đói lạnh là biết nói".

"Sau đó, đưa con tứ gái trong nhà Quang Mục sanh một đứa con. Chưa đầy ba ngày, đứa bé biết nói. Nó cúi đầu than khóc, nói với Quang Mục: "Sanh-tử nghiệp duyên, tự mình gây thì tự mình lãnh quả báo. Ta là mẹ con đây, từ lâu đã ở trong chỗ tối tăm, từ ngày xa cách con, mẹ được thọ sanh làm kẻ hạ tiện, lại thêm số mạng ngắn ngủi, sống hết mười ba năm lại sa vào địa ngục nữa. Con có phương nào làm cho mẹ thoát khỏi khổ sở không?"

"Nghe đứa trẻ nói, Quang Mục biết là mẹ nàng, không nghi kỵ gì cả. Nghẹn ngào thương xót, nàng mới nói với đứa trẻ: "Nếu đã là mẹ của tôi thì phải biết tội mình, vậy đã tạo nghiệp gì mà nay phải sa vào nẻo ác?"

"Đứa con của tứ gái đáp: "Vì đã tạo hai nghiệp, sát sanh và chê bai mạng nhện, nên nay phải chịu sự báo ứng. Nếu không nhờ phước đức cứu nạn thì vì hai nghiệp đó mà chưa biết lúc nào được giải thoát."

"Quang Mục hỏi: "Trong địa-ngục, sự báo ứng của tội lỗi như thế nào?"

"Đứa trẻ đáp: Những khổ khổ dành cho tội nhân trong địa-ngục, không lòng dạ nào nói ra cho hết, dầu phải trải qua trăm, ngàn năm".

"Quang Mục nghe xong, than khóc rơi lệ, bạch giữa hư-không: "Nguyện cho mẹ tôi thoát hẳn địa-ngục, mãn mười ba tuổi rồi, không còn trọng tội và không còn phải đi trong nẻo dữ nữa. Cúi xin chư Phật mười phương đem lòng từ-bi thương xót tôi, nghe tôi vì mẹ phát lời thệ-nguyện lớn như sau: "Nếu mẹ tôi thoát hẳn địa-ngục, nga-qui, súc-sanh, cùng không tái sanh làm người hèn thấp, thậm chí đời đời kiếp kiếp không mang thân đàn bà, thì trước tượng Thanh-Tịnh Liên-Hoa-Mục Như-Lai, tôi xin nguyện kể từ nay cho đến về sau trong trăm ngàn muôn ức kiếp, ở thế-giới nào mà có chúng-sanh chịu khổ trong địa-ngục và trong ba đường ác, tôi sẽ cứu vớt tất cả những chúng sanh ấy. Chừng nào tất cả những tội-nhân ấy đều thành Phật hết, chừng ấy tôi mới tiếp theo sau mà thành Chánh-giác".

"Phát nguyện xong, Quang Mục nghe tiếng Thanh-Tịnh Liên-Hoa-Mục Như-Lai nói: "Này Quang Mục! Nhà ngươi có lòng từ lớn mới vì mẹ mà phát đại-nguyện như thế. Ta quan sát thấy mẹ ngươi mãn mười ba tuổi, sẽ bỏ báo-thân này, sanh làm Phạm-chí, sống lâu trăm tuổi, sau đó lại sanh về nước Vô-Uu, sống lâu không biết bao nhiêu kiếp mà nói, và rốt hết sẽ thành Phật, rộng độ trời, người, đồng như cát sông Hằng".

* * *

Đức Phật Thích-Ca bảo Bồ-tát Định-Tự-Tại-Vương: "Vị La-hán phước lành độ Quang Mục thuở đó, chính Bồ-tát Vô-Tận-Ý, thân mẫu của Quang Mục chính là Bồ-tát Giải-Thoát, còn Quang Mục là Bồ-tát Địa-Tạng vậy. Trong nhiều kiếp lâu xa về trước, Bồ-tát Địa-Tạng đã từ mẫn mà phát ra Hằng-hà sa số thệ nguyện độ khắp chúng sanh như thế. Trong đời sau,

nếu có trai gái nào, không làm lành lại làm dữ, thậm chí những kẻ không tin nhân-quả, phạm tội tà dâm, nói láo, đâm thọc, mắng chửi, hủy báng giáo-lý Đại-thừa, tội nghiệp như thế thì phải đọa vào ác đạo, nhưng nếu gặp người biết điều lành khuyên bảo, khiến họ quy-y với Bồ-tát Địa-Tạng trong khoảnh khắc nhanh như khảy móng tay, thì những chúng sanh phạm tội ấy liền đặng thoát khỏi sự báo-ứng khô não trong ba đường ác. Ai hết lòng qui kính, chiêm ngưỡng, đánh lễ, ngợi khen cúng dường, thì trong trăm ngàn muôn ức kiếp sau thường được ở cõi trời hưởng sự vui sướng. Đến lúc phước hết, sanh xuống nhân-gian, còn thường được làm vua chúa trong trăm ngàn kiếp, lại nhớ cội ngành nhân quả các đời trước.

"Này Định Tụ Tại Vương! Bồ-tát Địa-Tạng có thần lực rất lớn không thể nghĩ bàn như thế, rộng làm lợi ích cho chúng sanh. Các ông, bậc Bồ-tát, nên ghi nhớ mà tuyên truyền khắp nơi kinh này".

"Định Tụ Tại Vương bạch Phật: "Xin Thế-Tôn chớ lo, ngàn muôn ức đại Bồ-tát chúng con đều có thể nương vào oai-thần của Phật mà tuyên rộng kinh này nơi cõi Diêm-phù-đề, làm lợi ích cho chúng-sanh".

Bạch xong, Định Tụ Tại Vương cung kính lễ Phật lui ra.

Bấy giờ, bốn vị Thiên-Vương đồng đứng dậy cung kính bạch Phật: "Thế-Tôn! Bồ-tát Địa-Tạng từ kiếp lâu xa, đã phát nguyện rộng lớn như thế, tại sao đến nay vẫn chưa độ hết chúng-sanh, lại phải phát nguyện rộng lớn nữa? Cúi mong Thế-Tôn dạy cho chúng con rõ".

Đức Phật đáp: "Hay thay! Hay thay! Để làm lợi ích cho nhiều người, ta nay vì các ông cùng hàng trời, người trong hiện-tại và vị-lai, mà nói những phương-tiện được Bồ-tát Địa-Tạng dùng, trong đường sanh tử ở thế-giới Ta-bà, để độ thoát tất cả chúng-sanh mắc phải tội khổ".

"Từ kiếp lâu xa đến nay, Bồ-tát Địa-Tạng độ thoát chúng-sanh, vẫn chưa mãn nguyện. Nay thương xót chúng-sanh mắc tội đời này lại xét thấy vô-lượng kiếp trong tương lai, nguyên-nhân tội khổ lây dây mãi không dứt, cho nên Bồ-tát phải lại phát trọng nguyện.

Vì trọng nguyện đó, mà Bồ-tát Địa-Tạng, ở thế-giới Ta-bà, châu Diêm-phù-đề, dùng trăm ngàn muôn ức phương-tiện mà giáo-hóa chúng-sanh. Đây là những phương-tiện:

"Vớ kẻ sát sanh, Bò-tát lấy sự báo ứng chết yểu mà dạy.

"Vớ kẻ trộm cắp, Bò-tát lấy sự báo ứng nghèo nàn khổ sở mà dạy.

"Vớ kẻ tà dâm, Bò-tát lấy sự báo ứng làm chim sẻ, bò câu, uyên ương mà dạy.

"Vớ kẻ miệng độc, Bò-tát lấy sự báo ứng bà con kinh chống nhau mà dạy.

"Vớ kẻ nói xấu dèm pha, Bò-tát lấy sự báo ứng không lưỡi, miệng lở, mà dạy.

"Vớ kẻ nóng giận, Bò-tát lấy sự báo ứng thân hình xấu xí, tàn tật mà dạy.

"Vớ kẻ bòn xén, Bò-tát lấy sự báo ứng cầu một đàng, được một ngả mà dạy.

"Vớ kẻ săn bắn, Bò-tát lấy sự báo ứng điên cuồng mất mạng mà dạy.

"Vớ kẻ trái nghịch mẹ cha, Bò-tát lấy sự báo ứng trời đất gieo tai sát hại mà dạy.

"Vớ kẻ thiêu núi đốt rừng, Bò-tát lấy sự báo ứng cuồng mê đến chết mà dạy.

"Vớ hạng cha mẹ ghê độc ác, Bò-tát lấy sự báo ứng đời sau chịu sự roi vọt mà dạy.

"Vớ kẻ lưới rập chim non, Bò-tát lấy sự báo ứng cốt nhục chia lìa mà dạy.

"Vớ kẻ dèm chê Tam Bảo, Bò-tát lấy sự báo ứng đui, điếc, câm, ngọng mà dạy.

"Vớ kẻ khinh khi Chân-lý, Bò-tát lấy sự báo ứng ở mãi trong ác đạo mà dạy.

"Vớ kẻ lạm phá tiền của của chùa, Bò-tát lấy sự báo ứng ức kiếp luân hồi địa ngục mà dạy.

"Vớĩ kẻ làm ô-nhục và vu cáo người tu hành, Bồ-tát lấy sự báo ứng ở mãi trong loài súc sanh mà dạy.

"Vớĩ kẻ sát sanh bằng nước sôi, lửa, chém, chặc, Bồ-tát lấy sự báo ứng phải luân hồi thường mạng mà dạy.

"Vớĩ kẻ phá giới phạm trai, Bồ-tát lấy sự báo ứng làm cầm thú đói khát mà dạy.

"Vớĩ kẻ phung phí tiền của, Bồ-tát lấy sự báo ứng thiếu hụt về sau mà dạy.

"Vớĩ kẻ tự cao, phách lối, Bồ-tát lấy sự báo ứng làm người hèn hạ, bị người sai khiến mà dạy.

"Vớĩ kẻ đâm thọc gây gỗ, Bồ-tát lấy sự báo ứng làm người không lưỡi hay có trăm lưỡi mà dạy.

"Vớĩ kẻ tà kiến mê tín, Bồ-tát lấy sự báo ứng làm người sanh vào nơi hẻo lánh dã man mà dạy.

"Những nghiệp thân, miệng của chúng sanh cõi Diêm-phù, kết quả là trăm ngàn báo ứng như thế, nay chỉ nói sơ lược như vậy. Vì nghiệp-cảm của chúng-sanh sai biệt, cho nên Bồ-tát Địa-Tạng phải dùng trăm ngàn phương-tiện để giáo-hóa. Những chúng-sanh tạo nghiệp, phải chịu sự báo ứng, sau sa vào địa ngục, không có ngày ra. Vì thế, các ông là người hộ vệ cho tâm chúng-sanh, các ông chớ để cho nghiệp-chướng mê hoặc chúng-sanh".

Bốn vị Thiên-vương nghe xong, rơi lệ than thở, chắp tay lễ Phật lui ra.

Lời nguyện Địa-Tạng,

Nơi cung Trời Đao-lợi,

Là dùng thân-thông hiển hiện mà hóa độ đám tôi tớ,

Nhưng khó mà làm sáng cõi đời năm trước:

Chúng-sanh ngang ngạnh

Vì tham vui nên chịu khổ vô cùng.

Nam-mô Thường-trú Thập-phương Phật

Nam-mô Đại-Nguyên Địa-Tạng Bồ-tát.

---o0o---

Mật nghĩa:

Phẩm thứ ba nói về nghiệp-duyên, nghĩa là những duyên có khiến chúng-sanh tạo nghiệp.

Phẩm thứ tư này nói về nghiệp-cảm, nghĩa là những cảm ứng hay báo ứng của nghiệp, tức là của những hành-động của miệng, của thân.

Chúng-sanh sống trong vô-minh hắc ám. Phật ra đời như mặt trời mọc, như đèn đốt sáng. Nhưng từ thời của đức Phật Thích-Ca cho đến thời của Phật A-Dật-Đa (Di-Lặc) trong tương lai, lấy ai soi sáng cho chúng sanh tội lỗi?

Kinh bảo: Đức Thích-Ca giao sứ-mệnh này cho Bồ-tát Địa-Tạng. Nên hiểu: nhằm lúc không có Phật ra đời, thì phải nương vào Tâm, quy-y với Bồ-tát Địa-Tạng của mình, mới mong giải thoát. Với hai điều-kiện: Nguyên và Thệ.

Nguyên là mong mỏi trong lòng, là muốn (forme le voeu)

Thệ là thề, là cả quyết (jurer, faire le serment de...)

Muốn giải thoát mà không cả quyết, không tự thề với mình, không thành công được.

Tu theo Phật-giáo, có thể có hai thứ nguyện:

1. Nguyện thành Phật trước, sau mới độ chúng-sanh. Đây là con đường tu của La-hán.
2. Nguyện trước độ chúng-sanh, sau mới thành Phật. Đây là con đường tu của Bồ-tát.

Nhất-thế-trí hay Trí-huệ bát nhã mà thành-tựu rồi nơi chúng-sanh nào đó, thì chúng-sanh ấy được độ thoát. Đền huệ đã đốt thì hắc ám đâu còn, hắc ám không còn thì đâu còn nghiệp ác, cho nên gọi là được độ thoát.

Không tu La-hán thì phải tu Bồ-tát bằng cách lần hồi diệt nghiệp, đời này sang đời khác (vĩnh độ chúng-sanh), khi diệt hết rồi thì Tâm trở thành thanh tịnh hoàn toàn. Tâm ấy là Tâm Phật, là Phật. Vì vậy, Kinh nói độ hết rồi sau mới thành Phật.

Để chứng minh, Kinh đưa ra một thí dụ: câu chuyện Quang-Mục.

Chúng-sanh nào phạm tội sát hại thú vật để làm ngon miệng và như thế là phạm luôn tội "hủy mạng" luật nhân-quả nghiệp-báo mà muốn thoát khổ thì phải "chí thành niệm Thanh-Tịnh Liên-Hoa-Mục Như-lai", nghĩa là giữ mắt trong sạch, thấy món ngon vật lạ đừng thèm. Giữ được như vậy sẽ có cái kết-quả là đôi mắt sẽ sáng suốt (Quang-Mục), thấy tội thấy lỗi, thấy thiện thấy ác, và tự mình sẽ nói với mình rằng: Sanh tử nghiệp duyên, quả báo tự thọ (trong vòng sanh tử, tự mình để cho cảnh duyên thúc đẩy mà tạo nghiệp, thì tự mình phải thọ lấy quả báo, không một quyền lực nào xen vào để làm tội hay tha thứ mình được).

Biết như vậy rồi, ai là người không thệ nguyện giải thoát các tội lỗi khác? Giải thoát được là trở về con đường Thiện, sanh Thiên (làm Phạm-Chí), rồi tiến tu cho đến chỗ thanh tịnh (Vô ưu) và rốt phải thành Phật.

Câu "Phật nói với Định-Tự-Tại-Vương: Lúc bấy giờ, vị La-hán làm phước độ Quang-Mục là Bồ-tát Vô-Tận-Ý, mẹ của Quang-Mục là Bồ-tát Giải-Thoát, còn Quang-Mục là Bồ-tát Địa-Tạng" có thể có nghĩa như thế này:

Muốn được giải thoát (như mẹ của Quang-Mục), tâm phải sáng mắt (Quang-Mục) và áp dụng những phương pháp tu sửa vô tận của Phật dạy, vì Vô-tận-Ý có nghĩa là Bất tận vô tận pháp-môn (Phật Học Từ-điển).

* * *

Đến đây, một nghi-vấn được đưa ra trong câu hỏi của Tứ-Thiên-Vương: Bồ-tát Địa-Tạng đã thệ nguyện cứu độ chúng-sanh từ những kiếp lâu xa, tại sao nay còn phát nguyện nữa? Hỏi như thế tức hỏi theo nghĩa ẩn: Chỉ có tâm mới cứu độ được, mà chúng-sanh thì không ai không có tâm, tại sao số người tội lỗi còn đầy đây?

Phật trả lời: Làm sao độ hết được vì "nhân man bất đoạn" - Nhân là nguyên-nhân tội khổ; man là dài, là dây dưa; bất đoạn là chẳng dứt. Nguyên nhân tội lỗi của chúng-sanh là gì? Là tham-lam vì vô minh. Ai là người diệt trừ nguyên nhân ấy? Từ gần 3000 năm nay, chỉ mới có được một người: đó là đức Phật Thích-Ca. Nguyên nhân còn kéo dài trong mỗi chúng-sanh thì công việc thức tỉnh, cứu độ của mỗi Tâm chúng-sanh phải tiếp tục, do đây mà Kinh nói: sự cứu thoát chúng-sanh chưa bao giờ làm trọn nguyện của Địa-Tạng được.

* * *

Đối với người trí, biết nhân-quả, nghiệp-báo là đủ tự cứu tự độ rồi. Nhưng đối với người thường, cần phải tu sửa bằng những phương-tiện, chớ không lấy lý mà nói được. Vì vậy, phải phương-tiện mà nói:

- với người sát sanh: anh hãy coi chừng đời sau bị chết yểu nhé!
- với người trộm cắp: anh lấy của người, đời sau anh sẽ bị bần cùng khổ sở...

Phương-tiện không phải là sự thật, nhưng chủ yếu ở đây là trị bệnh thì thuốc nào cũng được, chẳng nên luận quý tiện, đắt rẻ, cốt yếu trị hết bệnh thì thôi.

Bài tán cuối quyển đầu của Kinh đã nhắc lại một lời cảnh cáo: Trong đời dơ bẩn này, khó đem ánh sáng mà rọi vì chúng-sanh cứng đầu cứng cổ, dạy bảo không nghe, cứ chạy theo tham muốn vui sướng, cho nên phải khổ sở vô cùng. Bởi vậy, Phật mới nói ra bài Kinh Địa-Tạng bốn nguyện để hóa độ kẻ tối tăm.

--- o0o ---

Quyển Trung

Phẩm V: Danh-Hiệu Địa-Ngục

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Phổ-Hiền bạch với Bồ-tát Địa-Tạng, nói rằng: "Thưa Bồ-tát, xin ngài vì hàng Thiên, Long bát bộ¹², cùng tất cả chúng-sanh trong hiện-tại và vị-lai, giảng nói về việc nhận lãnh sự báo ứng của chúng-sanh tội lỗi ở thế-giới Ta-bà, cõi Diêm-phù-đề¹³, tên hiệu các địa-ngục và những báo ứng chẳng lành, để cho chúng-sanh trong thời mạt pháp về sau biết những quả báo đó".

Địa-Tạng đáp: "Thưa Bồ-tát, tôi nay nương vào oai thần của Phật cùng sức mạnh của Bồ-tát, tóm tắt nói về tên hiệu của các địa-ngục, sự báo ứng của tội lỗi và những báo ứng chẳng lành.

Tên các địa-ngục:

"Thưa Bồ-tát, ở phương Đông châu Diêm-phù-đề có một ngọn núi tên là Thiết-Vi (3). Núi ấy tối thâm, không mặt trời mặt trăng. Tại đó có một địa ngục lớn tên là Cực Vô-gián (cực hình không lúc nào dừng), lại có địa ngục Đại-A-Tỳ (không ra khỏi). Lại có địa ngục tên là Tứ-giác (bốn góc). Lại có địa ngục tên là Phi-Đao (dao bay). Lại có địa ngục tên là Hỏa-tiên (tên lửa). Lại có địa ngục tên là Giáp-son (núi ép). Lại có địa ngục tên là Thông-thương (giáo nhọn đâm suốt). Lại có địa ngục tên là Thiết-xa (xe sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết-sàng (giường sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết-ngưu (bò sắt). Lại có địa ngục tên là Thiết-y (áo sắt). Lại có địa ngục tên là Thiên-nhãn (ngàn mũi nhọn). Lại có địa ngục tên là Thiết-lư (lửa sắt). Lại có địa ngục tên là Dương-đồng (biển nước đồng sôi). Lại có địa ngục tên là Bảo-trụ (ôm cột đồng đỏ). Lại có địa ngục tên là Lưu-hỏa (lửa tấp). Lại có địa ngục tên là Canh-thiết (cày lưỡi). Lại có địa ngục tên là Tỏa-thủ (chặt đầu). Lại có địa ngục tên là Thiên-cước (đốt chân). Lại có địa ngục tên là Đạm-nhãn (móc mắt). Lại có địa ngục tên là Thiết-hoàn (viên sắt). Lại có địa ngục tên là Thánh-luận (cải lầy). Lại có địa ngục tên là Thiết-thù (trái cân sắt). Lại có địa ngục tên là Đa-sân (giận nhiều).

Bồ-tát Địa-Tạng nói: "Thưa Bồ-tát, trong núi Thiết-vi có những địa ngục như thế, số nhiều vô hạn. Lại có địa ngục Khiếu-hoán (kêu cứu), địa ngục Bạt-thiết (kéo lưỡi), địa ngục Phần-niêu (cứt đá), địa ngục Đồng-tỏa (khóa đồng), địa ngục Hỏa-tượng (voi lửa), địa ngục Hỏa-câu (chó lửa), địa ngục Hỏa-mã (ngựa lửa), địa ngục Hỏa-son (núi lửa), địa ngục Hỏa-thạch (đá lửa), địa ngục Hỏa-sàng (giường lửa), địa ngục Hỏa-lương (rường nhà lửa), địa ngục Hỏa-ung (chim ung lửa), địa ngục Cứ-nha (cửa răng), địa ngục Bác-bì (lột da), địa ngục Âm-huyết (uống máu), địa ngục Thiêu-Thủ (đốt tay), địa ngục Thiêu-cước (đốt chân), địa ngục Đảo-thích (đâm ngược), địa

ngục Hỏa-ốc (nhà lửa), địa ngục Thiết-ốc (nhà sắt), địa ngục Hỏa-lang (chó sói lửa). Địa ngục nhiều như thế, trong còn có những địa ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, ba, bốn, cho đến trăm, ngàn, tên hiệu mỗi mỗi không giống nhau.

Bồ-tát Địa-Tạng bảo Bồ-tát Phổ-Hiền: "Thưa Bồ-tát đó đều là do chúng-sanh Nam-diêm Phù-đề làm ác mà tùy nghiệp cảm thọ như vậy. Sức mạnh của nghiệp rất lớn có thể sánh với núi Tu-di, sâu có thể sánh với biển cả, có thể ngăn đường lên Thánh. Bởi cố, chúng-sanh chớ khinh điều ác nhỏ mà cho là không tội, chết rồi có sự báo ứng, may mắn cũng lãnh. Cha con là tình thân, nhưng tùy nghiệp mà ai đi đường nấy, giá có gặp lại nhau cũng không thể thay nhau mà chịu sự báo ứng được. Tôi nay, nương vào oai thần của Phật, tóm tắt việc báo ứng của tội khổ ở địa ngục xin Bồ-tát tạm nghe lời tôi như vậy".

Sự báo ứng tội ác.

Bồ-tát Phổ-Hiền đáp: "Từ lâu tôi đã nghe nói rồi về sự báo ứng của ba đường ác, nhưng mong Bồ-tát nói ra để cho tất cả chúng-sanh làm ác trong thời mạt-pháp đời sau nghe lời Bồ-tát mà quay đầu hướng về với Phật".

Bồ-tát Địa-Tạng bạch nói: "Thưa Bồ-tát, sự báo ứng của tội lỗi là như sau:

"Có địa ngục trong đó lưỡi của tội nhân bị kéo ra cho bò cày; có địa ngục thì lấy tim của tội nhân mà cho quỉ dạ-xoa ăn; có địa ngục lấy nước thật sôi luộc thân tội nhân; có địa ngục đốt đỏ trụ đồng rồi bắt tội nhân ôm; có địa ngục lửa dẫy tấp vào người tội; có địa ngục băng giá lạnh lòng; có địa ngục chất chứa không biết bao nhiêu cứt đá; có địa ngục tên mũi nhọn bằng sắt bay đâm tội nhân; có địa ngục tội nhân bị đâm bằng giáo lửa bó lại; có địa ngục tội nhân chỉ bị đập trên vai trên lưng; có địa ngục chỉ đốt tay chân; có địa ngục tội nhân bị rắn sắt quấn mình; có địa ngục tội nhân bị chó sắt đuổi cắn; có địa ngục tội nhân bị bắt ách vào xe với lửa sắt.

"Bồ-tát, những sự báo ứng là như thế. Trong mỗi mỗi ngục, có trăm ngàn thứ khí cụ hành phạt của nghiệp (bách thiên chủng nghiệp-đạo chi khí); không thứ nào là không bằng đồng, bằng sắt, bằng đá, bằng lửa. Bốn thứ này là những cảm thọ do nghiệp gây ra. Nếu nói cho đầy đủ những tội báo ở địa ngục thì trong mỗi mỗi ngục còn trăm ngàn đau khổ khác hà huống trong nhiều ngục. Tôi nay nương vào oai thần của Phật và vì có lời hỏi của Bồ-tát,

xin nói tóm tắt như vậy. Nếu nói rộng ra, trọn kiếp cũng không hết".

Mặt nghĩa:

Tuy nhan đề " Địa-ngục danh hiệu", Phần thứ V thật ra hàm chứa hai phần:

1. Tên các địa ngục
2. Sự báo ứng hay hình phạt của các tội lỗi và ác nghiệp ở địa ngục

Tất cả các địa ngục kể không xiết ấy ở đâu?

Ở trong quả núi tên là Thiết-vi. Thiết là sắt, Vi là rào. Vậy thiết-vi có nghĩa là rào sắt. Núi ấy lại tối thẫm, không một ánh sáng mặt trời mặt trăng. Vậy là ám-chỉ sự tối-tăm (ténèbres) hay Vô-minh.

Tâm vô-minh hay ngu dốt đạo lý, không được một tia Chân-lý soi sáng, chất chứa tội lỗi như núi, do đây Kinh ví dụ mà nói là núi. Người mà tâm bị vô minh, khó mà ra khỏi vô-minh để chường mình trước ánh-sáng đạo-lý, cho nên ví như bị giam hãm trong chỗ bị rào sắt bao bọc, không thể thoát khỏi.

Cứ như trên thì ai sống trong vô-minh là sống trong địa ngục tối tăm, đau khổ.

* * *

Chúng-sanh vô số lượng, địa ngục hay vô-minh của chúng-sanh cũng vô số lượng. Giả kể tên các địa ngục lớn, thực ra là kể những cái ngu dốt, những cái tối tăm của con người.

Có cái vô-minh hết sức lớn lao và triền miên gọi là Cực Vô-gián; có cái vô-minh khó ra khỏi, gọi là A-tỳ; có cái vô-minh quay quần trong bốn thứ dục (Tình-dục, sắc dục, thực dục, dâm dục) gọi là Tứ-giác; có cái vô-minh đưa người vào chỗ chém giết, dao gươm gọi là Phi-đao; có cái vô-minh làm cho con người đau nhức như bị tên lửa (hỏa tiễn), như bị dồn ép (giáp sơn), như bị giáo đâm thủng (thông thương), như bị xe sắt cán (thiết xa), như nằm trên giường sắt vừa lạnh vừa không êm (thiết sàng), như mặc áp sát ép ngực bó mình (thiết y), như bị ngàn mũi nhọn châm chích (thiên nhẫn), như bị bò sắt kéo cày vầy thân (thiết ngư), như bị lửa sắt dẫm lên mình (thiết lư), như bị

bắt uống nước đồng sôi (dương đồng), như bị bắt ôm trụ đồng đốt đỏ (bảo trụ), như bị lửa tấp (lưu hỏa), như bị rạch lưỡi (canh thiết), như bị chặt đầu (tỏa thủ), như bị đốt chân (thiên cước), như bị móc mắt vì quá xốn xang (đạm nhãn), như bị bắt nuốt những hòn sắt (thiết hoàn) - Tranh luận, xâu xé với nhau là một địa ngục, giận nóng lại là một địa ngục khác.

Vô-minh địa ngục là như thế đã nhiều rồi, mà chưa hết đâu. Kêu la hét hoảng là địa ngục; nói ác, đâm thọc, chửi rửa (bạt thiết) là địa ngục; tâm hồn dơ bẩn như chứa cứt đá (phản niệ) là địa ngục; tâm trí bị kèm thúc như bị khóa (bồng tỏa) là địa ngục; trong lòng bị lửa tham giận, si-mê nung đốt hay đè nặng, bức bách, cắn xé, châm chích, cưa sắt, là địa ngục, v.v..

Đó là sơ lược những vô-minh lớn, ngoài ra còn biết bao nhiêu cái ngu muội nhỏ nữa, do đây Kinh nói "trong những ngục lớn đó, còn có những ngục nhỏ, hoặc một, hoặc hai, hoặc ba, hoặc bốn, cho đến trăm ngàn...

Trên đã kể những trường hợp vô-minh, nay Kinh nói đến những "hình-phạt" hay những đau khổ của người sống trong địa ngục vô-minh.

Hoặc đau rát ở lưỡi như lưỡi bị cày, hoặc đau lói ở tim như tim bị moi, hoặc toàn thân nóng bức như bị bỏ vào vạc dầu sôi, hoặc ôm áp những cái khổ mà không hay không biết, chẳng khác người ôm cột đồng cháy đỏ, hoặc nóng bùng cả mặt như lửa cháy cả mày, hoặc toàn thân cảm thấy cô đơn lạnh lẽo như nằm trên băng giá, hoặc cảm thấy mình thối tha dơ bẩn, như ở chỗ đầy cứt đá, hoặc như bị gai đâm phải nháy nhồm, hoặc như bị nhiều ngọn giáo lửa thích vào thân, hoặc cảm thấy đôi vai nặng trĩu tội lỗi, hoặc tay làm không ngót, chân chẳng đứng vững, như bị thiêu đốt, hoặc bị người rình hãm hại như rắn cắn, hoặc bị kẻ dữ làm hại như bị chó cắn, hoặc gánh chịu những hậu quả nặng nề của nghiệp mình, ví như lừa bị đóng ách.

Nói tóm, ai hành động tối tăm ngu dốt (địa ngục), ai quá tham lam ích kỷ (ngạ quỷ), ai cư xử quá thấp hèn, để cho thú tánh sai sử (súc sanh), đều chịu những bức rức, nặng nề, đau khổ, nóng bức, như tự thân bị lửa đốt, đá đè, khí giới bằng đồng bằng sắt đâm chém.

Đó là do nghiệp chẳng lành mà con người cảm thọ những khổ ấy. Vậy địa ngục tự ta tạo và khổ não cũng tự ta dành cho ta. Và tất cả đều bắt nguồn từ tâm.

Phẩm VI: Như-Lai Tán Thán

Lúc bấy giờ, Thế-Tôn cất mình lên phóng ra ánh sáng lớn, chiếu khắp trăm ngàn muôn ức thế-giới chư Phật, nhiều như cát sông Hằng, xuất ra tiếng lớn, tuyên cáo với tất cả Đại Bồ-Tát cùng Thiên, Long, Quỷ, Thần, Người, loài chẳng phải người của các thế-giới chư Phật: "Hãy nghe ta hôm nay đề cao khen ngợi việc đại Bồ-Tát Địa-Tạng, nơi mười phương thế-giới, hiện sức mạnh từ-bi oai-thần không thể nghĩ bàn, cứu trợ và hộ vệ tất cả những tội khổ. Sau khi ta diệt độ rồi, Bồ-tát các ông cùng hàng Thiên, Long, Quỷ, Thần, v.v.. phải dùng nhiều phương chước gìn giữ Kinh này, khiến tất cả chúng-sanh lia tất cả khổ não, chứng cảnh vui Niết-Bàn".

Phật nói xong, trong pháp-hội có một Bồ-tát tên là Phổ-Quảng, chấp tay cung kính, bạch Phật nói rằng: "Hôm nay thấy Thế-Tôn khen ngợi Bồ-tát Địa-Tạng có oai-thần đức lớn đến không thể nghĩ bàn được như vậy, tôi cúi xin Thế-Tôn, vì chúng-sanh của đời mạt-pháp về sau, tuyên thuyết nguyên-nhân và kết quả của sự Bồ-tát Địa-Tạng làm lợi ích Trời và Người, để cho Thiên, Long tám bộ-chúng và chúng-sanh trong đời vị-lai kính lãnh lời Phật".

Khi ấy, Thế-Tôn bảo Bồ-tát Phổ-Quảng và bốn chúng: "Hãy nghe kỹ! Hãy nghe kỹ! Ta sẽ vì các ông mà nói sơ lược về sự Bồ-tát Địa-Tạng làm lợi ích cho hàng Trời, Người".

Phổ-Quảng bạch Phật nói: "Vâng, bạch Thế-Tôn, chúng tôi xin vui nghe".

Phật bảo Bồ-tát Phổ-Quảng: "Trong đời vị lai, nếu có người trai lành gái lành nào, nghe tên Đại Bồ-tát Địa-Tạng rồi hoặc chấp tay, hoặc khen ngợi, hoặc làm lễ, hoặc ái mộ quyên luyến, thì người ấy sẽ vượt khỏi ba mươi kiếp tội lỗi.

Này Phổ-Quảng, nếu có trai lành gái lành nào, hoặc họa vẽ hình của Bồ-tát Địa-Tạng, hoặc dùng đất, đá, keo, sơn, vàng, bạc, đồng, sắt đúc tượng Bồ-tát Địa-Tạng, rồi chỉ chiêm ngưỡng một lần, chỉ lễ bái một lần, thì người ấy sẽ được trăm lần sanh trở lại cảnh trời ba-mươi-ba (Đao-lợi thiên), không bao giờ rơi vào nẻo ác. Giả tỷ như hưởng phúc ở cảnh Thiên hết rồi, sanh xuống cõi Người, cũng còn được làm vua làm chúa, không mất lợi lớn.

Nếu có người nữ nào chán thân đàn bà, mà hết lòng cúng dường tượng vẽ cùng tượng đắp bằng đất, đá, keo, sơn, đồng, sắt, v.v.. của Địa-Tạng Bồ-tát,

như vậy ngày ngày không thối lui, thường dùng hoa, hương, món ăn, thức uống, quần áo, gấm lụa, tràng phan, tiền bạc, vật báu mà cúng dường, thì người nữ ấy, khi báo thân này đã hết không còn sanh lại ở thế-giới có đàn bà, hà huống thọ trở lại thân đàn bà. Trừ trường hợp vì nguyện-lực từ-bi cần phải lãnh thân đàn bà để độ thoát chúng-sanh (mới trở lại làm đàn bà). Nhờ sức mạnh của sự cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng cùng sức mạnh của công-đức bố-thí mà trăm ngàn muôn kiếp chẳng còn phải thọ sanh làm thân đàn bà nữa.

Lại nữa, này Bồ-tát Phổ-Quảng, nếu có người nữ, chán cái xấu xa, nhiều tật bệnh của mình, thì chỉ trước tượng Bồ-tát Địa-Tạng, hết lòng chiêm ngưỡng và lễ bái, trong một khoảng lâu bằng một bữa ăn, cũng đủ trong ngàn muôn kiếp, hoặc làm người, hoặc làm Thiên, được thọ sanh với một thân hình tướng mạo hoàn toàn, không mọi tật bệnh. Những người nữ xấu xa như thế, nếu chẳng nhằm chán thân đàn bà, thì trong trăm ngàn muôn ức đời sống, thường được làm con gái vua cho đến làm vợ vua, làm con gái nhà quan quyền danh tiếng, thọ sanh đóa chánh, tướng mạo hoàn toàn. Đó là nhờ chiêm ngưỡng lễ bái Bồ-tát Địa-Tạng mà được phúc như vậy.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu có trai lành, gái lành nào mà năng, trước tượng Bồ-tát Địa-Tạng, dùng múa hát, ca vịnh, tán thán, hương hoa cúng dường, thậm chí khuyến một người hay nhiều người (cùng cúng dường như thế), thì những người trai lành gái lành ấy, trong đời hiện tại cùng trong đời vị-lai, thường được trăm ngàn quý thần che chở ngày đêm không để cho sự ác lọt thấu vào tai, hà uống để cho thân phải chịu tai họa.

Lại nữa, này Bồ-tát Phổ-Quảng, trong đời vị lai, nếu có người ác, thần ác, quỷ ác thấy hạng trai lành, gái lành qui kính, cúng dường, tán thán, chiêm lễ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, rồi sanh lòng chê bai, gièm pha, cho làm như thế là không có công-đức và lợi ích, hoặc nhe răng cười chê, hoặc sau lưng chê là sai, hoặc xúi người cùng chê, hoặc một người, hoặc nhiều người, thậm chí có một ý-niệm kích bác, nói xấu, thì những người ác ấy, sau khi ngàn Phật của Hiền-kiếp¹⁴ diệt độ rồi, sẽ vì tội kích bác, nói xấu, mà lãnh sự báo ứng cực kỳ nặng nề ở địa-ngục A-tỳ.

Hiền-kiếp qua rồi, chùng ấy thọ sanh làm quỷ đói. Lại trải qua ngàn kiếp thọ sanh làm súc-sanh. Lại trải qua ngàn kiếp nữa, mới trở lại làm người. Phóng có được thân người đi nữa, vẫn là người nghèo khó, thấp hèn, các "căn" không đầy đủ, bị nhiều ác-nghiệp đúc kết thành thân, chẳng bao lâu lại rơi trở vào nẻo ác.

Bởi có, này Phổ-Quảng, gièm chê những người cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng còn gặt hái sự báo ứng như thế; hà hưởng riêng sanh ác kiến hủy phá sự cúng dường ấy.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu trong đời vị-lai có kẻ nam người nữ nào lâu ngày chày tháng, nằm liệt giường liệt chiếu, muốn sống không được mà muốn chết cũng không kham, hoặc đêm nằm mộng thấy ác quỷ hay thân nhân họ hàng, hoặc chiêm bao thấy đi nơi nguy hiểm, hoặc mê sảng mộng寐, cùng đi chơi với quỷ thần, ngày tháng lâu năm thành liệt nhược, trong giấc ngủ kêu la thảm thiết, không vui chút nào, đó là trên con đường Nghiệp-báo, còn đương cân nhắc, chưa định nặng nhẹ, cho nên hoặc chưa bỏ được tuổi thọ (chết), hoặc chưa hết bệnh. Người nam kẻ nữ mắt phàm không phân biệt được việc này. Gặp trường hợp như thế, thì chỉ nên đến trước tượng chư Phật, Bồ-tát, lớn tiếng đọc suốt kinh này một lần, hoặc lấy những vật của bệnh nhân mền nhất, hoặc quần áo, của quý, vương tước, nhà cửa, rồi đứng trước bệnh nhân, to tiếng nói rằng: "Chúng tôi nay Mỗ, Giáp, vì người bệnh đây, xin trước Kinh, Tượng (chư Phật, Bồ-tát) bỏ hết tất cả những vật này để hoặc cúng dường Kinh, Tượng, hoặc tạo hình tượng chư Phật, Bồ-tát, hoặc xây chùa tháp, hoặc cúng dầu đốt đèn, hoặc bố-thí cho Thường-trú". Bạch như vậy ba lần, làm cho người bệnh nghe biết. Giả sử thần-thức của người bệnh đã phân tán, thậm chí hơi thở đã dứt, thì cứ hoặc trong một ngày, hai ngày, ba ngày cho chí bảy ngày, to tiếng đọc Kinh và bạch như trên, thì người bệnh, sau khi chết, bao nhiêu tai xưa tội nặng cho đến tội cực nặng đáng vào địa-ngục Vô-gián, cũng được giải thoát mãi mãi, thọ sanh về chỗ nào, thường biết đời trước của mình. Hà hưởng trai lành gái tốt tự tay viết Kinh này, hoặc bảo người chép, hoặc tự mình đập vẽ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng hay bảo người đập vẽ, đối với những người như thế này, quả báo lợi lạc lớn lao vô cùng.

Bởi có, Phổ-Quảng, nếu thấy có người đọc tụng kinh này, thậm chí có một niệm khen ngợi Kinh này, hoặc cung kính Kinh này, ông nên bằng trăm ngàn phương-tiện, khuyến khích những người ấy nên siêng cần đừng thoái chí. Khuyến khích như thế thì hưởng được, trong hiện tại và vị lai, trăm ngàn muôn ức công-đức nhiều không thể nghĩ bàn.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu trong đời sau, có chúng-sanh nào nằm ngủ chiêm bao, thấy các quỷ thần, thậm chí thấy những hình người hoặc đau khổ, hoặc khóc lóc, hoặc làm sàu não, than thở, sợ sệt, nên biết đó là cha mẹ, anh em, chị em, vợ chồng, bà con của một đời, mười đời, trăm đời, ngàn đời

trong quá khứ, đang ở trong nẻo ác, chưa được ra khỏi và không được sức mạnh của việc làm phúc-đức cứu vớt khỏi sự khổ não. Họ đang mong tình cốt nhục đời xưa dùng nhiều phương tiện giúp họ xa lìa nẻo ác.

Này Phổ-Quảng, người nên dùng thân lực, khiến bà con của những người tội khổ ấy, đến trước tượng chư Phật, Bồ-tát, hết lòng tụng Kinh này, hoặc mời người đọc, từ ba biến cho đến bảy biến. Được như vậy thì những bà con đang ở trong nẻo ác, sau khi nghe đủ số biến Kinh rồi, sẽ được giải thoát, (còn người sống) thì những mộng寐, trong giấc ngủ cũng không trở lại nữa.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu trong đời vị-lai, có những người thấp hèn, như hàng nô tỳ, những người không có tự-do, thức tỉnh mà biết nghiệp xưa của mình và biết cần phải sám hối, rồi hết lòng chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, thậm chí liên tiếp trong bảy ngày, niệm danh hiệu Bồ-tát đầy đủ một muôn lần, thì những người ấy, sau khi hết báo-thân này, sẽ được trong ngàn muôn đời sống, thường sanh làm người cao sang và không trải qua ba nẻo dữ nữa.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu trong đời sau, tại cõi Diêm-phù-đề (thế-giới này), bất luận trong hàng tướng sĩ, Bà-la-môn, đại phú gia, tiểu phú gia, nói tóm là trong các giai cấp kể luôn cả những chủng-tộc khác, nếu mới sanh con, hoặc nam hoặc nữ mà sớm biết, trong bảy ngày liên tiếp, tụng Kinh khó thể nghĩ bàn này, lại vì những đứa trẻ mới sanh ấy mà niệm danh hiệu Bồ-tát cho đủ muôn lần, thì những đứa trẻ ấy, nếu vì tội trước mà có sự báo ứng tai-uương, sẽ được giải thoát, an vui, dễ nuôi, tuổi thọ tăng thêm. Nếu những đứa trẻ ấy là người nhờ phúc đức xưa mà tái sanh, thì sự an vui và thọ mệnh của chúng sẽ vì việc tụng Kinh, niệm danh hiệu Bồ-tát mà tăng thêm lên.

Lại nữa, này Phổ-Quảng, nếu trong đời vị lai, chúng sanh biết rằng những ngày mùng một, mùng tám, mười bốn, rằm, mười tám, hai mươi ba, hai mươi bốn, hai mươi tám, hai mươi chín và ba mươi là những ngày các tội được qui tập để định sự nhẹ nặng, và biết rằng chúng sanh ở cõi Diêm-phù-đề, mỗi cử chỉ, mỗi tư tưởng, không cử chỉ tư tưởng nào là không gây nghiệp, là không tội lỗi, huống hồ buông lung sát hại, trộm cắp, tà dâm, nói láo, tạo trăm ngàn thứ tội. Biết như vậy rồi, nhân mười ngày trai giới kể trên, đến trước tượng chư Phật, Bồ-tát cùng Hiền Thánh, tụng Kinh này một biến thì Đông, Tây, Nam, Bắc, trong vòng một trăm do tuần, không phải bị một tai nạn nào. Đồng thời, còn làm cho những người cùng ở một nhà, dù

lớn, dù nhỏ, hiện nay hay trăm ngàn năm trong vị lai, đều được vĩnh viễn xa lìa nẻo ác. Nếu trong mười ngày chay, mỗi ngày đọc được một biến Kinh này, thì ngay đời này, làm cho những người trong nhà khỏi các bịnh hoạn, tai họa, lại thêm ăn mặc dư giả.

Bởi cố, này Phổ-Quảng, nên biết Bồ-tát Địa-Tạng có trăm ngàn muôn ức thần lực lớn lao không thể nghĩ bàn, thường làm lợi ích như vậy. Chúng-sanh ở cõi Diêm-phù-đề, có nhân duyên lớn với Bồ-tát. Chúng-sanh Diêm-phù-đề mà nghe được danh hiệu của Bồ-tát, thấy được tượng của Bồ-tát, chỉ nghe được năm ba chữ, một câu, một kệ của Kinh này, thì trong hiện tại được sự an vui lớn lao hơn hết, còn trong vị lai, trăm ngàn muôn đời sống, thường được làm người đoan chánh, sanh vào nhà sang cả".

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Phổ-Quảng nghe Phật đề cao và khen ngợi Bồ-tát Địa-Tạng xong rồi, quì xuống chắp tay bạch Phật nói rằng: "Bạch Thế-Tôn, đã lâu rồi tôi biết Bồ-tát Địa-Tạng có những thần lực không thể nghĩ bàn, và sức mạnh của ý chí cương quyết (thệ nguyện). Vì muốn cho chúng sanh trong vị lai biết sự lợi ích của thần lực và thệ- nguyện ấy cho nên mới kính hỏi Như-Lai. Tôi cúi xin vâng giữ".

"Bạch Thế-Tôn, nên đặt cho Kinh này tên gì và xin dạy chúng tôi phải lưu truyền thế nào?"

Phật bảo Bồ-tát Phổ-Quảng: "Kinh này gồm có ba tên: một là "Địa-Tạng Bản-nguyện" cũng gọi là "Địa-Tạng Bản-Hạnh", lại cũng gọi là " Địa-Tạng Bản Thệ-lực". Bởi từ nhiều kiếp xa xưa đến nay, Bồ-tát đã phát nguyện trọng lớn là làm lợi ích chúng sanh, vậy các ông nên theo nguyện ấy mà lưu truyền Kinh này".

Bồ-tát Phổ-Quảng nghe xong tin lãnh, chắp tay cung kính, lễ Phật rồi lui.

Mật nghĩa:

Phẩm thứ sáu ghi những lời Phật khen ngợi Địa-Tạng.

Đáp lại lời bạch của Bồ-tát Phổ-Quảng, đức Thế-Tôn đã nói về sự phước-đức làm lợi ích hàng trời, người của Địa-Tạng.

Phổ là khắp cùng (như nói phổ-biến); Quảng là rộng. Vậy Phổ-Quảng hỏi có nghĩa là: để phổ biến sâu rộng nguyên nhân và kết quả của Tâm làm lợi ích trời người, phải nói như thế nào?

Đức Phật đã trả lời câu hỏi ấy bằng cách vạch ra những kết-quả lợi ích của sự chiêm lễ, tán thán, niệm danh, cúng dường Địa-Tạng. Các hành động này là nguyên nhân của những lợi ích nói trong Kinh, như:

1. Tán thán, lễ bái, luyến mộ danh hiệu của Địa-Tạng thì vượt khỏi ba mươi tội lỗi.
2. Chiêm ngưỡng lễ bái hình tượng thì được về cõi Thiên, không sa trở lại nẻo ác.
3. Nếu là đàn bà mà nhàm chán thân nữ nhân, những xấu xa, tật bệnh của nữ-nhi, muốn thoát khỏi cảnh ấy, thì phải biết chí tâm chiêm ngưỡng, lễ bái, cúng dường hình tượng Địa-Tạng.
4. Muốn được qui thần vệ hộ, tiếng ác không lọt vào tai, nên tán thán, cúng dường hình tượng Địa-Tạng.
5. Ai thấy người khác tán thán cúng dường hình tượng Địa-Tạng mà hủy báng, chê cười, người ấy sẽ đọa vào ngục A-tỳ, chịu nhiều cực khổ, có thọ sanh, thì sẽ sanh vào nạ quỷ, súc sanh, hay người hèn hạ, khổ sở.
6. Ai đau ốm mà nghe hay tự đọc kinh Địa-Tạng thì sau khi chết, được giải thoát các trọng tội của kiếp trước.
7. Ai muốn đừng còn thấy vong linh cha mẹ, anh em, bà con hiện về trong giấc mộng kêu khóc thê thảm vì đang bị tội khổ, thì nên vì những vong linh ấy mà tụng từ ba đến bảy biến Kinh Địa-Tạng. Người chết sẽ được giải thoát còn người đọc sẽ hết chiêm bao.
8. Ai lâm vào cảnh hạ tiện, tội đòi, mất tự-do (như ở tù, bị giam chằng hạn) mà biết sám hối tội lỗi thì sẽ thoát ly hạ tiện, về sau được sanh trong cảnh tôn quý.
9. Ai có con mới sanh mà biết đọc Kinh và niệm danh hiệu Địa-Tạng thì đứa nhỏ được giải thoát nghiệp báo đời trước, an lạc, dễ nuôi, sống lâu.

10. Toàn gia đình sẽ xa lìa nẻo ác, không tai nạn, bệnh hoạn, cơn áo đầy đủ, nếu người trong nhà biết, trong mười ngày chay mỗi tháng, đọc tụng Kinh Địa-Tạng.

Nói tóm, biết chiêm ngưỡng, lễ bái, niệm danh hiệu Địa-Tạng, cúng dường Địa-Tạng, đọc Kinh Địa-Tạng thì được những lợi ích như vừa kể. Được các lợi ích như thế là vì Địa-Tạng có oai thần, nghĩa là có khả năng huyền diệu, làm cho người tin tưởng, kính trọng, dám hy sinh cho Địa-Tạng (cúng dường) và nghe được tiếng răn lời dạy của Địa-Tạng (tụng Kinh) được lìa khổ hưởng vui, từ thấp lên cao, hết ác thành thiện.

Đã nói Địa-Tạng là Tâm, vậy oai thần vừa nói là oai thần của Tâm. Ai biết quay về với Tâm, tôn trọng Tâm, nhớ tưởng đến Tâm, hy sinh tất cả cho Tâm, cố nghe cho được lời khuyên bảo, dạy dỗ của Tâm, người ấy nhất định sẽ thu hoạch được những lợi ích tinh thần luôn cả vật chất.

Muốn trở về Tâm, phải làm thế nào?

1) Phải có cái muốn cương quyết: đó là nghĩa của "Địa-Tạng bốn nguyện" (Lòng tự nguyện với lòng)

2) Phải thực hành lời nguyện của mình ngay trong Tâm: đó là nghĩa của "Địa-Tạng bốn hạnh".

3) Nhưng sợ nguyện, hành không đầy đủ cương quyết và dẻo dai, cho nên phải tự mình thề với mình, thề một cách trọng đại để cho lời thề ấy trở thành một sức mạnh thúc đẩy mình, khi mình dãi dãi lười biếng. Đó là "Địa-Tạng bốn thệ"

Cái sự thật, cái chân-lý trong lời Phật dạy xuyên qua câu chuyện Bồ-tát Địa-Tạng, với Địa-ngục thiết vi là như vậy. Do đây, Bồ-tát Phổ Quảng mới hỏi: Kinh này tên gì, với nghĩa: sự thật trong câu chuyện này là như thế nào?

Nên hiểu những việc chiêm lễ, niệm danh cúng dường, tụng kinh đều là những phương tiện bề ngoài dùng làm nhịp cầu "Tịnh Định, Xả Ly" để con người hướng nội, quay lại với Tâm. Bởi vậy, làm những việc trên mà thiếu cái "chí tâm" thì không có kết quả gì hết.

Phẩm VII: Lợi Ích Tồn Vong

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Địa-Tạng bạch Phật nói: "Bạch Thế-Tôn, tôi quan sát thấy chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề, trong mỗi tư-tưởng, không việc nào là chẳng tội lỗi. Vì vậy, dầu gặp những trường hợp có lợi cho điều lành, phần nhiều hay để cho cái tâm quyết làm lành trước kia thối lui, còn gặp duyên ác, thì lòng nghĩ việc ác lúc lúc tăng thêm. Bọn người ấy chẳng khác kẻ vác đá nặng đi trên đất bùn lầy, càng khốn đốn càng thấy nặng, đôi chân thêm lút sâu. Nếu kẻ ấy gặp được bạn lành, thay họ chia sót hoặc lãnh gánh hết gánh nặng, thì bạn lành ấy phải là người có nhiều sức mạnh. Chẳng những gánh thay mà bạn lành ấy lại còn dìu đỡ và lại khuyên người gánh nặng nên vững chân, rồi khi đến đất bằng, khuyên nên tu tĩnh mà đừng trở lại đi trên con đường nguy hiểm nữa.

"Thế-Tôn, chúng-sanh quen thói làm ác, luôn luôn bắt từ chỗ ác mảy-mún mà đi tới chỗ ác không lường. Khi những chúng-sanh có thói quen làm ác như thế sắp chết, thì người trong thân quyền bất luận nam nữ, nên vì người sắp chết mà làm việc phúc-đức, để như cung cấp lộ phí cho họ. Việc phúc đức ấy là: hoặc treo phan cái, cúng dầu cúng đèn, hoặc tụng đọc Kinh quý, hoặc cúng dường tượng Phật, luôn cả việc niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát và Bích-chi-Phật, làm sao cho một tên, một hiệu lọt được vào lỗ tai của người sắp chết hay thân-thức của họ nghe được (nếu đã chết rồi). Cứ theo ác nghiệp đã tạo và quả báo phải cảm chịu, người sắp chết phải sa vào ba nẻo dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), nhưng nhờ quyền thuộc gieo những nhân lành sạch kể trên, bao nhiêu tội lỗi đều được tiêu diệt. Nếu sau khi người ấy chết rồi thân quyền còn, trong vòng 49 ngày, rộng làm điều thiện vì người chết, thì có thể làm cho người này vĩnh viễn xa lìa ba nẻo ác, được sanh làm người, hay lên trời, hưởng nhiều vui sướng, còn quyền thuộc còn sống được không biết bao nhiêu là lợi ích.

Bởi các lẽ trên, hôm nay trước Phật cùng Thiên, Long tám chúng, hàng người trời, tôi có lời khuyên chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề trong ngày lâm chung (của người thân), chẳng nên giết chóc cùng tạo duyên ác cúng tế quỷ thần, cầu xin ma quái. Tại sao vậy? Tại vì giết chóc và cúng tế như thế không đem lại cho vong linh người chết mảy may lợi ích nào, mà chỉ kết thêm tội duyên làm sâu nặng mà thôi. Giả như trong đời về sau, hoặc trong đời này vì nhờ được một phần nào trong sạch, đáng được sanh vào hàng trời người, nhưng vì khi chết quyền thuộc lại gây nhân ác, thì người mạng chung phải liên lụy chịu sự tai ương, bị đem ra xét xử mà chậm sanh về nơi thiện. Đối với người lành còn thế, hà huống đối với người lúc sanh tiền chưa từng

có một rế lành cón-con nào, và như vậy thì mỗi người phải theo nghiệp mình mà tự lãnh một trong ba nẻo ác. Làm sao nhân tâm tăng thêm nghiệp ác ho bà con của mình?! Thí dụ có một người từ xa đến, vai gánh trăm cân lại thêm ba ngày hết lương, gặp người hàng xóm bắt vác thêm một ít vật, thì cái khốn khổ của người gánh nặng có phải nặng nề thêm lên không?

"Thế-Tôn, quán sát chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề, tôi thấy nếu họ nãng theo lời Phật dạy, chỉ làm việc lành bằng sợi lông, giọt nước, hột cát, hột bụi, thì họ tự được sự lợi ích".

Lúc Bồ-tát Địa-Tạng nói mấy lời ấy, trong hội có một trưởng giả tên là Đại-Biện, là người từ lâu xưa đã chứng "Vô-sinh", hóa độ chúng-sanh trong mười phương, nay hiện thân trưởng-giả. Đại-Biện chấp tay cung kính hỏi Bồ-tát Địa-Tạng: "Bạch Bồ-tát, ở cõi Nam Diêm-phù-đề, chúng-sanh nào chết rồi mà thân quyến lớn nhỏ vì họ làm nhiều công đức cho đến thiết lễ trai Tăng, tạo nhiều nhân lành, vậy người chết có được nhiều lợi ích cùng được giải thoát không?".

Bồ-tát Địa-Tạng đáp: "Trưởng-giả, tôi nay xin vì tất cả chúng-sanh trong hiện tại và vị lai, sơ lược nói về việc ấy. Nay Trưởng-giả, trong hiện tại cũng như trong vị lai, chúng-sanh nào mà ngày lâm chung, nghe được một danh hiệu của Phật, của Bồ-tát, của Bích-chi-Phật, thì chúng-sanh ấy, bất luận có tội hay không tội, ắt được giải thoát. Dù nam, dù nữ, lúc còn sống mà không gieo nhân lành, tạo nhiều tội lỗi nhưng sau khi chết lại được quyến thuộc lớn nhỏ vì họ mà tạo phúc lợi, bằng tất cả những việc làm lành sạch, thì trong bảy phần công-đức, người chết lượm được một, còn kẻ sống hưởng được sáu. Bởi lẽ này, trai lành gái tốt trong hiện tại, vị lai, nghe lời tôi rồi, nên cố gắng tự tu thì mười phần hưởng trọn.

"Khi qui Vô-thường không hẹn mà đến, thì thân hồn người chết vợ vẫn trong chỗ mịt-mờ, chưa biết là có tội hay được phúc. Trong khoảng 49 ngày, thân-hồn như ngây như điếc, hoặc ở tại các ty sở để chịu sự biện luận về nghiệp quả. Sau khi được xét xử xong, là theo nghiệp mà thọ sanh. Trong lúc chưa lờng được, đã chịu ngàn muôn sáu khổ, hà hưởng đọa vào ba nẻo dữ. Người chết ấy, lúc chưa được thọ sanh, trong khoảng bốn mươi chín ngày, lúc lúc đều mong người cùng máu mủ bà con tạo phúc để cứu vớt họ. Qua 49 ngày rồi thì tùy nghiệp mà thọ báo. Nếu là người có tội, thì phải trải qua trăm ngàn năm mà không có ngày giải thoát. Nếu là người phạm năm tội vô-gián (tội trọng), thì phải sa vào địa-ngục ngàn kiếp, muôn kiếp, chịu nhiều khổ não vĩnh viễn.

Lại nữa, này Trưởng-giả, nếu quyến thuộc cốt nhục vì người tội lỗi mà làm lễ trai-tăng, tư trợ nghiệp-đạo của họ, sau lúc họ mạng chung, thì lúc thiết lễ chưa xong cùng lúc đang làm lễ, chớ đem nước gạo, lá rau, vớt dưới đất, còn các thức ăn, nếu chưa dâng lên Phật và chư Tăng, thì chớ nên ăn trước. Trái lời mà ăn, cùng chẳng tinh sạch ân cần, thì người chết không hưởng được phúc lộc cứu bạt nào cả. Nếu tinh cần, giữ gìn trong sạch trong việc dâng cúng Phật Tăng, thì người chết, trong bảy phần phúc đức, hưởng được một phần.

Bởi có, này Trưởng-giả, chúng-sanh Diêm-phù, nếu nấng vì cha mẹ, bà con mạng chung, thiết lễ trai-tăng cúng dường, hết lòng cầu khẩn, thì đôi đàng, kẻ sống người chết đều được lợi ích".

Lúc Bồ-tát Địa-Tạng nói mấy lời này, tại cung trời Đao-lợi, có trăm ngàn muôn ức na-do-tha quỷ thần cõi Diêm-phù phát tâm Bồ-đề vô lượng.

Trưởng-giả Đại-Biện vui mừng, nhận lãnh lời dạy của Bồ-tát Địa-Tạng, làm lễ rồi lui.

Mật nghĩa:

"Lợi ích tồn vong" có nghĩa là kẻ còn người chết đều được lợi ích.

Phần thứ bảy này chia làm hai phần. Phần thứ nhất nói về bốn phận của người sống đối với thân nhân mệnh chung. Nhưng không phải Phật dạy mà Bồ-tát Địa-Tạng bạch. Vậy chúng ta có thể hiểu: cứ lấy tâm mà suy xét thì thấy cái lẽ đừng tạo thêm nghiệp làm nặng gánh cho người quá vãng.

Hễ là chúng-sinh thì sống trong vô-minh, không một tư-tưởng nào mà không trái với Chân-lý (cử tâm động niệm, vô phi thị tội). Vì vậy cho nên, dù gặp duyên lành, phát tâm tu sửa, chẳng bao lâu rồi cũng thối lui, không giữ vững cái nguyện ban sơ; trái lại, gặp dịp làm ác thì xuôi theo mà làm ác càng ngày càng nhiều, chẳng khác người gánh nặng mà đi dưới bùn lầy, càng đi càng lún.

Người gánh nặng sa lầy gặp duyên lành là được người hoặc chia sót hoặc thay mình mà gánh lại địu đỡ cho ra khỏi chỗ nguy. Một khi khỏi nguy rồi, đừng trở lại chỗ bùn lầy nữa.

Người làm ác gặp duyên lành là gặp hàng bạn tốt chỉ việc tu hành, rồi cũng phải như người gánh nặng mà đừng trở lại lỗi cũ nữa.

Đến lúc gần chết nếu người ác trước không gặp duyên may như nói ở trên, thì thân quyến phải cố tạo phúc để làm nhẹ gánh nghiệp báo của kẻ lâm chung.

Sau khi người ác chết, nếu muốn họ nhẹ gánh nữa, thì nên thiết lễ trai tăng, tụng Kinh, để thần hồn họ nghe lời Phật mà cải hối, chớ đừng giết trâu mổ lợn cúng tế, khiến cho gánh nghiệp báo của họ đã nặng lại nặng thêm, chẳng khác người đi xa, hành lý nặng nề lại thêm tuyệt thực mà phải gánh thêm một ít vật nữa.

Những lễ trên đây, nói ra rất dễ hiểu dễ nhận. Nhưng phải là Địa-Tạng Bồ-tát mới nói rõ được, nghĩa là phải những người có Tâm sáng- suốt (minh châu) và cương quyết giải thoát (kim tích) mới nói được. Do đây mà Kinh đặt vào miệng Bồ-tát Địa-Tạng, tượng trưng cho tâm ấy, những lời vừa tóm tắt lại.

Phần thứ hai là câu chuyện đối đáp giữa Trưởng-giả Đại-biện và Bồ-tát Địa-Tạng.

Đại-biện là biện luận rộng ra thêm thông nghĩa lý. Và điểm đem ra biện luận ở đây là : Vì người chết mà tu các công đức, người chết sẽ được lợi ích gì và có được giải thoát không?

Sau đây là lời đáp:

Người ác lúc sắp mạng chung mà nghe được danh hiệu của Phật, của Bồ-tát, thì được giải thoát.

Chết rồi mà thân nhân làm việc phúc đức thì người chết cũng hưởng nhưng trong 7 phần có một, còn 6 phần về người sống - Ở đây, phải chăng ý Phật muốn dạy khéo người sống nên lo tu bồi công đức, vì nếu đợi đến chết mới hưởng công-đức của thân nhân, thì chẳng có bao nhiêu.

Tuy trong 7 phần hưởng được có 1, sự hưởng thọ này còn tùy tâm chí thành chỉ khản của quyến thuộc.

Vì người chết mà làm việc phúc đức, người chết hưởng mà kẻ sống cũng hưởng, cho nên gọi là lợi ích tồn vong.

---o0o---

Phẩm VIII: Diêm-La Vương Chúng Tán Thán

Lúc bấy giờ, trong núi Thiết-vi, có vô lượng vua quỷ và vua Diêm La đồng lên cung trời Đao-Lợi, đến chỗ đức Phật ở. Các vua quỷ ấy tên là: Ác-Độc quỷ-vương, Đa-Ác quỷ-vương, Đại-Tránh quỷ-vương, Bạch-Hổ quỷ-vương, Huyết-Hổ quỷ-vương, Xích-Hổ quỷ-vương, Tán-Uơng quỷ-vương, Phi-Thân quỷ-vương, Điện-Quang quỷ-vương, Lang-Nha quỷ-vương, Đạm-Thú quỷ-vương, Phụ-Thạch quỷ-vương, Chủ-Hao quỷ-vương, Chủ-Họa quỷ-vương, Chủ-Phước quỷ-vương, Chủ-Thực quỷ-vương, Chủ-Tài quỷ-vương, Chủ-Súc quỷ-vương, Chủ-Cầm quỷ-vương, Chủ-Thú quỷ-vương, Chủ-My quỷ-vương, Chủ-Sản quỷ-vương, Chủ-Mạng quỷ-vương, Chủ-Tật quỷ-vương, Chủ-Hiến quỷ-vương, Tam-Mục quỷ-vương, Tứ-Mục quỷ-vương, Ngũ-Mục quỷ-vương, Kỳ-Lợi quỷ-vương, Đại-kỳ-Lợi-thất-vương, Kỳ-Lợi xoa-vương, Đại-kỳ-Lợi xoa-vương, A-Na-Trá vương, Đại A-Na-Trá vương.

Những đại quỷ-vương như trên, mỗi mỗi cùng trăm ngàn tiêu quỷ-vương, hết thấy đều ở cõi Diêm-phù-đề, mỗi mỗi đều có "sở chấp", "sở trụ". Các quỷ-vương ấy cùng vua Diêm-La, nương oai thần của Phật và sức mạnh của Bồ-tát Địa-Tạng, đồng đến cung trời Đao-Lợi đứng qua một bên.

Lúc ấy, vua Diêm-La, quì gối chấp tay, bạch Phật nói rằng: "Thế-Tôn! Tôi hôm nay, cùng các vua quỷ, nhờ oai thần của Phật và sức mạnh của Bồ-tát Địa-Tạng, mới đến được cung trời Đao-Lợi này, và cũng vì chúng tôi đã gạt được lợi lành vậy. Tôi hôm nay có điều nghi nhỏ, dám hỏi Thế-Tôn từ bi giải nói cho chúng tôi nghe".

Phật nói với vua Diêm-la: "Ông hãy nói đi, tôi sẽ vì ông mà nói".

Lúc bấy giờ, vua Diêm-la chiêm ngưỡng lễ bái đức Thế-Tôn, cùng quày lại ngó Bồ-tát Địa-Tạng, rồi bạch Phật: "Bạch Thế-Tôn, tôi xét thấy Bồ-tát Địa-Tạng, tại sáu đường luân hồi, dùng trăm ngàn phương tiện cứu độ chúng-sanh tội khổ, không từ mỗi một. Thật Địa-Tạng Bồ-tát có những thần thông không thể nghĩ bàn vậy. Thế mà các chúng-sanh thoát khỏi tội báo không bao lâu, lại sa vào nẻo ác. Bạch Thế-Tôn, Bồ-tát Địa-Tạng có thần-lực cứu độ không thể nghĩ bàn như thế, tại sao chúng-sanh không dừng bước

ở yên trên đường lành, vĩnh viễn nắm lấy sự giải thoát? Cúi xin Thế-Tôn giải nói cho tôi nghe".

Phật bảo vua Diêm-la: "Chúng-sanh cõi Nam-diêm Phù-đề, cứng đầu cứng cổ, khó dạy khó sửa. Trong trăm ngàn kiếp, Bồ-tát Địa-Tạng hằng lo cứu nhỏ tội khổ cho những chúng-sanh ấy để chúng sớm được giải thoát. Thậm chí những kẻ vì tội báo sa vào nẻo ác lớn, Bồ-tát cũng dùng sức phương tiện, nhờ tận gốc rễ nghiệp-duyên, khiến chúng tỉnh thức mà biết những việc của các đời trước. Chính vì chúng-sanh Diêm-phù thói ác kết hợp nặng nề cho nên mới có việc hết ra rồi lại vào, ra vào quay mòng, làm cho Bồ-tát phải mệt lo, trải qua nhiều kiếp, mới độ thoát được. Thí dụ như có người lầm đường về nhà, đi vào một con đường nguy hiểm, nơi ấy có nào quỷ dạ-xoa, nào cọp, sói, sư-tử, rắn rít, bọ cạp. Trong con đường nguy hiểm ấy, người lạc đường kia không bao lâu ắt sẽ ngộ độc. Có một người hiểu biết nhiều pháp thuật lạ, có thể trừ quỷ giải độc, chợt gặp người lầm đường trong lúc người này muốn sấn bước vào nẻo hiểm. Ông ta bèn kêu nói: "Bác kia ơi! Làm gì mà đi vào đường ấy? Bác có phép thuật nào trừ được các thứ độc mà lại dám đi vào đó?"

"Người lầm đường, bỗng nghe lời hỏi, mới hay la mình sắp đi vào con đường nguy hiểm, bèn lập tức lui bước để ra khỏi chốn ấy. Khách sáng-biết liền nắm tay người lầm đường dẫn ra khỏi nơi nguy hiểm để khỏi bị hại, thậm chí còn đưa đến đường tốt để được bình an, vui sướng, và nói rằng: "Này ông bạn mê muội ơi! Từ nay về sau, đừng đi trên con đường ấy nữa nhé! Đi vào đây thì khó mà ra khỏi, lại còn tổn thất tánh mạng nữa". Người lầm đường nghe dặn, lòng hết sức cảm động. Lúc từ giã nhau, khách sáng-biết lại dặn: "Có thấy người quen biết, thân quyến cùng kẻ đi đường, bất luận nam nữ, anh nên báo cho họ biết rằng trong đường ấy có nhiều ác độc, có thể làm mất tánh mạng, để họ khỏi tự chuốt cái chết".

Bởi Bồ-tát Địa-Tạng đầy đức đại từ bi, cho nên Bồ-tát cứu nhỏ tội khổ cho chúng-sanh, mong cho chúng-sanh được sanh về cõi Nhân, Thiên, hưởng sự sung sướng huyền diệu. Chúng-sanh nào biết rằng đi trên con đường ác nghiệp là khổ, thì khi thoát khỏi nẻo ấy, vĩnh viễn không trở lại. Cũng như kẻ lầm đường, vào nơi nguy hiểm, gặp người sáng-biết, dắt dẫn ra khỏi, vĩnh viễn không vào trở lại, rồi khi gặp người khác, lại khuyên người chớ bèn mảng nơi ấy. Tự nhiên mà lìa cái nguyên-nhân mê-muội lạc đường, rồi không còn trở lại nữa. Nếu còn trở lại đi trên con đường ấy là còn mê lầm, chẳng thức tỉnh việc đã qua, quên mất con đường hiểm đã phải sa vào hoặc cái nạn gần mất tánh mạng. Những chúng-sanh đã rơi vào nẻo ác, nếu

đã được sanh về cõi Nhân Thiên mà còn trở lại đường ác, nghiệp chương nặng nề, thì phải ở địa-ngục mãi không lúc nào ra khỏi".

Lúc bấy giờ, vua quỷ Ác-Độc, chấp tay cung kính bạch Phật: "Bạch Thế-Tôn, chúng tôi, vua quỷ, đông không thể biết số, tại cõi Diêm-phù, hoặc làm lợi ích, hoặc làm tổn hại loài người, không việc làm của vua nào giống vua nào. Nhưng vì nghiệp-báo sai sử cho nên dòng họ tôi mới đi khắp thế-giới nhiều dữ ít lành. Đi qua sân nhà người, hoặc thành, ấp, xóm làng, trại vườn, ruộng, nhà, gặp đàn ông, đàn bà nào làm được một việc lành bằng đường tơ kẽ tóc, cho đến treo một lá phan, một bảo cái, dâng một cây hương con, dùng một đóa hoa nhỏ cúng dường tượng Phật và Bồ-tát, hoặc đọc tụng Kinh quý, đốt hương cúng dường một bài kệ, chúng vua quỷ chúng tôi kính lễ những người ấy như kính lễ chư Phật trong ba đời hiện tại, vị lai và quá khứ. Chúng tôi còn ra lệnh cho các quỷ nhỏ, mỗi quỷ đều có sức mạnh lớn, cùng các thần thổ-địa che chở cho những người ấy, chẳng cho việc dữ, tai nạn, bệnh ngặt, bệnh thành linh và những việc không vừa ý đến gần nhà họ ở, đừng nói là vào cửa".

Phật khen vua quỷ: "Hay lắm! Hay lắm! Chúng ngươi và các vua Diêm-la mà năng ủng hộ những trai lành, gái lành như vậy thì ta sẽ ra lệnh cho Phạm-vương, Đế-Thích che chở các ngươi".

Lúc Phật nói mấy lời này, trong hội có một vua quỷ tên là Chủ-mạng (chủ mạng sống) bạch Phật rằng: "Thế-Tôn, nghiệp-duyên căn bản của tôi là làm chủ mạng sống của loài người ở cõi Diêm-phù-đề, giờ sanh, giờ chết của loài người đều do tôi định đoạt. Ai theo đúng lời nguyện căn-bản của tôi thì được lợi ích lớn. Nhưng tại vì chúng-sanh không thâm hiểu được ý tôi cho nên tự làm cho lúc sanh cũng như khi chết đều không được an. Tại sao thế? Người cõi Diêm-phù này, lúc mới sanh ra, bắt luận trai gái, hoặc lúc sắp sanh, chỉ nên làm việc lành để thêm sự lợi ích cho nhà cửa và khiến cho thổ-địa vui mừng khôn xiết, ủng hộ cả mẹ lẫn con được nhiều an vui và làm lợi ích cho bà con. Hoặc khi sanh con rồi, chớ nên sát hại (thú vật) để lấy phần ngon tươi cung cấp cho người mẹ, cũng chớ nên mời bà con đông đảo, rượu thịt khoản đãi, đờn ca xướng hát mà làm cho mẹ con chẳng được an vui. Tại sao vậy? Vì lúc sanh sản khó khăn, có vô số quỷ ác và ma quỷ chực ăn huyết đỏ. Do đây tôi mới sớm ra lệnh cho các thần trong nhà, trong cuộc đất, bảo hộ người mẹ và đứa trẻ mới sanh cho được an vui và lợi ích. Những người ấy, được an vui như thế, thì nên làm phước làm lành đáp ơn thổ-địa. Trái lại, nếu sát hại thú vật, tự hại bà con chèn chén thì đó là tự mình gây tội lỗi phải tự chịu tai ương, mẹ con đứa trẻ sơ sanh phải có điều tổn hại.

"Lại nữa, đối với người cõi Diêm-phù bất luận hiền dữ, hễ họ đến lúc sắp chết, tôi đều muốn cho họ, sau khi chết rồi, không sa vào nẻo ác. Nếu là người đã tự tu căn lành, thì sức cứu độ của tôi được tăng thêm biết bao.

"Dầu là người làm lành của cõi Diêm-phù-đề, đến giờ mạng chung, còn có trăm ngàn quỷ thần của nẻo ác, hoặc biếm làm cha mẹ, hoặc biến làm bà con, dắt dẫn vong linh người chết vào nơi nẻo ác. Người lành mà còn bị dắt dẫn như thế hà huống người lúc sống vốn quen làm ác.

"Bạch Thế-Tôn, kẻ nam người nữ cõi Diêm-phù-đề, khi giờ chết sắp đến, thần-thức mê muội, chẳng phân biệt được thiện ác, còn mắt tai thì không còn nghe thấy nữa. Bà con lúc ấy nên thiết lễ cúng dường lớn lao, đọc tụng Kinh báu, niệm danh hiệu chư Phật, Bồ-tát. Tạo được thiện duyên này thì làm cho vong linh xa lìa ác đạo được, các ma, quỷ, thần, đều phải thối lui và giải tán.

"Bạch Thế-Tôn, tất cả chúng-sanh, nếu lúc sắp chết mà nghe được một danh hiệu Phật, một danh hiệu Bồ-tát, hoặc nghe được một câu, một kệ của Kinh-điển Đại-thừa, thì theo chỗ tôi xét thấy, ngoại trừ 5 tội trọng, đều được giải thoát các ác nghiệp nhỏ mà lẽ ra phải làm cho họ sa đọa vào ác đạo".

Phật bảo Quý-vương Chủ-Mạng: "Người có lòng từ lớn lắm mới phát được nguyện to như thế, là trong chỗ sanh tử, ủng hộ tất cả chúng-sanh. Vậy trong đời vị lai, người chớ nên thối bước trong hạnh nguyện ấy, để cho chúng-sanh, đến giờ sanh cũng như đến giờ chết, đều được giải thoát và an vui mãi mãi".

Chủ-Mạng Quý-vương bạch Phật: "Xin Thế-Tôn chớ lo, cho đến hết thân này, tôi luôn luôn ủng hộ chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề, khiến cho họ, lúc sống, lúc chết đều được an vui. Chỉ nguyện có một điều, là lúc sống, lúc chết, chúng-sanh tin giữ lời tôi, thì không bao giờ mà chẳng đặng giải thoát và thâm lượm nhiều sự lợi ích".

Lúc bấy giờ Phật bảo Bồ-tát Địa-Tạng: "Quý-vương này là người làm chủ mạng sống; ông ta từng trải qua trăm ngàn đời làm Đại Quý-vương để ủng hộ chúng-sanh trong lúc sống cũng như trong lúc chết. Thật ra đó là một vị Bồ-tát, vì lời nguyện từ bi, hiện thân Đại quý để hộ chúng-sanh, chớ không phải quý vậy. Về sau, quá một trăm bảy chục kiếp, Bồ-tát ấy sẽ thành Phật, hiệu là Vô-Tướng Như-Lai, kiếp tên An-Lạc, thế-giới gọi là Tịnh-Trụ. Phật Vô-Tướng sống lâu không biết bao nhiêu kiếp mà kể. - Nay Bồ-tát Địa-Tạng, sự tích của Đại Quý-vương là như vậy, không làm sao nghĩ bàn cho

được. Những hàng Trời, người được Quý-vương độ đông cũng không biết bao nhiêu mà nói".

Mật nghĩa:

"Diêm-la vương chúng tán thán" nghĩa là: Các vua cõi Diêm-la (âm phủ) khen ngợi. - Khen ngợi ai, khen ngợi điều gì? Khen ngợi người làm lành, người biết cúng dường Phật-bảo, Pháp-bảo.

Những Quý-vương (vua qui) nói trong phần đầu phẩm thứ tám, không phải những ma qui tin tưởng ở thế-gian, mà là những tư tưởng, ý niệm của chúng ta, hay nói cho đúng là của những chúng-sanh sống trong đen tối của ngu dốt đạo-lý (vô-minh) mà Kinh ví như địa-ngục trong núi Thiết-vi. Toàn những tư tưởng, ý niệm của một người hợp thành tâm của người ấy. Tâm ai ác độc là người ấy có Ác-độc Quý-vương, tâm ai có nhiều ác là Đa-ác Quý-vương, tâm ai hay tranh chấp là có Đại-tránh Quý-vương, tâm ai muốn ăn tươi nuốt sống kẻ nghịch kẻ thù của mình, là có Bạch-hổ, có Huyết-hổ Quý-vương. Tâm ai ưa xấu xí, là có Lang-nha Quý-vương (Quý-vương có răng của chó sói); tâm ai chỉ nghĩ đến việc ăn uống, là có Chủ-thực Quý-vương; tâm ai chỉ hướng về chỗ tiền bạc, là có Chủ-tài Quý-vương; tâm ai hay thèm, hay tìm ngó, là có con qui ba mắt, bốn mắt trong lòng (Tam-mục, Tứ-mục Quý-vương)...

Qui thì phải ở địa-ngục; tư tưởng ác xấu phải ở trong vô-minh, trong địa-ngục vô-minh. Có sao qui lại lên cõi trời Đạo-lợi là nơi dành cho bậc lành sạch được?

Kinh dạy: Lên được là nhờ oai-thần của Phật và sức mạnh của Bồ-tát Địa-Tạng.

Phật là Giác, vậy nhờ oai-thần của Phật là nhờ sự Giác-ngộ. Địa-Tạng, tượng trưng cho Tâm, vậy nhờ sức mạnh của Địa-Tạng, là nhờ sức cương quyết giải-thoát và sự sáng suốt của Tâm.

Vậy nghĩa kín của đoạn Kinh này là: Nhờ sự cương quyết giải thoát của tự tâm mỗi người (Địa-Tạng Bồ-Tát lực) và sự Giác-ngộ, những "tư tưởng ác độc vì ngu muội" có thể đăng thiên, nghĩa là trở nên lành, và người có những tư tưởng ấy có thể gặp mặt với đám người thuần thiện.

Nhưng tâm ai không có những cơn ăn năn hối ngộ, có sao vừa ăn năm lỗi mình đó, rồi lại phạm tội nữa? Đó là nghĩa ẩn của câu hỏi: "Tai sao

Bồ-tát Địa-Tạng hết sức cứu độ chúng-sanh, mà chúng-sanh, một khi đã được giải thoát tội lỗi, không chịu đứng yên trong đường lành, mà lại trở vào nẻo dữ?"

Phật giải: Ấy tại vì chúng-sanh cứng đầu cứng cổ, khó dạy, khó bảo. Và sở dĩ chúng-sanh cứng đầu cứng cổ là vì đã nhiều đời nhiều kiếp kết nối nhiều tập quán làm ác làm sai. Bởi lẽ này, Bồ-tát Địa-Tạng phải dày công hóa độ nhiều kiếp mới giải thoát được. Nghĩa là chúng-sanh phải tự mình cương quyết giải thoát và tu hành nhiều đời nhiều kiếp mới có kết quả.

Trong thí-dụ người lạc đường, người này tiêu biểu cho chúng-sanh lạc lối, lẽ phải đi trên con đường êm đẹp của thiện nghiệp lại lâm vào nẻo ác, có nhiều độc hại. Gặp hàng tri-thức (người biết đạo lý, sáng suốt, hoặc thầy, hoặc bạn, hoặc kinh, hoặc sách) chỉ cho thấy những độc hại ấy thì nên theo sự dìu dắt sáng suốt của tri-thức mà ra khỏi mê-đò, đừng tái nhập mà bị hại. Chẳng những thế, một khi ra khỏi chỗ nguy, nên ngăn bảo những người khác, quen biết cũng như không quen biết, đừng để họ làm lẫn như mình trước kia.

Ra khỏi đường nguy mà còn trở lại rồi tạt nào nghiệp nấy, vô minh thêm sâu dày thì khó mà ra khỏi sự hắc ám này.

Nhưng tư tưởng, ý niệm của chúng ta đâu có cố định là thiện hay là ác. Tùy ta mà những quỷ làm hại sẽ trở thành những quỷ ủng hộ. Nói một cách khác, tùy ta mà những tư-tưởng, ý niệm của chúng ta, trước dữ độc, sau trở nên hiền lành, không chiêu họa mà gọi sự phước đức đến với ta. Tùy ở chỗ chúng ta quay về với cái Thiện, với đạo-đức: chỉ làm được một việc lành bằng sợi tơ sợi tóc, chỉ biết đốt một cây hương nhỏ, chỉ biết cúng Phật một đóa hoa con, cũng đủ rồi. Nhưng đó mới là kính trọng Phật-bảo. Còn phải biết kính trọng Pháp-bảo, là đọc tụng và kính trọng Kinh điển là lời Phật dạy, để biết, để hiểu mà theo đó tu hành ăn năn sửa lỗi.

Lại nữa, người đời ai không muốn "sanh thuận tử an". Muốn được như lòng, thì đừng làm việc ác độc, giết gà mổ lợn ăn mừng ngày sanh, vì làm như thế là tạo nghiệp ác cho đứa trẻ mới sanh. Khi chết, cũng đừng vật trâu ngựa bò cúng tế mà làm nặng gánh kẻ ra đi mà nên tụng kinh niệm Phật cho vong-linh thức tỉnh mà xa lìa nẻo ác.

Phẩm IX: Xưng Phật Danh Hiệu

Lúc bấy giờ, Bồ-tát Địa-Tạng bạch Phật nói rằng: "Bạch Thế-Tôn, tôi nay xin vì chúng-sanh trong đời vị-lai, nói về sự lợi ích của sự xưng danh hiệu Phật, để trong chỗ sanh, tử, họ được lợi ích lớn. Cúi xin Thế-Tôn nghe lời tôi nói".

Phật bảo Bồ-tát Địa-Tạng: "Ông nay muốn dấy từ bi cứu bạt tất cả chúng-sanh tội khổ trong sáu đường mà nói sự khó nghĩ bàn, hỡi bây giờ đây chính là lúc nên nói. Vậy hãy nói mau đi, (vì) ta sắp vào Niết-bàn, để cho ông sớm tròn nguyện của ông, còn ta cũng khỏi lo âu cho tất cả chúng-sanh trong hiện-tại và vị-lai".

Bồ-tát Địa-Tạng bạch Phật nói rằng: "Bạch Thế-Tôn, trong quá khứ cách nay vô lượng vô số kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Vô-Biên-Thân Như-Lai. Nếu có kẻ nam, người nữ nào, nghe danh Phật, tạm sanh lòng cung kính, thì liền được thoát khỏi tội nặng của bốn mươi kiếp sanh-tử, hà huống đáp, vẽ hình tượng Phật rồi cúng dường, khen ngợi, thì phúc đức thu lượm được vô lượng vô biên.

"Lại nữa, trong thời xưa cách nay một số kiếp nhiều như cát sông Hằng, có một đức Phật ra đời, hiệu là Bảo-Thắng Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh hiệu của đức Phật này và trong khoảnh khắc phát tâm quy-y, thì người ấy, trên đường Vô-thượng- giác, vĩnh-viễn không hề lui bước.

"Lại nữa, trong thời xưa, có một đức Phật xuất thế, hiệu Ba-Đầu Ma-Thắng Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào được danh hiệu của Phật lọt vào tai, thì người ấy sẽ được sanh trở về cõi trời Lục-Dục một ngàn lần, hà huống hết lòng xưng niệm.

"Lại nữa, trong thời xa xưa không thể nói là cách nay bao nhiêu vô lượng kiếp, có một đức Phật xuất thế, hiệu là Sư-Tử-Hống Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật rồi một lòng qui-y, thì người ấy gặp được vô lượng chư Phật xoa đầu thọ ký.

"Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật xuất thế, hiệu là Câu-Lưu-Tôn. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, hết lòng chiêm ngưỡng và lễ bái hoặc tán thán (khen ngợi) thì người ấy trong Kiếp Hiện ngàn Phật ra đời được làm Phạm-vương và được thọ ký quả Phật.

"Lại nữa, trong thời quá khứ, có đức Phật xuất thế, hiệu là Tỳ-Bà Thi. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật thì vĩnh viễn không rơi vào ác-đạo mà thường sanh về cõi Người, cõi Trời, hưởng sự khoái lạc huyền diệu và tốt đẹp hơn hết.

"Lại nữa, trong thời quá khứ, cách nay vô lượng vô số kiếp nhiều như cát sông Hằng, có một đức Phật ra đời, hiệu là Đa-Bảo Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì cuối cùng không đọa vào nẻo ác, thường ở cõi Trời hưởng sự vui sướng nhiệm mầu hơn hết.

"Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật ra đời, hiệu Bảo-Tướng Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe được danh Phật, sanh lòng cung kính, thì người ấy không bao lâu được quả A-la-hán.

"Lại nữa, trong thời xa xưa, cách nay vô lượng kiếp, có một đức Phật ra đời, hiệu là Ca-sa-Tràng Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì thoát khỏi tội lỗi của một trăm đại kiếp sanh tử.

"Lại nữa, trong thời quá khứ, có một đức Phật ra đời, hiệu là Đại-Thông-Son-Vương Như-Lai. Nếu có kẻ nam người nữ nào nghe danh Phật, thì người đó gặp chư Phật nhiều như cát sông Hằng vì họ mà rộng nói Pháp, nhờ đó mà người ấy thành quả Bồ-đề (trở thành giác-ngộ).

"Lại nữa, trong thời quá khứ, có Phật Tinh-Nguyệt, Phật Sơn-Vương, Phật Trí-Thắng, Phật Tịnh-Danh-Vương, Phật Trí Thành-Tự, Phật Vô-Thượng, Phật Diệu-Thanh, Phật Mãn-Nguyệt, Phật Nguyệt-Diện, v.v.. nhiều Phật như vậy không thể kể xiết. Tất cả chúng-sanh trong hiện tại, vị-lai, hoặc Trời, hoặc người, hoặc nam, hoặc nữ, nếu chỉ niệm được danh hiệu của một Phật, thì được công-đức vô-lượng, hà huống niệm nhiều danh Phật. Những chúng-sanh ấy, lúc sanh, lúc chết, tự được lợi ích lớn, rốt cuộc chẳng đọa vào nẻo ác.

"Nếu đến lúc gần chết mà trong nhà quyền thuộc, dầu là một người thôi, vì người bệnh hấp hối, lớn tiếng niệm một danh hiệu Phật, thì người sắp chết trừ được tội lớn Ngũ-vô gián, còn dư bao nhiêu nghiệp báo khác cũng được tiêu diệt. Năm tội lớn vô-gián ấy, tuy hết sức là nặng nề, dầu trái ức kiếp vẫn không ra khỏi, sẽ lần hồi tiêu diệt, nhờ lúc sắp chết có người niệm danh hiệu Phật. Gần chết, nhờ người niệm Phật mà còn được đại lợi như thế, hà huống tự mình xưng danh Phật, tự mình nhớ nghĩ đến Phật, trong trường hợp này thì được vô lượng phúc đức, diệt trừ vô-lượng tội khổ.

**Địa-Tạng bốn hạnh
Thệ nguyện hồng thâm
Minh châu, Tích trượng độ chúng sanh
Địa-ngục khổ vô cùng
Tinh tấn kiên thành
Miễn đọa khổ trầm luân
Nam-mô Thường-trú thập phương Pháp**

Hạnh riêng của Địa-Tạng
Là lời thệ nguyện rộng sâu
Gậy vàng ngọc sáng, độ chúng sanh
Khổ ở địa-ngục không cùng
Vậy nên tinh tấn, kiên thành
Đề khỏi đọa vào biển khổ nổi chìm
Nam-mô Thường trú Thập phương Pháp

Mật nghĩa:

Tên của phẩm thứ chín là: Xưng Phật danh hiệu. Nghĩa: Xưng tên của chư Phật.

Tất cả chư Phật nói trong Kinh đều thuộc về thời xưa và cách nay không biết bao nhiêu triệu ức năm mà nói. Vậy nên hiểu là không phải những Phật có lịch-sử, mà toàn là những danh hiệu tượng trưng.

Ai nghe danh hiệu của Phật là người ấy đã biết có cái Vô-biên, tức là cái Tuyệt-đối hay Đạo. Biết Đạo rồi thì phải nghĩ đến cái quý của Đạo, một cái quý mà không bảo vật nào ở thế-gian bằng. Đó là nghĩa của Bảo-Thắng. Ba-đấu-ma là phiên âm của Phạn-ngữ Padma, nghĩa là hoa sen đỏ. Nhớ Đạo, quý Đạo, tất phải giữ giới và được thanh tịnh, tiêu biểu bởi hoa sen. Làm được người thanh tịnh rồi, thì trong hàng chúng-sanh, đó là một sư-tử, với nghĩa là có sức mạnh tinh thần hơn người. Rồi theo gương các Phật xưa (Câu-Lưu-Tôn, Tỳ-Bà-Thi) mà tu thiện nghiệp, sẽ được nhiều đức tánh (Đa-Bảo). Tâm thanh tịnh lại thêm nhiều đức hạnh, thân tướng sẽ đổi, con người tu hành trong giai đoạn này sẽ "phát tướng" (Bảo-Tướng), kể đó xuất gia, khoát áo ca-sa (Ca-sa-Tràng).

Với sức tiến tu, trí huệ khai mở (Đại-Thông Sơn Vương) và lần lượt mà được tâm yên tịnh như vàng nguyệt sáng, tâm an định (Sơn vương), trí huệ

hơn người (Trí-Thắng), không còn bị danh-tướng mê hoặc (Tịnh-Danh), trí huệ giúp cho thành tựu quả giác ngộ giải thoát (Trí Thành-Tựu), đạt đến sự Giác ngộ vô thượng, nghe được tiếng huyền diệu của chân Tâm (Diệu Thanh) và rốt hết đến chỗ Hoàn-Toàn (la Perfection) mà Kinh tượng trưng bằng Mảnh-Nguyệt, Diện-nguyệt: Mặt trăng đầy, Mặt trăng tròn. Đầy và tròn là Hoàn-toàn vậy.

Ý Kinh ở đây dạy chúng-sanh phải bỏ những nhớ nghĩ của thế gian mà nhớ nghĩ đến Đạo và những hạnh cần phải tu tập để đạt đến sự Giác-ngộ, Thanh-tịnh và Giải-thoát hoàn toàn.

--- oOo ---

Quyển Hạ

Phẩm X: Hiệu Lượng Bồ-Thí Công-Đức Duyên

Lúc bấy giờ, Đại Bồ-tát Địa-Tạng, vâng theo oai thần của Phật, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay, bạch Phật nói rằng: "Thế-Tôn, trong đường nghiệp của chúng-sanh, tôi thấy hiệu lực và trọng lượng của việc bố-thí có nhẹ, có nặng: có sự bố-thí làm cho một đời hưởng phước, có sự bố-thí khác làm cho mười đời hưởng phước, hoặc trăm đời, ngàn đời hưởng những phước đức và lợi lạc lớn lao. Tại sao có sự sai khác như vậy? Cúi xin Thế-Tôn vì tôi nói cho nghe".

Lúc bấy giờ, Phật bảo Bồ-tát Địa-Tạng: "Ta nay, nơi cung trời Đao-lợi có tất cả hội họp, nói về sự nặng nhẹ công đức bố-thí. Ngươi hãy nghe kỹ, ta vì ngươi mà nói".

Địa-Tạng bạch nói: "Vì tôi có chỗ nghĩ về điều này, nên nguyện vui nghe lời Phật dạy".

Phật bảo Bồ-tát Địa-Tạng: "Ở Nam-diêm-phù-đề, những bậc vua chúa, tể tướng đại thần, đại trưởng-giả, đại Sát-lợi, đại Bà-la-môn, nếu gặp những người hết sức nghèo khổ bán cùng, đến những người ốm yếu, tàn tật, câm ngọng, điếc, ngu-si, đui mù tất cả những kẻ không lành lẽ như vậy thì trong lúc muốn bố-thí, nếu được đầy đủ từ-bi, đoái xuống mỉm cười, tự mình đứng ra cho khắp cả mọi người, hoặc sai người khác đứng cho mà tự mình dùng những lời êm ái mà an ủi, những bậc vua chúa giàu sang ấy được phần phước lợi tương đương với công đức bố-thí cho chư Phật nhiều như cát một trăm sông Hằng. Cớ sao vậy? Bởi vì những bậc vua chúa giàu sang ấy, đối

với hạng người nghèo thấp và tàn tật thiếu tai, thiếu mắt... đã phát tâm từ bi (thương xót) lớn. Vì lẽ này mà có sự báo ứng về phước lợi như thế. Trong trăm ngàn đời (về sau) họ thường được đầy đủ bảy báu, hưởng chi là quần áo thức ăn món uống và vật dụng.

Lại nữa, này Địa-Tạng, nếu đời sau, những bậc vua chúa, tể-tướng... bà-la-môn nào mà gặp chùa tháp Phật, hoặc hình tượng Phật, cho đến hình tượng của chư Bồ-tát, Thanh-văn, Bích-chi Phật mà biết tự mình lo toan sửa soạn, cúng dường, bố-thí, thì những bậc sang giàu ấy sẽ được ba kiếp làm Đế-Thích trên trời, hưởng sự vui sướng nhiệm màu. Nếu những bậc giàu ấy biết đem những phước lợi bố thí mà hồi hướng cho chúng-sanh trong pháp-giới, thì trong mười kiếp được làm Đại-Phạm Thiên-Vương.

Lại nữa, này Địa-Tạng, nếu trong đời sau, có những bậc vua chúa... bà-la-môn nào mà gặp chùa tháp xưa của Phật dẫn đến Kinh, tượng Phật trong tình trạng hư nát, bề sập mà biết phát tâm tu bổ hoặc tự mình lo liệu, hoặc khuyến khích người khác lo liệu, chí trăm ngàn người kết duyên làm việc bố-thí, thì những quốc-vương... bà-la-môn ấy, trong trăm ngàn đời, thường được làm Chuyển-luân-vương. Cùng những người cùng bố-thí với các bậc giàu sang đó, thì trong trăm ngàn đời, thường làm vua các nước nhỏ. Lại nếu trước những chùa tháp tu bổ mà biết phát tâm hồi hướng công đức (cho pháp giới chúng-sanh) thì những bậc vua chúa... bà-la-môn và những người cùng làm việc bố-thí, tất cả đều đặng thành Phật hết, bởi quả báo ấy rộng lớn không lường, không ranh.

Lại nữa, này Địa-Tạng, trong đời vị-lai, nếu có bậc vua chúa cùng bà-la-môn nào thấy người già cả, đau ốm cùng kẻ phụ nữ sanh đẻ mà biết phát đại từ tâm trong khoảnh khắc, đem thuốc men, cơm nước, mền chiếu, bố-thí cho những người thiếu thốn kia được an vui, thì họ hưởng được nhiều phước lợi không thể nghĩ bàn: trong một trăm kiếp, thường làm Tịnh-cư Thiên-chủ; trong hai trăm kiếp, thường làm Lục-dục Thiên-chủ; chung cuộc thành Phật, vĩnh viễn không rơi vào ác đạo, thậm chí trong trăm ngàn đời, tai không nghe tiếng khổ.

Lại nữa, này Địa-Tạng, nếu trong đời sau, có bậc vua chúa cùng bà-la-môn nào mà làm được việc bố-thí như vừa nói, thì những bậc sang giàu ấy thu lượm được nhiều phước đức vô-lượng. Nếu lại biết hồi hướng những phước đức ấy, bất luận nhiều ít, thì chung cuộc sẽ thành Phật, đừng nói là quả báo làm Đế-Thích, Phạm-Thiên hay Chuyển-luân-vương.

Bởi các lẽ trên, này Địa-Tạng, nên rộng khuyên người học bổ-thí như thế.

Lại nữa, này Địa-Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín, ở trong Phật-Pháp, gieo những căn lành nhỏ nhít như cọng lông, sợi tóc, hột cát, hột bụi, thì phước lợi lãnh được không thể lấy gì mà thí dụ được.

Lại nữa, này Địa-Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào mà gặp kinh điển Đại-thừa, hoặc lóng nghe được một kệ một câu rồi ân cần phát tâm ca ngợi, cung kính, bổ thí, cúng dường, thì những người ấy thu lượm đượ nhiều quả báo lớn vô lượng, vô biên. Nếu biết hồi hướng cho chúng-sanh trong pháp-giới thì phước đức không thể lấy gì thí dụ được.

Lại nữa, này Địa-Tạng, nếu trong đời vị lai, có trai lành gái tín nào gặp chùa tháp của Phật, kinh điển Đại-thừa mà biết bổ thí, cúng dường, chiêm lễ, ca ngợi, chấp tay cung kính, nếu chùa tháp, kinh điển còn mới; hoặc tu bổ, sửa chữa, do tự sức mình hoặc khuyến khích nhiều người cùng phát tâm với mình, thì những trai lành gái tín ấy trong ba mươi đời, thường làm vua các nước nhỏ, còn chính người "đàn-việt" (chủ xướng việc bổ thí) thường làm vua đại quốc, lại đem pháp lành giáo hóa các vua nước nhỏ.

Lại nữa, này Địa-Tạng, trong đời vị lai, nếu có trai lành gái tín nào mà biết đứng trong Phật-Pháp gieo những căn lành, như bổ thí cúng dường, tu bổ chùa tháp, sửa sang kinh điển, dầu nhỏ nhít như một sợi lông, một hột bụi, một hột cát, một giọt nước, rồi lại đem những việc lành ấy mà hồi hướng cho chúng-sanh trong pháp-giới, thì những người lập nên các công-đức ấy sẽ hưởng được sự vui sướng nhiệm mầu trong trăm ngàn đời sống. Nếu chỉ hồi hướng cho quyến thuộc nhà mình, hoặc giữ để làm lợi ích cho tự thân, thì quả báo sẽ là ba đời vui sướng, làm một mà hưởng muôn vạn.

Này Địa-Tạng, nhân duyên của sự bổ thí là như vậy.

Mật nghĩa:

Phẩm này nói về hiệu lực và trọng lượng của sự bổ-thí, tức là chỉ cho chúng ta thấy phải bổ thí như thế nào mới có kết quả tốt và nhiều.

Ai cũng có thể làm việc bổ thí nghĩa là cho, như gặp đói cho ăn, gặp rách cho mặc, gặp đau cho thuốc..., nhưng thường có hai lối cho. Một là cho mà lòng kiêu hãnh, tay vút đồng tiền bát gạo, như để rảnh một sự phiền

phước. Một là vì lòng thật thương xót cho nên tay trao thân ái, miệng nói lời an ủi, khiến người nhận không hổ thẹn mà vui mừng. Kinh dạy phải cho theo lối thứ hai này: người cho phải "cụ đại bi tâm, há tâm hàm tiếu, thân thủ biến bố-thí, hoặc sử nhân thí, nhuyễn ngôn ủy dụ..". Nghĩa là: trong lòng phải đầy đủ niềm thương xót, hạ thấp lòng mình, tức đừng xem mình cao người thấp, miệng nở nụ cười, tự tay trao tặng vật cho, hay dầu có sai người khác cho thế cho mình, tự mình phải có những lời mềm dịu để an ủi người bần khổ. Vậy cái quý không ở vật cho ra, mà ở lối cho. Phải cho với lòng thương xót, phải tươi cười và biết trọng người thọ lãnh vật cho. Cho như thế mới có phước đức.

*Bố thí như trên, gọi là **tài thí**, nghĩa là dùng tiền bạc, vật dụng mà cấp cho người khác.*

*Còn một lối bố-thí khác nữa, gọi là **pháp thí**.*

Pháp thí là xuất tiền của hỗ trợ cho Phật-Pháp trường tồn, giữ gìn ánh sáng Chân-lý để soi đường giác ngộ giải thoát cho mọi người, mọi chúng-sanh. Bố thí về phương diện này gồm có việc xây dựng chùa dựng tháp, tô đắp hình tượng chư Phật, Bồ-tát, Thanh-văn, in Kinh ấn tống. Nếu gặp chùa tháp, hình tượng, kinh điển hư hoại thì xuất tiền tự tu bổ, sửa sang, in lại, hoặc không đủ sức thì hô hào cho nhiều người cùng phát tâm tu bổ với mình.

Nhưng bố thí như thế chưa đủ. Phải vừa biết tu bổ sửa sang chùa tháp hình tượng, kinh điển, phải vừa thêm cung kính, chiêm bái chùa tháp, hình tượng và tụng đọc kinh điển, dầu là một bài kệ, một câu văn tắt.

Trọng Phật mà không nghe Pháp thì chưa phải là đệ-tử chân-chính của Phật. Vì không nghe Pháp thì làm sao tu hành theo lời Phật dạy được? Mà không tu hành theo lời Phật thì sống mãi trong vô minh, không bao giờ giải thoát là mục đích của lời Phật dạy.

Lại nữa, muốn cho việc bố-thí - dầu tài thí, dầu pháp thí - đem lại phước đức vô lượng, vô biên, điều kiện cần thiết là đừng sanh tâm tham lam tư riêng mà muốn giữ cho mình riêng hưởng. Trái lại, tạo được bao nhiêu công-đức bố thí, đều nên phát tâm "hồi hướng" nghĩa là nhường cho toàn thể chúng-sanh trong pháp giới. Có hồi hướng như thế, phước đức quả báo mới to. Tại sao? Tại lẽ không riêng giữ cho mình là mình đã diệt lòng tham và khi lòng tham đã diệt, sự giải thoát mới hoàn toàn.

Phước đức to là ở chỗ này.

---o0o---

Phẩm XI: Địa-Thần Hộ-Pháp

Lúc bấy giờ, Thần đất Kiên-Lao bạch Phật nói: "Thế-Tôn, tôi từ xưa đến nay, đã chiêm bái, đánh lễ không biết bao nhiêu Bồ-tát, vị nào cũng là thần thông, trí tuệ, rộng độ chúng-sanh, không thể nghĩ bàn được. Riêng Bồ-tát Địa-Tạng có lời thệ nguyện sâu nặng không Bồ-tát nào bằng. Bạch Thế-Tôn, Bồ-tát Địa-Tạng có nhân duyên lớn với cõi Diêm-phù-đề. Như các Bồ-tát Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quán-Âm, Di-Lặc, tuy cũng hóa trăm ngàn thân hình để độ chúng-sanh trong sáu nẻo, lời nguyện của các vị vẫn có chỗ chấm dứt. Còn trong chỗ giáo hóa chúng-sanh sáu nẻo, Bồ-tát Địa-Tạng có phát lời nguyện lâu dài một số kiếp nhiều như cát của trăm ngàn ức sông Hằng.

Bạch Thế-Tôn, tôi xét thấy chúng-sanh nào, trong thời vị lai cùng hiện tại đây mà biết, tại chỗ mình ở, trên miếng đất trong sạch phía Nam, lấy đất, đá, trúc, gỗ xây dựng một gian nhà, trong thờ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, hoặc đắp vẽ, hoặc đúc bằng vàng, bạc, đồng, sắt, đốt nhang cúng dường, chiêm lễ, tán thán, thì nơi chỗ người đó ở, có mười điều lợi ích. Mười điều ấy như thế nào?

- Một là đất đai màu mỡ,
- Hai là nhà cửa bình an,
- Ba là người chết về trời,
- Bốn là kẻ sống lợi ích,
- Năm là cầu gì được nấy,
- Sáu là khỏi họa nước lửa,
- Bảy là hư hao trừ sạch,
- Tám là dứt hết ác mộng,
- Chín là ra vào có chư thần hộ vệ,
- Mười là thường gặp Thánh-nhơn.

Bạch Thế-Tôn, chúng-sanh trong đời sau cùng trong hiện tại, nếu biết, ngay nơi chỗ mình ở, cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng như đã nói, thì được sự lợi-ích như trên".

Thần Kiên-Lao lại bạch Phật: "Trong đời về sau, những trai lành gái tín nào mà nơi chỗ họ ở, có bộ Kinh này và hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, lại biết tụng Kinh và cúng dường Bồ-tát, thì ngày đêm, tôi sẽ tự lấy thần lực của tôi mà che chở cho những người ấy, khiến cho họ khỏi nạn nước, lửa, cướp, giặc, nạn to, nạn nhỏ, nói tóm, tất cả việc không may đều tiêu diệt hết".

Phật bảo Thần Kiên-Lao: "Thần lực của người to lớn, không thần lực của thần nào sánh bằng. Tại sao vậy? Đất đai cõi Diêm-phù-đề trồng cấy vào sự hộ vệ của người, thậm chí cỏ cây, cát đá, lúa mè, tre lau, gạo thóc, các thứ châu báu, từ đất mà có ra, đều do sức của người tất cả. (Nay) lại gánh lấy việc nêu cao sự lợi ích cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng, thì công-đức và thần thông của người trội hơn trăm ngàn lần (công đức và thần thông của các thần tâm thường).

Này Thần Kiên-Lao, nếu trong đời về sau có trai lành gái tín nào cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng cùng chuyên đọc Kinh này, chỉ cứ một việc tu hành theo Kinh Địa-Tạng Bồ-n-Quyện, thì người lấy thần-lực vốn có mà ủng hộ những người đó, đừng để tất cả những tai hại cùng những việc không vừa lòng lọt vào tai, hà hưởng để cho họ gặp nạn. Chẳng phải một mình người ủng hộ những trai lành gái tín đó, mà còn có quyền thuộc của Phạm-Thiên, Đế-Thích, của chư Thiên ủng hộ họ nữa.

Tại sao được các Thánh Hiền ấy ủng hộ như vậy? Là vì do sự chiêm bái lễ kính hình tượng Địa-Tạng Bồ-tát và chuyên đọc Kinh Bồ-tát Bồ-n-Quyện mà tự nhiên chung cuộc xa lìa biển khổ, chứng quả an lạc Niết-bàn. Bởi lẽ này mà được sự ủng hộ lớn lao vậy.

Mật nghĩa:

Địa-thần là vị thần làm chủ cai quản mặt đất, như Hà-thần là thần cai quản sông ngòi.

Hộ pháp là ủng hộ, bảo vệ Chánh-Pháp.

Kiên-Lao có nghĩa là vững bền lao nhọc.

Vậy Địa-thần Kiên-Lao ở đây có nghĩa ẩn là: sức tu hành vững bền trì chí của những tâm-hồn (địa) biết quay về phụng sự Chân-tâm (cúng dường Địa-Tạng) và thi hành lời Kinh dạy (chuyên đọc tôn Kinh)

Trong câu so sánh lời thệ nguyện của các Bồ-tát Văn-Thù, Phổ-Hiền, Quan-Âm, Di-Lặc, với lời thệ nguyện của Địa-Tạng, ý Kinh muốn nói: Phải có Trí-huệ (Văn-Thù), Hạnh-nguyện (Phổ-Hiền), Đại-bi (Quan-Âm) và Đại-từ (Di-Lặc) mới cứu độ chúng-sanh, hay nói đúng hơn, chúng-sanh muốn tự cứu độ phải có bốn đức vừa kể, tỷ như có bốn Bồ-tát kể trên theo cứu vớt. Nhưng nếu thiếu Bồ-tát Địa-Tạng, tức thiếu sự cương quyết, thì dầu có Trí-huệ, Đại-hạnh, Đại-bi, Đại-từ, người tu hành khó mà giải thoát. Nói một cách khác: lòng cương quyết tu hành, không nệ gian lao là điều-kiện tất yếu. Do đây Kinh nói: "trong việc cứu độ chúng-sanh có thệ nguyện của Bồ-tát Địa-Tạng là thâm trọng hơn cả" vì có cương quyết tu hành, nên hậu trí-huệ đại hạnh, đại từ, đại bi mới phát sanh.

Muốn chí cương quyết thành tựu, phải vững bền trong chỗ lao nhọc. Đó là vị thần Kiên-Lao.

*Muốn cho trên mặt đất có cây có cỏ, có lúa có gạo, phải **kiên lao**, nghĩa là phải dày công cày cấy, tưới bón. Muốn trên miếng đất của tâm (tâm địa) có những cây công đức cũng phải nhọc nhằn bền vững, **phải được thần Kiên-lao ủng hộ**, trong việc tin tưởng ở sức mạnh của tự tâm mình (Địa-Tạng) và thực hành những lời dạy trong Kinh này. Bằng thiếu kiên lao, nay làm mai bỏ, thì kết-quả sẽ như người làm ruộng làm vườn thiếu công vun tưới.*

Thần Kiên-lao ở đây là Tinh-tân Ba-la-mật trong Lục ba-la-mật vậy.

Lại nữa, hễ có công tinh-tân trên đường tu hành thì tự bao nhiêu ác sự như tai nạn, đao binh, nước lửa, sẽ nhờ sức hộ vệ của chư Thiên, của Long-thần Hộ-pháp mà tiêu diệt, người tu hành sống trong an lành và cùng với gia quyến được nhiều lợi ích.

Lẽ này dễ hiểu. Nho-gia có câu: Thiên hữu thiện ứng, người hiền bao giờ cũng gặp việc hay.

*Cương quyết tu hành, tốt, nhưng cần phải **kiên lao**.*

---o0o---

Phẩm XII: Kiến Văn Lợi Ích

Lúc bấy giờ, Thế-Tôn, từ trên đánh đầu, phóng ra trăm ngàn muôn ức đạo hào quang gọi là bạch-hào, đại bạch-hào, thủy-hào, đại thủy-hào, ngọc-hào, đại ngọc-hào, tử-hào, đại tử-hào, thanh-hào, đại thanh-hào, bích-hào, đại bích-hào, hồng-hào, đại hồng-hào, lục-hào, đại lục-hào, kim-hào, đại kim-hào, khánh-vân-hào, đại khánh-vân-hào, thiên-luân-hào, đại thiên-luân-hào, bảo-luân-hào, đại bảo-luân-hào, nhật-luân-hào, đại nhật-luân-hào, nguyệt-luân-hào, đại nguyệt-luân-hào, cung-điện-hào, đại cung-điện-hào, hải-vân-hào, đại hải-vân-hào... Từ trên đánh đầu phóng các thứ hào quang ấy xong, Thế-Tôn phát tiếng vi diệu, bảo các đệ-tử, Thiên Long bát bộ, hàng người và chẳng phải hàng người: "Hãy nghe ta hôm nay, nơi cung trời Đao-lợi, ca ngợi những sự lợi ích không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Địa-Tạng trong đám Trời Người. Những lợi ích ấy cao hơn nguyên nhân làm Thánh, là nguyên-nhân chứng mười quả Bồ-tát (Thập-địa sự), là nguyên-nhân chung cuộc không thối bước trên đường Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác".

Lúc Phật nói những lời ấy, trong hội có một Bồ-tát danh gọi Quán-Thế-Âm, từ chỗ ngồi đứng dậy, quì gối chấp tay, bạch Phật nói: "Thế-Tôn, Bồ-tát Địa-Tạng, lòng đây đại từ đại bi, thương xót chúng-sanh tội khổ, nơi muôn ức thế-giới, hóa ngàn muôn thân với bao nhiêu công-đức và oai-thần mạnh mẽ không thể nghĩ bàn, tôi đã từng nghe Thế-Tôn và mười phương vô lượng chư Phật đều khác miệng một lòng khen ngợi. Vì duyên cớ nào mà chư Phật trong quá-khứ, hiện-tại và vị-lai dường như không nói hết công đức của Bồ-tát Địa-Tạng vậy? Mới đây lại còn nghe Thế-Tôn ngỏ với đại-chúng là Thế-Tôn muốn nêu cao những sự lợi ích của Bồ-tát Địa-Tạng nữa. Cúi xin Thế-Tôn, vì tất cả chúng-sanh trong hiện-tại và vị-lai, nêu cao những việc không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Địa-Tạng, để cho Thiên-Long bát bộ (nghe biết) mà chiêm lễ, được phước".

Phật bảo Bồ-tát Quán-Thế-Âm: "Ông có đại nhân duyên nơi thế-giới Ta-bà: dầu Trời, dầu Rồng, dầu trai, dầu gái, dầu thần, dầu quỷ, thậm chí chúng-sanh tội khổ trong sáu nẻo luân hồi, ai là kẻ nghe đến tên ông, thấy hình ông mà biết mến chuộng, ca ngợi ông, thì trên đường dẫn đến Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác ắt không thối bước, thường sanh làm người, làm trời, hưởng thọ sự vui sướng nhiệm màu, đến khi nhân và quả đều chín muồi, sẽ gặp Phật "thọ ký" cho. Ông nay nên đầy đủ từ bi, thương xót chúng-sanh cùng Thiên Long tám chúng, nghe ta tuyên nói sự lợi ích không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Địa-Tạng. Ông hãy nghe kỹ, ta nay nói về sự ấy".

Quán-thế-Âm thưa: "Bạch Thế-Tôn, tôi xin vui nghe".

Phật bảo Bồ-tát Quán-thế-Âm: "Trong các thế-giới của vị-lai, hiện-tại, hễ phước trời đã hết thì người cõi trời có hạng hiện bày năm tướng suy¹⁵, có hạng rơi vào nẻo ác. Những hạng người-trời ấy bất luận nam nữ, đương lúc tướng suy hiện ra, mà biết hoặc "thấy" hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, hoặc "nghe" danh Bồ-tát Địa-Tạng, nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái, thì sửa đổi được tình trạng và làm tăng phước trời, hưởng thọ nhiều vui sướng lớn lao, vĩnh viễn không rơi vào sự báo ứng nơi ba đường ác. Hà huống thấy nghe Bồ-tát Địa-Tạng rồi còn dùng hương, hoa, y phục, miếng ăn thức uống, châu báu, chuỗi anh lạc mà bố thí, cúng dường, thì công đức và phước lợi hưởng được thật vô lượng, vô biên.

Lại nữa, này Quán-thế-Âm, nếu chúng-sanh sáu nẻo, trong các thế-giới vị-lai và hiện-tại, ngay trong lúc mạng chung, mà tai nghe lọt được một tiếng danh hiệu của Bồ-tát Địa-Tạng, thì vĩnh viễn chẳng trải qua bao nhiêu khổ não của ba đường ác. Huống chi, khi lúc gần chết mà cha mẹ, bà con biết đem nhà cửa, của cải, châu báu, quần áo dùng vào việc nặn vẽ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, khiến người bệnh, lúc chưa chết, tai nghe, mắt thấy được việc bà con dùng nhà cửa, châu báu của mình để vì mình nặn vẽ hình tượng Bồ-tát, thì người sắp chết ấy, nếu phải vì nghiệp-báo mà bị đau nặng như thế, sẽ được bệnh lành, tuổi thọ thêm lên. Còn nếu vì nghiệp-báo mà mạng hết và vì tất cả những tội lỗi và ác nghiệp đã phạm mà lẽ ra phải sa vào nẻo ác, thì người đau sẽ nhờ công đức nói trên mà, sau khi chết, được sanh về cõi người, cõi trời, hưởng nhiều vui sướng nhiệm mầu, bao nhiêu tội chướng đều sẽ tiêu diệt.

Lại nữa, này Bồ-tát Quán-thế-Âm, nếu trong đời về sau, có kẻ nam người nữ nào, hoặc còn bú, hoặc từ ba tuổi, năm tuổi, mười tuổi trở xuống mà mất cha mất mẹ, thậm chí mất anh chị em, đến khi lớn lên rồi, nhớ tưởng cha mẹ, bà con, không biết những quyền thuộc này lạc bước nẻo nào, sanh vào thế-giới nào hay về cõi trời nào, nếu những kẻ nam người nữ ấy biết đáp vẽ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, nghe được danh hiệu Bồ-tát, nhất tâm chiêm ngưỡng, lễ bái từ một ngày đến bảy ngày chẳng hề cho lòng quý trọng lúc đầu lui bước, luôn luôn nghe danh, ngó hình, chiêm lễ, cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng, thì những cha mẹ, anh em, dầu có bị nghiệp chướng đáng bị rơi vào nẻo ác trong nhiều kiếp, vẫn được nhờ công-đức của con em mà giải thoát, sanh về cõi người, cõi trời, hưởng thọ vui sướng nhiệm mầu.

Còn nếu hàng quyền thuộc chết là người đã có làm việc phước đức, đã sanh về cõi người cõi trời rồi và đang hưởng vui sướng, thì nhân lành nên

Thánh lên Hiền sẽ nhờ công đức của con em mà tăng thêm, hưởng vô lượng vui sướng.

Những con em, nếu lại biết suốt hai mươi một ngày, một lòng chiêm lễ hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, niệm danh hiệu Bồ-tát đủ muôn lần, thì sẽ được Bồ-tát hiện thân vô-biên ra, báo cho biết nơi thác sanh của cha mẹ, anh em mình. Hoặc trong giấc mộng, được Bồ-tát hiện đại thần lực, tự thân đi dắt những con em ấy đến các thế-giới để thấy cha mẹ, anh em. Lại nếu mỗi ngày, niệm được danh hiệu Bồ-tát một ngàn lần và như thế cho đến một ngàn ngày, thì được Địa-Tạng Bồ-tát khiến chư quỷ thần nơi đất mình ở hộ-vệ trọn đời, ăn uống dư dật, khỏi các bệnh khổ, thậm chí mọi tai nạn không vào cửa, đừng nói làm hại đến thân. Chung cuộc, những người được hộ vệ như thế được Địa-Tạng Bồ-tát rờ đầu thọ ký cho.

Lại nữa, này Quán-thế-Âm, trong đời vị-lai, nếu có kẻ nam người nữ nào muốn phát tâm từ bi rộng lớn, cứu vớt tất cả chúng-sanh tội khổ, muốn tu chứng chánh-giác vô thượng, muốn xa lìa ba cõi, thì nên ngó hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng, nghe danh Bồ-tát, hết lòng quy-y hoặc dùng hương hoa, y phục, châu báu, miếng ăn, thức uống mà cúng dường, chiêm lễ. Làm được như thế thì sở nguyện mau thành, vĩnh viễn không gặp điều trở ngại.

Lại nữa, này Bồ-tát Quán-thế-Âm, trong đời vị-ai, nếu có trai lành gái tín nào muốn cầu trong hiện-tại và vị-lai cho trăm ngàn muôn ước nguyện, trăm ngàn muôn sự việc đều được như ý, thì chỉ nên quy-y chiêm lễ, cúng dường, ca ngợi hình tượng Bồ-tát Địa-Tạng. Như thế, bao nhiêu sở nguyện, sở cầu đều được thành tựu. Nếu lại nguyện thêm: "Xin Bồ-tát Địa-Tạng, dấy lòng từ bi, ủng hộ tôi mãi mãi", thì trong giấc mộng sẽ được Bồ-tát rờ đầu thọ ký cho.

Lại nữa, này Bồ-tát Quán-thế-Âm, nếu trong đời vị-lai, có trai lành gái tín nào sanh tâm quý mến thâm sâu đối với Kinh-điển Đại-Thừa, muốn đọc, muốn tụng, phỏng gặp thầy hay, dạy chỉ cho thuộc, nhưng đọc rồi lại quên, trải qua năm tháng mà không đọc được, thì đó là nghiệp chướng đời trước chưa được tiêu trừ, cho nên đối với Kinh-điển Đại-thừa không có "tánh đọc tụng". Những người như thế, hãy nghe danh Bồ-tát Địa-Tạng, thấy tượng Bồ-tát Địa-Tạng, thì nên thu góp tâm mình cho đầy đủ, cung kính kêu cầu, lại dùng hương hoa, y phục, miếng ăn, thức uống, mọi thứ mừng mên giường chiếu cúng dường Bồ-tát: lại nữa, nên lấy một chén nước để trước bàn thờ Bồ-tát một đêm một ngày, sau đó quày đầu về hướng Nam, chắp tay thỉnh nước ấy mà uống. Lúc nước vào miệng phải hết lòng trịnh trọng. Uống

nước rồi, phải cử hành, hẹ, tởi, nén, kiêu (ngủ tân), cử uống rượu, tà dâm, vọng ngữ cùng giết hại. Trong vòng bảy ngày hoặc hai mươi một ngày, trai lành gái tín ấy, trong giấc mộng, sẽ thấy Bồ-tát Địa-Tạng hiện thân vô biên, ngay nơi những người ấy ở, rưới nước trên đánh đầu họ, khiến họ khi thức tỉnh, trí huệ sáng suốt, rồi bao nhiêu Kinh-điển, hễ lọt vào tai, là ghi mãi trong tâm không quên mất một câu, một kệ.

Lại nữa, này Bồ-tát Quán-thế-Âm, nếu trong đời vị-lai, có những người y thực không đủ, cầu gì cũng trái ý, hoặc nhiều bệnh tật, hoặc gặp nhiều việc hung dữ, hao tổn, nhà cửa chẳng an, bà con phân tán, hoặc bị tai nạn làm hại đến thân, đêm ngủ chiêm bao thấy điều sợ hãi, thì những người ấy, khi nghe đến tên Bồ-tát Địa-Tạng, thấy hình Bồ-tát Địa-Tạng, nên chí tâm cung kính niệm danh hiệu Bồ-tát đủ một muôn lần, thì bao nhiêu sự việc không vừa lòng đều lần lần tiêu diệt, rồi được an vui, y thực dư-dật, thậm chí ngủ hết chiêm bao, cuối cùng được an lạc.

Lại nữa, này Bồ-tát Quán-thế-Âm, nếu trong đời vị-lai có trai lành gái tín nào, hoặc vì kiếm ăn, hoặc vì công việc tư, hoặc vì vấn-đề sanh tử, hoặc việc gấp, đi vào rừng núi, đi sông đi biển, gặp sóng to gió lớn hay đường sá nguy hiểm, mà trước khi ra đi biết niệm danh hiệu Bồ-tát Địa-Tạng muôn lần, thì đi đến đâu có quỷ thần chỗ đó hộ-vệ, đi, đứng, nằm, ngồi đều được an vui; thậm chí có gặp cọp, sói, sư-tử, mọi thứ độc hại, cũng không bị thương tổn".

Phật bảo Bồ-tát Quán-thế-Âm: "Bồ-tát Địa-Tạng có nhân duyên lớn với chúng-sanh cõi Diêm-phù-đề; nếu đem những sự lợi ích mà chúng-sanh có thể hưởng được nhờ sự "thấy, nghe" Bồ-tát Địa-Tạng ra mà nói, thì dầu trải qua trăm ngàn kiếp, nói cũng không hết được. Bởi vậy, này Quán-thế-Âm, ông nên dùng thần lực của ông mà lưu truyền và ban bố Kinh này để cho chúng-sanh cõi Ta-bà trong trăm, ngàn, muôn kiếp được hưởng thọ an vui mãi mãi".

Lúc bấy giờ, Phật nói bài kệ như sau:

*Ta quán thấy thần lực Địa-Tạng
Hằng-hà sa kiếp nói không cùng
Thấy, nghe, chiêm lễ trong khoảnh khắc
Trời, người được lợi không thể lường.
Là nam, là nữ, là Long, Thần,
"Báo" hết, đáng rơi vào ác đạo,*

Nếu biết hết lòng quy Địa-Tạng
Tuổi thọ được thêm, tội chướng hết.
Trẻ con mất cha cùng mất mẹ
Chưa hay hồn-thần lạc về đâu,
Anh em, chị em cùng quyến thuộc,
Từ lúc sanh ra, đều không biết,
Nếu biết đáp tượng Địa Bồ-tát
Ái mộ chiêm lễ không lúc rời,
Bảy tuần liên niệm danh Bồ-tát,
Bồ-tát sẽ hiện Vô-biên thể,
Rồi biết nơi sanh của quyến thuộc
Và người nẻo ác sẽ thoát ly.
Nếu giữ được tâm cần lúc đầu
Ất Bồ-tát xoa đầu thọ-ký.
Ai muốn tu Vô-thượng Bồ-đề
Cùng muốn xa lìa khổ ba giới,
Hãy nên trước phát đại bi tâm
Kể đó chiêm lễ tượng Địa-Tạng
Thì mọi nguyện ước sớm thành tựu
Nghiệp chướng hết còn theo cột trời.
Ai người phát tâm tụng Kinh điển
Muốn vượt sông mê lên bờ giác
Tuy đã lập nguyện như thế rồi
Mà đọc Kinh xong không nhớ được,
Nên biết là mình dày nghiệp chướng
Khiến đọc Kinh Đại-thừa không nhớ.
Vậy nên dùng hương hoa, y phục,
Ấm thực, ngọ cụ cúng Địa-Tạng.
Rồi nước trong đặt trước bàn thờ
Một ngày một đêm cầu thỉnh uống,
Phát tâm ân cần, cử ngũ vị,
Rượu, thịt, tà dâm và vọng ngữ,
Hai mươi một ngày, không sát hại
Hết lòng tưởng nhớ tên Bồ-tát,
Ất chiêm bao mộng thấy "Vô-biên".
Thức giấc, mắt tai được không rõ:
Lời kinh tiếng kệ lọt vào tai
Muôn đời ngàn đời, không hề quên.
Ấy nhờ thần lực của Bồ-tát
Mà người đời mới được Huệ ấy

*Chúng-sanh nghèo khổ cùng tật bệnh
Nhà cửa nguy suy, thân thuộc lìa,
Chiêm bao mộng mỵ không an giấc
Cầu gì cũng gặp không vừa lòng:
Hãy hết lòng chiêm lễ Địa-Tạng
Bao nhiêu việc xấu đều tiêu diệt.
Giấc ngủ trở lại được bình an,
Dư ăn, dư mặc, thần ủng hộ.
Dầu lên núi, vào rừng, qua biển,
Thì thú dữ cũng như giặc cướp
Thần ác, quỷ ác cùng gió độc,
Tất cả tai nạn, khổ não khác,
Đều nhờ chiêm lễ cùng cúng dường
Hình tượng của Bồ-tát Địa-Tạng
Mà nhất nhất bị tiêu diệt hết.
Quán-Âm, hãy hết lòng nghe ta
Địa-Tạng vô lượng, khó nghĩ bàn
Trăm, ngàn, muôn kiếp nói không cùng
Nếu muốn rộng tuyên sức Đại sĩ
Danh hiệu Bồ-tát nếu được nghe
Hình tượng Bồ-tát nếu được lễ,
Lại đem hương hoa cùng ẩm thực
Y phục ngọc cụ mà cúng dường,
Trăm ngàn đời sau được an lạc.
Nếu đem công đức ra hồi hướng
Chung cuộc thành Phật, thoát sanh tử.
Bởi có, này Quán Âm, ông nên
Phổ Cáo trong Hàng-sa quốc-độ.*

---o0o---

Phẩm XIII: Chúc Lũy Nhân Thiên

Lúc bấy giờ, Thế Tôn cất cánh tay sắc vàng lên, xoa đánh đầu Bồ-tát Địa-Tạng mà nói rằng: "Địa-Tạng! Địa-Tạng! Thần lực của ông không thể nghĩ bàn được; Từ-bi của ông không thể nghĩ bàn được; Trí-huệ của ông không thể nghĩ bàn được; Biện-tại của ông không thể nghĩ bàn được. Giá phỏng chư Phật mười phương, trong ngàn muôn kiếp, ca ngợi, nói bày những việc không thể nghĩ bàn của ông, cũng không làm sao hết được.

"Này Địa-Tạng! Này Địa-Tạng! Ông ghi nhớ rằng ta nay tại cung trời Đao-lợi, trong đại hội của trăm, ngàn, muôn ức, không thể kể xiết, không thể kể xiết chư Phật, Bồ-tát, Thiên Long tám bộ, trời trần giao phó lại cho ông loài người, loài trời, tất cả chúng-sanh chưa ra khỏi ba thế-giới, còn trong nhà lửa, ông đừng để những chúng-sanh ấy rơi vào nẻo ác, dầu là trong một ngày một đêm, hà huống để cho họ rơi vào ngục Ngũ Vô-gián cùng ngục A-tỳ, trải muôn ngàn ức kiếp, không có ngày ra.

"Này Địa-Tạng! Chí nguyện và tâm tánh của chúng-sanh cõi Nam-Diêm-phù-đề không định, vì phần đông quen thói làm ác cho nên thoảng hoặc có phát tâm lành, trong chốc lát rồi cũng thối bước, bằng gặp duyên ác, những tư-tưởng ác lại tăng thêm. Bởi lẽ ấy, ta tự phân thân ra làm trăm, ngàn, ức để hóa độ chúng-sanh, tùy căn tánh mà độ thoát tất cả.

"Này Địa-Tạng! Ta nay ân cần giao gởi cho ông chúng-sanh của cõi Người, cõi Trời. Trong đời vị lai, nếu có người cõi Trời, cõi Người, cùng trai lành gái tín, ở trong Pháp Phật, gieo những căn lành, nhỏ nhít dầu bằng sợi lông, bằng hạt bụi, bằng hạt cát, bằng giọt nước, ông hãy lấy sức mạnh của Đạo (đạo lực) mà ủng hộ những người ấy, để cho họ lần hồi tu sửa đến chỗ Vô-thượng giác, đừng để họ thối bước.

"Lại nữa, này Địa-Tạng! Trong đời vị-lai, dầu trời, dầu người, nếu vì sự báo ứng của nghiệp mà phải rơi vào nẻo ác, thì khi sắp rơi vào đường ác hoặc khi đã tới ngưỡng cửa ác mà biết niệm một danh-hiệu Phật, một danh-hiệu Bồ-tát, một câu, một kệ Kinh-điển Đại-thừa, thì ông hãy lấy phương-tiện của thần-lực mà cứu bạt những chúng-sanh ấy. Nơi chỗ họ đứng, ông hiện thân vô biên, đập nát địa ngục, làm cho họ được sanh về cõi trời, hưởng thọ nhiều sự vui sướng màu nhiệm. Lúc bấy giờ, Thế Tôn nhân đây mà nói bài kệ như sau:

*"Hiện tại, vị lai, trời, người thấy,
Ta nay ân cần giao phó ông:
Hãy dùng thần thông phương tiện độ
Đừng để rơi vào các nẻo ác".*

Khi ấy, Bồ-tát Địa-Tạng quì gối, chắp tay, bạch Phật nói: "Thế-Tôn! Cúi xin Thế-Tôn chớ lo. Trong đời vị-lai, nếu có trai lành gái tín nào, trong Pháp Phật, biết một niệm cung kính, tôi sẽ dùng trăm ngàn phương tiện độ thoát những người ấy, trong chỗ sanh tử, mau được giải thoát. Huống chi

những người tai nghe việc lành, mỗi niệm đều nghĩ tới việc tu hành, thì tự nhiên trên đường Vô-thượng-giác, họ mãi mãi không thối bước".

Lúc Địa-Tạng nói như thế, trong Hội có một Bồ-tát danh Hư-Không-Tạng, bạch Phật nói rằng: "Thế-Tôn! Tôi từ đến cung trời Đao-lợi, đã nghe Như-Lai ca ngợi oai thần thế lực không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Địa-Tạng. Nếu trong đời vị-lai, có những trai lành gái tín nào, thậm chí tất cả hàng Thiên, Long, nghe được Kinh này và danh hiệu Địa-Tạng, hoặc chiêm ngưỡng, lễ bái hình tượng Địa-Tạng, những người ấy sẽ được bao nhiêu phước lợi? Cúi xin Thế-Tôn vì tất cả chúng sanh trong vị lai, hiện tại, sơ lược nói cho nghe".

Phật bảo Bồ-tát Hư-Không-Tạng: "Hãy nghe kỹ, hãy nghe kỹ, ta sẽ vì ngươi mà phân biệt nói về điều đó. Nếu trong đời vị-lai, có trai lành gái tín nào thấy hình tượng Địa-Tạng cùng nghe Kinh này, thậm chí đọc tụng, dùng hương hoa, ẩm thực, y phục, châu báu mà bố thí cúng dường, ca ngợi, chiêm ngưỡng, lễ bái, thì những người ấy được hai mươi tám thứ lợi ích:

- Một là Thiên, Long giữ gìn sự nhớ tưởng của mình.
- Hai là quả lành càng ngày càng thêm.
- Ba là tụ tập những hột giống hạng cao để làm Thánh.
- Bốn là không lui bước trên đường giác ngộ.
- Năm là ăn mặc đầy đủ dư dật.
- Sáu là tật bệnh không có.
- Bảy là tránh khỏi tai họa nước lửa.
- Tám là không bị ách nạn giặc cướp.
- Chín là ai thấy cũng khâm phục kính mến.
- Mười là được quý thần giúp đỡ giữ gìn.
- Mười một là thân gái chuyển thành thân nam.
- Mười hai (nếu phải làm thân nữ nhân) thì làm con gái của hàng vua chúa.
- Mười ba là tướng mạo tốt đẹp và đoan chánh
- Mười bốn là thường sanh về cõi trời.
- Mười lăm là ở thế gian làm bậc đế vương
- Mười sáu là sáng suốt biết đời trước.
- Mười bảy là cầu gì được nấy.
- Mười tám là họ hàng vui vẻ
- Mười chín là các tai họa tiêu diệt.
- Hai mươi là nghiệp ác trừ tuyệt.
- Hai mươi một là ở, đi, đều thông suốt.

- Hai mươi hai là đêm chiêm bao an vui.
- Hai mươi ba là bà con chết trước hết khổ.
- Hai mươi bốn là phước trước được hưởng.
- Hai mươi lăm là Hiền Thánh ca ngợi.
- Hai mươi sáu là nghe thấy sáng suốt.
- Hai mươi bảy là nhiều thương xót.
- Hai mươi tám là chung cuộc thành Phật.

"Lại nữa, này Bồ-tát Hư-Không-Tạng, nếu trong hiện tại, vị lai, Thiên, Long, quỷ, thần nào nghe danh hiệu Bồ-tát Địa-Tạng, lễ bái hình tượng Địa-Tạng, hoặc nghe Kinh Địa-Tạng Bốn nguyện, theo các điều chỉ dạy trong đó mà tu hành, ca ngợi, chiêm bái, thì sẽ được bảy thứ lợi ích:

- Một là mau lên bậc Thánh.
- Hai là nghiệp ác tiêu diệt.
- Ba là chư Phật giáng lâm hộ trì.
- Bốn là không thối bước trên đường giác-ngộ.
- Năm là sức mình tăng trưởng.
- Sáu là thông biết đời trước.
- Bảy là rốt cuộc thành Phật".

Lúc bấy giờ, tất cả những người từ mười phương tụ tập về, đông không kể xiết, tất cả chư Phật, Bồ-tát, tám nhóm Thiên Long, nghe Phật Thích-ca Mâu-ni ca tụng, khen ngợi sức mạnh oai thần không thể nghĩ bàn của Bồ-tát Địa-Tạng, đều thở ra nói: Thật là việc chưa từng nghe thấy.

Ngay lúc ấy, nơi cung trời Đao-lợi, vô lượng mưa hương, mưa hoa, mưa thiên y, mưa chuỗi ngọc, rưới xuống cúng dường đức Phật Thích-ca Mâu-ni cùng Bồ-tát Địa-Tạng xong, tất cả trong hội đều chiêm ngưỡng, lễ bái một lần nữa, rồi chấp tay lui bước.

Bài Tán

Lời tự thệ của Địa-Tạng

Là nguyên-nhân nói trong Kinh của sự trọng kính (về phước đức).

Tàn tật, cam ngọng là do nghiệp tiền sanh.

Đời nay nếu biết đọc tụng Kinh điển Đại-thừa,

Thì sẽ có phước lợi vô cùng,

Và quyết định sanh vào hoa sen báu (cõi Cực-lạc)

Mật Nghĩa:

Theo Kinh, thân-lực, từ-bi, trí-huệ và biện-tái của Địa-Tạng không thể nghĩ bàn, nghĩa là không thể quan niệm, tưởng tượng được. Mà Địa-Tạng tượng trưng cho Tâm, thì chính tâm là sức mạnh, là từ-bi, là trí-huệ, là tài hùng biện vô lượng vô biến đó.

Lại nữa, nếu hiểu Tâm mới là "con người thật", mới chính là ta, thì mỗi chúng ta là một nguồn sức mạch tâm linh (forces spirituelles), một suối từ-bi, một mặt trời trí-huệ, một núi hùng biện, tất cả đều vô cùng vô tận, không thể kể nói cho hết được, và cũng không thể đem ra suy gẫm, bàn luận được. Tất cả những đức tướng ấy đều tuyệt đối.

Vậy con người có đủ đủ điều kiện, phương tiện để tự mình cứu vớt lấy mình (thần lực); đầy đủ thương xót để làm lành (từ-bi); đầy đủ sáng suốt để phân biệt giả chân, thiện ác, chánh tà (trí huệ), đầy đủ tài biện luận để giải nghi (biện tài). Do đây Phật mới gởi gắm chúng sanh cho Địa-Tạng gìn giữ, nói một cách khác, giao chúng ta cho Tâm chúng ta chăm nom, đừng để rơi vào nẻo ác.

Sở dĩ chúng ta được Tâm Địa-Tạng trông nom như thế mà thường há sa đọa, chỉ vì chỉ chúng ta không định một chỗ, nay muốn tu mà mai lại thôi, hôm nay phát tâm lành quyết bỏ việc ác mà vài hôm sau lại thói bước. Tuy nhiên, nếu chúng ta biết rằng cốt yếu ở chỗ gieo trồng, thì ngay đây gieo đi, dầu hạt lành chỉ bằng đường tơ, sợi tóc, hạt cát, giọt nước. Vì sao? Vì có giống là sẽ có cây, có cây là sẽ có trái, nếu Địa-Tạng hay Tâm của chúng ta biết ủng hộ hạt giống đó đừng để nó mất. Vì vậy, lúc muốn làm việc ác (lâm đọa thú trung), hoặc lúc sắp làm việc ác (hoặc chí môn thú), thì nên dừng lại, nhớ nghĩ đến Phật (niệm đắc nhất Phật danh, nhất Bồ-tát danh) hoặc nhớ Pháp (niệm nhất cú nhất kệ) thì sẽ được Địa-Tạng hay Tâm phá nát địa ngục là sự mê muội, tối tăm của mình mà tránh được điều ác.

Hơn nữa, nếu tai cứ nghe việc lành, mỗi lúc đều nghĩ tới việc tu hành, lễ Phật, đọc Kinh, thì ngay đây được nhiều lợi ích phước đức, lại còn cái lợi khác là tiến bước mãi trên đường Vô thượng giác (thành Phật), không hề thói bước. Muốn được như vậy, cần phải tự thề quả quyết với mình (Bổn thệ)

Kết Luận

Có lẽ đến đây không còn sự nghi ngờ về tính cách tượng trưng của Bồ-tát Địa-Tạng. Nhưng một thắc mắc không khởi phát sanh trong lòng người đọc: "Địa-Tạng chỉ Tâm chớ không phải chỉ một vị Bồ-tát thật có, vậy có nên tiếp tục lễ bái, chiêm ngưỡng, cúng dường Bồ-tát Địa-Tạng không?"

Xin thưa: chẳng những nên mà còn cần tiếp tục, nhưng với một tinh thần mới, một thái độ mới.

Trước kia, nếu chúng ta có lầm tưởng rằng lễ bái, chiêm ngưỡng, cúng dường là đủ, thì nay nên gắn ghi và thực hành mấy điều sau đây:

- 1. Thêm vào sự tin tưởng lễ bái, việc đọc Kinh Địa-Tạng*
- 2. Suy gẫm cho nhiều, cho sâu, những lời vàng ngọc của Phật.*
- 3. Thực hành những gì Kinh dạy làm.*

Thâm ý của Đức Thế Tôn là đưa ra câu chuyện Bồ-tát Địa-Tạng để gây niềm tin nhân đó mà khuyến cáo về hậu quả tai hại của những nghiệp chướng lành, rồi cuộc dạy bảo những phương pháp khử ác tồn thiện. Vì vậy cần lễ bái chiêm ngưỡng để khai phát lòng tin; cần suy gẫm cho nhiều để thâm nhập giáo pháp của Phật về luật nghiệp báo nghiêm minh, chót hết cần phải thực hành những phương pháp tu sửa dạy rõ trong Kinh, nếu chúng ta thật tâm cương quyết thoát ly địa ngục và tự ban cho mình những phước lạc Phật hứa khả.

Nhất thiết do Tâm tạo, thì Thiên đường hay địa-ngục cũng đều do Tâm mà ra. Những gì Tâm làm được, Tâm phá được. Bởi chỉ có Địa-Tạng của chúng ta mới phá ngục "thiết vi" của tham, sân, si do chúng ta tạo và trả chúng ta về với cảnh giới giải thoát tự tại.

Nguyện mười phương chư Phật, Bồ-tát hộ trì cho tất cả bạn đọc đều sáng suốt nhận thức như thế để khỏi phụ lòng từ mẫn giáo hóa của Đức Thế Tôn.

Chánh Trí

---o0o---

HẾT

¹ Trong Kinh Tâm-Địa Quán, quyển 8, có câu: "Tam giới chi trung, dĩ tâm vi chủ. Năng quán tâm giả, cứu cánh giải thoát. Bất năng quán giả, cứu cánh trầm luân. Chúng sanh chi tâm, do như đại địa, ngũ cốc ngũ quả, tùng đại địa sanh, như thị tâm pháp sanh thể xuất thể, thiện ác ngũ thú. Hữu-học, Vô-học, Độc-giác, Bồ-tát, cập u Như Lai. Dĩ thử nhân duyên, tam giới duy tâm, tâm danh vị địa" - Dịch: Trong ba cõi (dục, sắc và vô sắc), tâm là chủ. Người quán sát được tâm, cuối cùng được giải thoát. Người không quán sát được tâm, cuối cùng chìm đắm vào biển khổ. Tâm chúng sanh giống như mặt đất, năm thứ lúa thứ trái, đều từ đất mà sanh, cũng như vậy, tất cả những lo nghĩ (tâm pháp) của chúng sanh còn kẹt trong thế-sự, hay đã vượt ra ngoài thế-sự, hoặc lành hoặc dữ, những ý niệm hướng về năm nẻo của lục đạo, những ý niệm của hạng Học, Vô học (A-la-hán), của hạng Độc giác, Bồ-tát, cho đến bậc Như-Lai, đều do tâm mà sanh. Bởi cố, ba cõi chỉ do tâm và tâm được gọi là đất.

² Kiếp (kalpa) có ba hạng. Tiểu kiếp có: 16,800,000 năm. Trung kiếp: có 20 tiểu kiếp (336,000,000 năm). Đại kiếp có 4 trung kiếp (1,344,000,000 năm)

³ Chánh văn viết: Tam thập tam thiên, tức là Đạo-lợi

⁴ Tượng pháp: 500 năm đầu của Phật-Pháp, gọi là Chánh-Pháp; 1500 năm kế đó, gọi là Tượng-Pháp. Trong thời-gian này, Pháp-Phật còn "tương tựa" mà thôi, nghĩa là đã bị phai mờ rồi, còn hình bóng mà thôi. Thời-kỳ chót là Mạt-Pháp.

⁵ Tam-Bảo: Phật, Pháp, Tăng

⁶ Chánh kiến: Thấy đúng với Chân lý

⁷ Do-tuần: 30 dặm

⁸ Chiêu cảm - Chiêu là lấy tay vẫy lại, tự gây việc cho mình. - Cảm là nhiệm phải. - ý nói biến nghiệp ấy do ba nghiệp (thân, khẩu, ý hay tham, sân, si) của chúng sanh tự tạo để tự nhiệm sự khổ não.

⁹ Mười tám ngục này chỉ Thập-bát-giới (sáu căn, sáu trần và sáu thức)

¹⁰ Bản dịch âm của T.T. Trí Tịnh và của Ô. Đoàn Trung Còn đều ghi: "Nhược bất tiên độ tội khổ linh thị an lạc, đắc chi Bồ-đề, ngã tùng vị nguyện thành Phật". Vì chữ "tùng" ở đây hình như không có nghĩa, tôi tra lại trong Đại-Tạng, thì thấy viết là "chung" chứ không phải "tùng". (dịch giả)

¹¹ Nguyên văn là "biết", mà "biết" theo Hán-Việt Từ-Điển của Đào Duy Anh, có nghĩa là con ba-ba, giống như loại rùa.

¹² Thiên, Long bát bộ: Tám loại: Thiên (trời), Long (rồng), Dạ-xoa, Càn-thát-bà, A-tu-la (Phi-thiên), Ca-lâu-la (Kim-thúy-điều), Khẩn-na-la (Phi-nhân), Ma-hầu-la-ca (đại mạng thần). Vì Thiên, Long đứng đầu trong 8 bộ chúng này, cho nên Kinh điển thường nói tắt: Thiên-Long bát bộ.

¹³ Diêm-Phù-đề: 1 trong 4 châu của thế-giới Ta-bà, tức trái đất này. Cũng gọi là Thiêm-bộ hay Nam Thiêm-bộ-Châu.

¹⁴ Hiền-kiếp (Bhadra-kalpa): Kiếp là một thời kỳ, chia có đại kiếp, trung kiếp, tiểu kiếp. Đây là nói thời-kỳ có nhiều Phật ra đời.

¹⁵ Năm tướng suy (Ngũ suy tướng) là: quần áo dơ dáy, trên đầu tóc rối, thân thể hôi hám, dưới nách thường ra mồ hôi, không thích ngôi vị của mình nữa.